

**VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC**  
**Tủ sách thiền học**  
**THÍCH THÔNG PHƯƠNG**

# **ĐẠT MA** **TỔ SỬ LUẬN**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**  
**PL:2549 - DL: 2005**



# LỜI ĐẦU

*Đạt Ma Tổ Sư Luận là rút gọn trong quyển Thiếu Thất Lục Môn, tương truyền của Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Trong quyển Thiếu Thất Lục Môn gồm có sáu bài: Tâm Kinh Tụng, Phá Tướng Luận, Nhị Chứng Nhập, Pháp Môn An Tâm, Ngộ Tánh Luận, Huyết Mạch Luận.*

*Phật Giáo Cơ Kim Hội ở Trung Đài rút lại còn 4 bài, đề tên Đạt Ma Tổ Sư Luận. Trong đây chúng tôi chọn lấy ba bài để hướng dẫn cho Chư Tăng tại Thiền viện Trúc Lâm, vì thấy đây là tinh thần kiên tánh, chỉ thẳng của Thiền Tông rất rõ. Có những nhà nghiên cứu lịch sử, nghi ngờ những bài này do người sau làm, rồi mượn tên Tổ. Nhưng điều đó còn đợi khảo cứu thêm. Ở đây chúng tôi đi thẳng vào ý nghĩa sâu của Luận thôi. Và tên sách là Đạt Ma Tổ Sư Luận Giảng Lục. Nghĩa là ghi chép lại phân giảng giải của ba phần Luận xiển dương tinh thần Thiền Tông của Tổ Bồ Đề Đạt Ma.*

**Ô kìa!**

**Người người đều có một sự thật bất khả tư nghị, đang sống hàng ngày đây mà bỏ quên. Thiên Tông chỉ thẳng cho người nhớ lại, nhận ra để sống vươn lên khỏi bùn lầy thế gian này.**

**Mạch sống Chư Phật, Chư Tổ đang ở trong mỗi con người hiện tại đây, hãy mau phát huy ra, chớ để chôn vùi mãi.**

**Còn gì vui hơn khi nhận ra: À! Mình vẫn có mặt đây chưa từng thiếu vắng!**

**Mong rằng quyển sách này sẽ đem lại ít nhiều niềm vui chân thật cho người, chứ không là những trang chữ nghĩa chết.**

**Trúc Lâm Yên Tử**

*Mùa An Cư năm Ất Dậu 2005*

*Kính ghi*

**THÍCH THÔNG PHƯƠNG**

## LƯỢC DẪN

**N**gài Đàm Lâm khi viết lời tựa có nói: "Bậc quên tâm không ai là chẳng quy tín (quy tín là tin về, cung kính với Ngài), còn hạng chấp trước mới sanh tâm chê dèm". Người quên tâm không ai là không quy tín, thấy được lý chân thật, còn hạng chấp trước phân tích, chia chẻ chữ nghĩa, mới sanh tâm chê dèm, vì còn có tâm. Có tâm mới có khen chê phân biệt này kia, rốt cuộc là tâm chúng sanh thôi. Còn quên tâm lấy gì để chê? Mà quên tâm mới thấy được Tổ

Theo sử ghi, Tổ Bồ Đề Đạt Ma là con vị vua xứ Nam Thiên Trúc, thuộc vương tử thứ ba, rất là thông minh. Khi Tổ Bát Nhã Đa La truyền pháp cho Tổ và dạy qua phương đông, Tổ theo thuyền đến Nam Hải, tức miền Nam Trung Quốc vào ngày 21 tháng 9 năm Canh Tý, tức khoảng năm 520. Lúc đó, ông Thích Sử Quảng Châu là Tiêu Ngang (có chỗ ghi là viết lầm của Tiêu Lệ, vì Tiêu Lệ mới là Thích Sử Quảng Châu lúc đó), đón tiếp, làm sơ tâu về triều, lúc đó thuộc thời vua Lương Võ Đế.

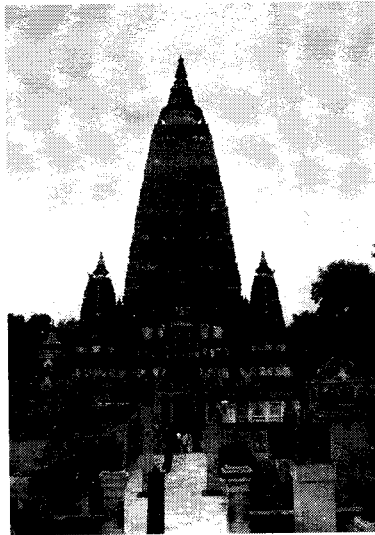
Mùng 1 tháng 11 năm đó, Tổ được đưa đến kinh đô Kiến Nghiệp. Vua Lương mời vào cung hỏi đạo, từ đó có chuyện "Thánh đế đệ nhất nghĩa". Vua hỏi đạo, Tổ thấy không khế hợp, vua Lương không nhận được ý Tổ, nên đến ngày 19 tháng 11 Tổ bỏ qua Giang Bắc.

Ngày 23 tháng 11 Tổ đến Lạc Dương nhằm thời vua Hiếu Minh Đế triều Ngụy. Tại chùa Thiệu Lâm, Tổ ngồi xoay mặt vào vách (vách chùa chú không phải vách hang, vách động). Ngài Thần Quang nghe tiếng tăm của Tổ đến đứng ngoài hiên nhằm đêm mùng 9 tháng chạp. Mùa đông, đại tuyết, tuyết xuống phủ tới gối mà Ngài Thần Quang với tâm thiết tha cầu đạo vẫn đứng bình tĩnh tới sáng. Đây nói lên tâm cầu đạo tha thiết của người xưa, chúng ta bây giờ khó làm theo Tổ nổi. Nếu đến hỏi đạo mà ông thầy xoay mặt vào vách, không ngó ngang gì tới thì sao? Cho rằng ông thầy ngạo mạn quá, bỏ về liền, thì bao giờ làm Tổ được. Đây Tổ Bồ Đề Đạt Ma muốn thử tâm cầu đạo của người đến có thật khao khát hay không, khi đó đưa ra họ mới tiếp nhận. Còn chỉ đến để thăm dò thôi, đưa ra họ cũng không tin nổi. Thí dụ nghe nói ông thầy này có đạo lực khá lắm nhưng chưa tin, muốn đến thử xem cho biết. Thử thôi thì mình nói ra họ đâu chú tâm hết mà nghe. Đây Tổ muốn tìm người đáng để truyền. Đúng được người, Tổ nói ra một câu nhẹ thôi, Ngài Thần Quang liền nhận được ý chỉ.

Sử ghi Tổ tịch khoảng năm 528. Nhằm ngày mùng

9 tháng 10, niên hiệu Đại Thông thứ hai Triều Lương-Đến đời Đường Đại Tông được ban tên thụy là Viên Giác Đại Sư.

Thiếu Thất Lục Môn, thứ tự là Bát Nhã trước, rồi đến Phá Tướng Luận.... Ở đây thứ tự chúng ta học là Huyết Mạch Luận, rồi Ngô Tánh Luận, Phá Tướng Luận, chỉ học ba phần, những phần kia các huynh đệ tự tìm hiểu lấy cũng được.



# CHĂN TRÂU



Tiền Khủng  
sách y  
thời tưng  
thời hồ  
bắt nhập  
ly ai  
thần trần

Tương Kỳ  
tương tòa  
mục vô  
giác ừc  
thần tử  
hòa trực  
giã nhân



# HUYẾT MẠCH LUẬN

## CHÁNH VĂN:

*Ba cõi cùng dấy lên, đồng về một tâm .  
Phật trước Phật sau, lấy tâm truyền tâm,  
chẳng lập văn tự*

Mới vào luận, Tổ đưa lên vấn đề chính là huyết mạch của Tổ:

Ba cõi dấy lên thì sao? Đồng về một tâm thôi! Không gì khác.

Ba cõi là dịch từ tam giới. Tam giới dấy lên đồng về một tâm. Chỗ này nhiều người hiểu lầm, thành méo mó, nhưng nếu hiểu được chỗ này mới hiểu được huyết mạch của Tổ. Nghĩa là chỉ "một tâm này", ba cõi đều về đó, nếu ngộ được "tâm này" tức thoát khỏi ba cõi.

Cớ chú tiểu hỏi Hòa thượng Thiên Long - thầy ngài Câu Chi:

- Làm sao thoát ly khỏi ba cõi?

Ngài Thiên Long không đáp, mà hỏi lại:

- Hiện giờ chú đang ở đâu?

Thấy được chỗ này là ra khỏi ba cõi! Mình học theo chữ nghĩa, thấy đang trầm luân sanh tử, muốn thoát ra ba cõi. Nhưng sự thật, như ngài Lâm Tế nói: thoát khỏi ba cõi hay ra khỏi ba cõi thì ở đâu? Trong khi đó hiện mình đang ở đâu? Chỉ do tưởng tượng mình bị trói buộc thôi.

Nếu ngay niệm hiện tiền mà bật cả tâm kia đây, ngay đó là gì rồi? Chính đó là ra khỏi ba cõi. Còn muốn tìm chỗ ra khỏi nữa, tức là bỏ chỗ này đến chỗ kia, rốt cuộc cũng lẩn quẩn trong đó thôi. Nhưng mình thường không thấy được ý đó.

Đây, ba cõi đồng về một tâm không gì khác, nhưng một tâm này là **một tâm** gì? Nếu hiểu **một tâm** là tâm đang hiểu biết, đang phân biệt lằng xằng, thì bao giờ ra khỏi ba cõi? Phải thấy được, đây Tổ dùng "nhất tâm", "một tâm" đó thôi. Phải chú ý chỗ đó! Nếu hiểu được "một tâm" này là thoát khỏi ba cõi. Nhưng "một tâm" này là tâm gì? Nếu hiểu là tâm lằng xằng phân biệt đó thì Tổ cần gì ngồi xoay mặt vào vách chín năm.

**Một tâm** này, tức là không có cái thứ hai thứ ba, không có bóng dáng đối tượng, nên gọi là một tâm, phải thấy như vậy. Đây nhà Thiền gọi là "đỉnh Diệu Phong". **Một tâm** này chính là "đỉnh Diệu Phong". "Đỉnh Diệu Phong" đó làm sao thấy?

Trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài Thiện Tài đồng tử lên đỉnh Diệu Phong tìm Tỳ kheo Đức Vân, đứng trên đỉnh Diệu Phong rồi mà không thấy Tỳ kheo Đức Vân đâu hết. Đến khi xuống núi, qua đỉnh Biệt Phong kế bên mới gặp Tỳ kheo Đức Vân. Nên sau này có vị đặt câu hỏi lại: Tỳ kheo Đức Vân chưa từng xuống núi, tại sao Thiện Tài đồng tử ở ngọn núi Diệu Phong không thấy, phải qua ngọn núi khác mới thấy? Thấy được chỗ này mới thấy chỗ một tâm kia.

"Diệu Phong" là chỉ cho tột đỉnh chân thật đó rồi. Trên chỗ chân thật đó đâu có hai người. Nên đứng trên đó đâu thấy ai nữa. Nếu trên đó mà còn thấy người thứ hai, tức có hai chủ, hai chủ thì không phải Diệu Phong rồi! Vì vậy có Thiện Tài đồng tử thì không thấy Tỳ kheo Đức Vân, nếu thấy, thành ra có hai, nên muốn thấy phải qua ngọn núi khác. Ngọn núi khác tức chỉ cho phương tiện, nhân phương tiện mà thâm nhập. Vậy **huyết mạch Tổ** nằm ngay chỗ này. Chính mê **một tâm** này nên ba cõi mới hiện, ngộ **một tâm** này là thấy đường ra ba cõi. Vì vậy, mà nói ba cõi đồng về một tâm, nên Tổ nhấn mạnh phải ngộ được tâm này, tỏ sáng được tâm này liền thấy mạch sống của Tổ.

**Phật trước Phật sau, đều lấy tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự.**

Tổ xác định rõ, ngoài đây ra không có gì khác để truyền. Đây là chỗ kinh Kim Cang : "Nói pháp tức không pháp để nói", tức cũng chỉ một tâm thôi. Nhưng tâm làm

sao truyền? Đây Tổ nói, mình phải thấu qua ngôn ngữ chữ nghĩa, nghe nói truyền, tưởng có gì để truyền là nguy. Chính chỗ này là mạch sống của Chư Phật, lấy tâm truyền tâm, nếu bỏ chỗ này coi như đứt mạch sống, đứt mạch máu. Bởi ngoài tâm mà có gì khác để truyền là sao? Tức là xa với Thiên tông và dễ bị gạt.

Nhưng nói tâm thì lấy gì để truyền? Đây nói truyền cũng là trên ngôn ngữ, chữ nghĩa. Dẫn câu chuyện Tổ Bá Trượng khai thị cho Quy Sơn. Tổ bảo Quy Sơn:

- Ông khều trong tro kiếm chút lửa.

Quy Sơn moi không thấy, Tổ Bá Trượng đến moi sâu có được chút lửa, đưa lên nói:

- Ông nói không, chứ cái này là cái gì?

Ngay đó Quy Sơn nhận ra, đó gọi là truyền tâm. Truyền tâm là như vậy đó. Hỏi: "Ông nói không, chứ cái này là cái gì?", nhấn mạnh "**cái này là cái gì**" là truyền tâm cho Quy Sơn.

Quy Sơn cũng khéo thấy được ý Tổ, ngay đó được ấn chứng.

Truyền tâm là như vậy, thấy có gì truyền là lầm!

Người nghiên cứu theo chữ nghĩa bảo rằng Quy Sơn còn cạn cợt, moi còn cạn nên không thấy. Tổ Bá Trượng ngài moi sâu mới thấy lửa. Nên Thiên là phải đào sâu.

Vậy có ngộ gì đâu. Chính khi Tổ đưa đóm lửa lên bảo: "Ông nói không, chứ cái này là cái gì đây?", nếu không thì "**cái gì thấy**" đây, chính cái đó là chỗ truyền

tâm. Hiểu như vậy mới qua được chữ nghĩa.

Đã là "Phật trước Phật sau lấy tâm truyền tâm". Vậy bao nhiêu những ngữ lục, văn tự mình học đây thì sao? Nghe nói lấy tâm truyền tâm liền cho là có chỗ truyền, lại là mắc lừa văn tự. Nên câu kệ Tổ đưa ra có ý sâu: "Chẳng lập văn tự", chỉ nói "lấy tâm truyền tâm", tức muốn cho người phải khéo nhận, vượt qua văn tự chữ nghĩa.

### CHÁNH VĂN:

**Hỏi:** *Nếu chẳng lập văn tự, lấy gì làm tâm.*

**Đáp:** *Ông hỏi tôi, chính đó là tâm ông.*

*Tôi đáp ông chính đó là tâm tôi.*

*Tôi nếu không tâm, nhân đâu mà biết  
đáp ông?*

*Ông nếu không tâm, nhân đâu biết hỏi tôi?*

*Hỏi tôi chính đó là tâm ông. Từ vô thủy kiếp  
đến nay, cho đến mọi hành động tạo tác, trong tất  
cả thời, trong tất cả chỗ đều là bản tâm của ông,  
đều là bản Phật của ông. Tức Tâm là Phật cũng  
lại như thế.*

"Biết hỏi", "biết đáp" chính đó là tâm. Trong đây ai không có cái đó? Nhưng tại sao không nhận? Chỗ này cũng dễ nhận lắm. Đây là chỗ chỉ thẳng, ngay chỗ đối đáp qua lại là đầy đủ nguồn tâm trong đó, không thiếu

thốn gì, không đợi phải tìm ở đâu.

Đây dẫn câu chuyện Động Sơn Thủ Sơ đến Vân Môn:

Vân Môn: - Ở đâu đến?

Thủ Sơ: - Tra Độ

Vân Môn: - Rồi lúc nào?

Thủ Sơ: - 25 tháng 8

Vân Môn: - Hạ rồi ở đâu?

Thủ Sơ: - Chùa Báo Từ ở Hồ Nam

Vân Môn: - Tha ông ba gậy.

Nếu chưa nghiên cứu Thiền kỹ, đọc đến đây cũng dễ nghi ngờ. Ngài Vân Môn hỏi, Thủ Sơ đáp. Hỏi qua đáp lại rõ ràng, Thủ Sơ đối đáp thật thà có lỗi gì phải ăn gậy, mà ngài Vân Môn bảo tha ba gậy? Thủ Sơ nghi ngờ, thắc mắc liền, trong lúc mình đối đáp có lỗi gì mà bị ăn gậy? Chính đây là chỗ khéo léo của ngài Vân Môn.

Sau đó Thủ Sơ lễ, đi vào phòng khách nghỉ, suốt đêm trần trọc ngủ không yên, không biết vì sao mà tha ba gậy? Giống y ngài Lâm Tế, thưa hỏi bị đánh, không biết lỗi chỗ nào.

Sáng ra liền lên thưa hỏi:

- Không biết con lỗi chỗ nào?

- Cái túi cơm! (kể ăn xin) Giang Tây, Hồ Nam liền thế ấy!

Ngay đó Thủ Sơ liền tỏ ngộ. Đơn giản!

"Ông hỏi ta", "ta đáp ông", hỏi qua đáp lại rõ ràng đâu có thiếu thốn gì, tại sao không thấy? Ngài Vân Môn "tha ông ba gậy" là muốn đánh thức ngay đó ông phải khéo tỉnh trở lại, mà ông không tỉnh nổi, vì còn nghĩ

không biết lỗi chỗ nào. Nhưng chính chỗ đó, tâm dồn nén suốt một đêm, hết nghĩ bậy, chuyên nhất vào một việc. Sáng ra ngài Vân Môn chỉ khơi nhẹ, liền tỏ ngộ.

"Cái túi cơm" tức chỉ lo ăn xin thôi. "Giang Tây Hồ Nam liền thế ấy", Giang Tây chỉ cho Mã Tổ, Hồ Nam chỉ cho Thạch Đầu, "liền thế ấy" tức Giang Tây- Hồ Nam cũng chỉ "cái ấy" thôi, ông cứ quấy túi cơm ăn xin đầu này đầu nọ, nhọc nhằn làm gì? Có gì khác đâu? Ngay đó tỏ ngộ liền!

Hiểu như vậy mới thấy ý Tổ muốn đáp ở đây: "ông hỏi tôi chính đó là tâm ông, tôi đáp ông chính đó là tâm tôi". Ngay đó còn thiếu gì nữa mà phải đi tìm đi hỏi? Nhưng không khéo cũng hiểu lầm, như vậy cái hỏi, cái đáp, đó chính là tâm mình thật chưa? Nếu giảng một chiều cũng là lầm. Nghe bảo nói năng là tâm, rồi nhận cái động môi, động lưỡi là tâm thì nguy! Nếu nhận cái nói năng là tâm, khi im lặng không nói, thì không có hay sao? Nên nói năng cũng là dụng, nghĩa là tướng dụng hiện ra. Có nói thì có im. Nói là động, im là tịnh. Có nói có im, có động có tịnh là tướng sinh diệt. Nhận tướng sinh diệt là tâm mình được sao?

Đây phải nhận ý ngoài lời, nếu theo lời vội nhận dễ mắc kẹt. Nên nhiều khi học qua, tưởng mình hiểu rồi, nhưng không đi sâu là chưa thấu được ý Tổ. Phải khéo nhận trong đó "cái gì là cái biết nói, biết im?". Nó biết nói được, nó biết im được. Còn chỉ nhận cái nói, im thôi thì khi nói là có, khi im là không. Cái đó là dụng, mà ý Tổ

muốn chỉ, sở dĩ hiện ra cái dụng là từ "thể" mới hiện ra dụng. Không "thể" làm gì hiện ra dụng được.

Phải khéo ngay tướng động dụng mà nhận ra cái thể, tức nguồn phát ra mọi động dụng đó. Nếu chỉ nhận trên tướng là nhận trên sanh diệt. Cái biết nói, biết im, luôn luôn thường hiện hữu đó, nó không thuộc có lời hay không lời. Nói cũng có, không nói cũng có. Nó luôn luôn có mặt. Do đó, phải khéo ngay trên cái dụng mà nhận được cái thể. Còn chỉ nhận trên dụng thôi mà quên cái thể đó là mê, nhưng chính mình chỉ nhận trên cái dụng, nên thấy nói năng qua lại mà quên mất cái gì là nguồn phát ra những thứ đó.

Vậy ngay cái nói năng qua lại, nó mang sẵn cái thể chân thật trong đó, phải khéo nhận dụng mà nhận thể.

**Hỏi tôi chính đó là tâm ông. Từ vô thủy kiếp đến nay, cho đến mọi hành động tạo tác trong tất cả thời, tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tức tâm là Phật cũng lại như thế.**

Vậy chỗ nào cũng hiện hết, trong tất cả thời, tất cả chỗ, động dụng tạo tác gì cũng hiện ra cái đó hết. Thấy được chỗ này, mình làm gì, hành động gì cũng đều sáng ngời, nên nói ho hen động tịnh gì cũng là thân thông diệu dụng.

Ngài Ngưỡng Sơn, Quy Sơn một hôm đi hái trà. Quy Sơn bảo:

- Cả ngày chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con.



Ngưỡng Sơn liền đến "rung" cây trà.

Quy Sơn muốn thấy hình Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn liền "rung" cây trà hiện hình. Tức là sao? Mọi động tác thi vi đều là "bản tâm ông", từ tâm hiện ra.

Quy Sơn gạn lại, sợ người ngoài lắm:

- Con chỉ được cái dụng chưa được cái thể.

Ngưỡng Sơn hỏi lại:

- Hoà thượng thì sao?

Quy Sơn im lặng, Ngưỡng Sơn nói:

- Hoà thượng chỉ được cái thể mà không được cái dụng.

Vậy ai trúng? Chỗ này trong Tông Quy Ngưỡng gọi là "thầy trò khéo gờ nhau".

Ngưỡng Sơn rung cây trà nhưng ngài Quy Sơn thấy thấu qua cái thể nên nói "ông chỉ được cái dụng mà không được cái thể". Chính là còn một phần nữa mình phải bỏ tước vào. Nếu chỉ thấy rung cây trà, rồi nhận bao nhiêu đó là chưa đủ. Nhưng nếu chúng ta nghe vậy rồi hiểu Ngưỡng Sơn chỉ được dụng mà không được thể, cũng là bị ngôn ngữ lừa. Nếu không có thể lấy gì biết hiện dụng, biết rung cây trà? Đến chỗ ngài Quy Sơn im lặng, nghe Ngưỡng Sơn nói "Hòa thượng chỉ được cái thể mà không được cái dụng", chúng ta cũng lại hiểu ngài Quy Sơn chỉ được thể không có dụng, thì cũng chỉ hiểu một bên. Nếu thể mà không dụng là thể chết, nên phải thấu qua chỗ im lặng đó.

Tổ dạy: *trong tất cả thời, tất cả chỗ đều là bản tâm ông, tức chỗ nào cũng là chỗ bản tâm hiện, chỗ nào cũng*

là chỗ mình có thể thấy lại. "Bản tâm" tức chỉ cho tâm thể đó. Chính cái này từ vô thủy kiếp đến nay có sẵn đó, và chính đó là bản Phật của ông, Ngài muốn nhấn mạnh "tức tâm là Phật".

Chính cái tâm này mới gọi là "tức tâm là Phật", chứ không phải tâm suy nghĩ sanh diệt kia đây. Nhưng mình muốn sống được với tâm này thì sao? Không phải đơn giản chỉ nghe hời hợt bên ngoài được. Nhà thiền nói, khi chứng ngộ tâm này gọi là Tổ, sống trọn vẹn với tâm này là Phật, nên nói "tức tâm là Phật".

Ngài Đại Mai khi tin nhận tâm này về ở núi và không còn ai lay chuyển được. Ngài hỏi Mã Tổ "thế nào là Phật?". Mã Tổ đáp "tức tâm là Phật", Ngài nhận tâm này về ở núi. Sau Mã Tổ sai người đến gạn, nhưng Ngài đã tin nhận tâm này không còn bị lầm nữa. Tăng hỏi: "Ngài thấy gì ở Mã Tổ liền về ở đây?". Ngài đáp: "Ta đến hỏi Mã Tổ cái gì là Phật? Mã Tổ đáp tức tâm là Phật, liền về ở đây". Tăng nói: "Bây giờ Mã Tổ đáp khác rồi, không còn nói vậy nữa. Bây giờ Ngài nói chẳng phải tâm, chẳng phải Phật". Lúc đó Đại Mai bảo: "Mặc kệ cho ông già đó làm loạn thiên hạ, còn ta chỉ tức tâm tức Phật thôi."

Nên thấy được chỗ đó là niềm tin vững, không còn ai lay chuyển được.

**CHÁNH VĂN:**

*Trừ ngoài tâm này không thật có Phật nào khác có thể được.*

*Lìa ngoài tâm này mà tìm Bồ Đề, Niết Bàn không có lẽ ấy.*

*Ngoài tâm này không riêng có Phật nào khác, cũng không riêng có Bồ Đề, Niết Bàn nào khác.*

Bồ đề, Niết bàn cũng chỉ là cái tên. Phật, Bồ Tát cũng từ chúng ngộ tâm này, ngoài tâm này lấy cái gì gọi là thành Bồ Tát, thành Phật? Chúng bồ đề, niết bàn cũng từ đó. Cho nên phải từ tâm này, nhận được, sống được chỗ đó gọi là Tổ, sống trọn vẹn là Phật, chưa trọn vẹn, từng phần thì gọi Bồ Tát vậy!

Bồ đề, Niết bàn theo ngài Lâm Tế cũng là những cái tên, những chiếc áo mặc, có cái áo bồ đề, có cái áo niết bàn. Mình phải thấy được cái gì là cái thể bồ đề, niết bàn? Không thể ngoài tâm này riêng có. Nhưng làm sao **thấy được tâm này**, đó mới là quan trọng. Đó là phần của mỗi người!

Có vị Tăng hỏi ngài Vân Môn: "Thể nào là Phật?". Vân Môn đáp: "ba cân gai". Vậy ba cân gai là Phật sao? Ở đây, ông Tăng hỏi thể nào là Phật, là muốn hiểu về Phật, nếu hiểu về Phật thì đó là Phật gì? Phật có đến có đi, Phật bị hiểu. Nên Ngài đáp: "ba cân gai" là ngay đó khiến bật niệm phàm thánh kia đây. Mà bật niệm phàm

thánh kia đây thì ngay đó tức Phật, ngay "tâm đó" là Phật chứ không gì khác. Nhưng Ngài không giải thích. Đó là cái khéo của các vị Thiền sư.

### CHÁNH VĂN:

*Tự tánh chân thật, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Pháp tức là nghĩa của tâm. Tự tâm là niết bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ đề có thể được thì không có lẽ ấy. Phật và Bồ đề đều ở chỗ nào?*

Đây nghe kỹ không khéo bị mắc kẹt.

Ngài nói tự tánh chân thật, chẳng phải nhân chẳng phải quả, pháp là nghĩa của tâm. Vậy có bài bác nhân quả không? Nếu giảng cho người bảo rằng đây là bài bác nhân quả, coi chừng bị đọa! Không thể giải thích một cách hời hợt được. Ý Tổ muốn nói, tự tánh đó không phải từ nhân. Quả là cái từ nhân mà sanh, rồi kết thành quả. Tự tánh chân thật này không phải từ nhân mà sanh, mà là cái sẵn có. Tự tánh đó không phải là quả được thành, nên nói không phải quả. Nói không phải nhân, không phải quả là chỉ cho cái đó "có sẵn" nơi mọi người, không phải là cái được thành từ bên ngoài. Nói như vậy, không có nghĩa là bài bác nhân quả. Nó sẵn có đó, nhưng còn mê thì sao đây? Cũng phải tu, cũng phải hành, công phu đầy đủ, khi khế hợp thì mình nhận rõ, đây là cái sẵn có,

chứ không phải từ ngoài được, không còn có niệm sở đắc, như vậy mới là tỏ ngộ chân thật. Không hiểu như vậy, hôm nào ngộ liền cho rằng do công phu tu hành nhọc nhằn của mình lâu ngày mà được. Đó là niệm sở đắc, đưa đến cái ngã khởi, thấy "ta đã được", do công phu tu mà ta ngộ. Thấy mình được mà người chưa được thì dễ sanh tâm khinh thường, hoặc tâm kiêu mạn, lâu ngày thành bệnh. Nên nói "phi nhân", "phi quả" là ý nghĩa như vậy, chứ không phải là bài bác nhân quả.

**Pháp đó là nghĩa của tâm, tự tâm là niết bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ đề có thể được, không có lẽ ấy.**

"Pháp" đây là chỉ cho Pháp chân thật đó thôi, không có pháp gì khác. Nếu nơi tâm mà thấy có một pháp gì khác tức là ngoài tâm có pháp, pháp đó là cái bị biết, cái bị thấy thì đó là cái bóng. Nên dù nói là pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng chỉ là tâm ấy thôi, không thể riêng có cái khác. Nếu ngoài tâm đó riêng có cái Vô thượng chánh giác nữa, thì Vô thượng chánh đẳng chánh giác đó cũng chỉ là cái bóng thôi.

Nên ở đây Tổ nhấn mạnh, mình phải khéo xoay lại, không chạy theo cái tên bên ngoài. Dù nói Bồ đề, Niết bàn đó cũng là cái tên, Phật cũng là cái tên. Phải ngay cái tên đó mà khéo thấy ra "đâu là cái thể Phật", "đâu là cái thể Bồ đề, Niết bàn".

Lục Tổ nói: "Bồ đề vốn không cội". Mình nghe nói Bồ đề tưởng đâu có cái Bồ đề nào đó, thì đó là tưởng theo

tên, gọi là theo danh mà khởi tướng. Chẳng những theo danh khởi tướng, mà đi xa hơn nữa tướng Bồ đề là sum sê, hoặc tướng là cây Bồ đề là càng lắm. Thật ra, nói tên Bồ đề là đã chồng lên một lớp rồi, còn nói cây Bồ đề càng làm cho người ta tưởng tượng thêm. Nên Lục Tổ nói "vốn không cội" là vậy. Đây là không có chỗ cho tâm bám rễ, mọc rễ được! Nghe nói Bồ đề, Niết bàn rồi nghĩ về Bồ đề, Niết bàn, thì đó chưa phải là Bồ đề, Niết bàn.

Có người lại hỏi: "Bồ đề, Niết bàn ở chỗ nào?" là càng xa thêm.

### CHÁNH VĂN:

*Ví như người lấy tay nâng hư không, được chăng?  
Hư không chỉ có tên cũng không tướng mạo,  
lấy chẳng được, bỏ chẳng được, thật là nắm bắt hư  
không chẳng được. Trừ ngoài tâm này thấy Phật  
trọn chẳng được.*

Lấy tay mà nâng hư không làm sao được! Cũng vậy, Bồ đề, Niết bàn cũng chỉ là những cái tên, theo tên mà bám chấp làm sao thấy được! Người khéo là phải thấu qua cái tên mà nhận rõ "cái gì là cái chân thật?"

**CHÁNH VĂN:**

*Phật là tự tâm mình làm, nhân đâu nói là ngoài tâm mà tìm Phật? Phật trước Phật sau chỉ nói tâm ấy. Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật thì Phật ở đâu? Ngoài tâm đã không có Phật thì đâu khởi cái thấy Phật.*

Đây không phải một vị Phật nói, mà Phật trước, Phật sau đều xác định rõ: Tức tâm là Phật. Mới nghe qua ai cũng tưởng là tôi hiểu hết rồi. Tuy nhiên, đặt câu hỏi lại "thật hiểu chưa?", đó mới là vấn đề.

Nói tức tâm là Phật, Phật tức tâm, nhưng muốn hiểu thấu chỗ này cần có một bước nhảy, không phải đơn giản. Vì sao? Nếu theo đó hiểu, dù cho hiểu hay mấy đi nữa cũng là còn kẹt trên lời của Tổ, của Phật. Đây nếu còn thấy "tên Phật, tên tâm" để hiểu chưa quên thì dù cho có nói "tức" đi nữa cũng còn "mê" như thường. Còn thấy có "tâm", còn thấy có "Phật", hai cái để hiểu, nói tức cũng là mê thôi. Bởi còn thấy có tâm, còn thấy có Phật, cho nên còn nói tức, chứ nếu quên bật cả hai, lấy gì nói tức? Nên phải vượt qua văn tự, quên cả tâm, cả Phật, lúc đó mới thực sự là "tức".

Nên Tổ xác định rõ: ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không thể rời ngoài tâm mà có. Tâm hay Phật cũng là danh từ. Mình nghe, kẹt trên danh từ

nên thấy có hai.

Ông Bàn Uẩn, có bài kệ nói về Phật Bất Động ở Phương Đông tức Phật A Súc :

Thường nghe Phật A Súc.

Nghi hướng phương đông cầu.

Hôm nay xét nét kỹ

Bất động tự nhiên đến

Thường mình nghe nói Phật A Súc ở phương đông, nên hướng về phương đông mà cầu Ngài, để sanh về cõi nước của Ngài. Nhưng ông Bàn Uẩn nói, bây giờ xét kỹ nếu tâm bất động tự nhiên đến, không cần phải qua đến phương đông. Bởi Phật A Súc là Phật Bất Động, nếu tâm mình bất động ngay đó tự nhiên đến. Ở đây mà cầu qua phương đông thì sao? Động rồi, thì cũng không thấy được Phật Bất Động. Còn ngay đây mà tâm bất động liền thấy Phật A Súc, chỉ ngay mình thôi.

Một vị khác nói về Phật A Di Đà:

Di Đà trí tánh thể như như

Sẵn có xưa nay chẳng thiếu dư

Mặt thật xưa nay ai khám phá

Đông Tây qua lại thấy gặp y.

*Trí tánh Di Đà thể như như*, không động, không thêm không bớt, sẵn có xưa nay không thiếu dư gì hết. Nếu ngay đây khám phá được mặt thật xưa nay của mình tức "bản lai diện mục", thì đông tây qua lại mặc tình đó thấy đều gặp hết, không cần phải qua Cực lạc.

"Tức tâm tức Phật" là ngay đây phải thấy lại liền,



không tìm bên ngoài, còn mình kẹt theo tên, càng tìm càng xa. Nếu còn thấy Phật để "tức" đó là còn ngầm cái thứ hai trong đó. Có cái thứ hai là chưa thật thấy.

**Ngoài tâm có Phật thì Phật đó ở đâu? Ngoài tâm đã không có Phật, đâu khởi cái thấy Phật.**

Ngoài tâm không có Phật, đâu khởi cái thấy Phật chi nữa. Phật là Phật rồi còn thêm cái gì nữa. Nên có câu: "Văn Thù vừa khởi Phật kiến, Pháp kiến liền bị đòi đến hai ngọn núi Thiết vi".

Núi Thiết vi là chỉ cho Địa ngục, chỗ tối tăm, u minh. Bài kệ hô chuông có câu: "Thiết vi u ám", tức chỗ mờ mịt tối tăm. Văn Thù là căn bản trí, mà vừa khởi cái thấy Phật, cái thấy Pháp liền rơi vào hai bên, mờ mịt. Vì vừa khởi cái thấy Phật là có chứng sanh kế bên, tức rơi vào phân biệt, trái với căn bản trí, liền bị đòi đến hai ngọn núi Thiết vi.

Kinh Lăng Nghiêm có đoạn nói về "phi tức, phi ly":

Phật bảo Văn Thù: - Nay tôi hỏi ông, như ông là Văn Thù, lại còn có Văn Thù tức phải Văn Thù hay không phải Văn Thù chẳng?

Văn Thù đáp: - Bạch Thế Tôn! Con nay thật là Văn Thù rồi, không có tức phải Văn Thù nữa. Vì sao? Nếu có tức phải Văn Thù thì có hai Văn Thù.

Cũng vậy, nói "tức Phật" tức còn cái thứ hai. Vì vậy phải hiểu thấu qua văn tự chữ nghĩa, nếu không, vội hải lòng trên đó mà chưa thật thấu suốt, là tự che lấp mình.

**CHÁNH VĂN:**

*Lần lượt đối gạt nhau, chẳng có thể thấu rõ được bản tâm, bị vật vô tình thu nhiếp, không có tự do. Nếu chẳng tin là tự đối gạt vô ích. Phật không lỗi lầm. Chúng sanh điên đảo chẳng hay, chẳng biết tự tâm là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật, chẳng nên ngoài tâm tìm Phật.*

Lần lượt đối nhau là sao? Không thấu rõ chính mình, dạy người đi tìm Phật bên ngoài. Thấy bên ngoài là quên mất thể sẵn có nơi mình, bị lệ thuộc vật bên ngoài, mất phần tự do. Nghe nói Phật liền nghĩ đến Phật Thích Ca, Phật Di Đà, hay tướng hào quang sáng rõ... Đó là bị những vật bên ngoài thu nhiếp. Mình không hiểu lại dạy người khác nữa, nên gọi "lần lượt đối gạt nhau" không thấy lẽ thật. Sự thật Phật vốn không có lỗi lầm, Phật vốn không mê, nhưng vì chúng sanh tự điên đảo lầm lẫn nên thành trái với Phật.

Ngài Huệ Trung, có lần hỏi ông quan Cung Phụng, để thử cái thấy của ông thế nào:

- Phật là gì ?

Đáp:

- Phật là giác.

Ngài gạt lại:

- Phật có từng mê không ?

Đáp:

- Phật chẳng từng mê.

Ngài Huệ Trung hỏi:

- Phật chẳng từng mê, giác cái gì?

Quả thật là vậy! Có mê mới có giác, đã không từng mê, giác cái gì? Nên mình giải nghĩa theo danh từ dễ bị kẹt.

Hiểu như vậy, mới rõ Phật nói bốn bệnh: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả trong kinh Viên Giác. Còn thấy "Thường giác" là cũng còn tướng thọ giả. Ở đây cho thấy ai đến được chỗ "Thường giác", mà vẫn còn tướng thọ giả, huống nữa mình nhập thất, giác được chút chút liền vô ngự cho Ta là Tổ!

Bệnh Thọ giả là sao? Tức là chấp tướng thọ mạng kéo dài chưa dứt. Cũng vậy còn có tướng "Thường giác" tức là còn cái mê chưa sạch. Giác là giác cái mê. Nếu cái mê sạch rồi, nói "thường giác" là giác cái gì? Nên còn thấy tướng "thường giác" là còn chút lớp mê. Đây là chỗ rất vi tế, nếu mình không học kỹ, dễ hài lòng. Thấy lúc nào mình cũng giác hết, rồi vô ngự. Nhưng sự thật chưa phải, còn phải quên tướng đó. Nếu đã thật sự là hoàn toàn giác rồi, còn nói Thường giác gì nữa?

Phật tự là Phật rồi, không cần thêm gì khác nữa, chỉ do chúng sanh điên đảo mà trái với Phật, do vì chẳng biết tự tâm là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật, hết chạy cầu tìm bên ngoài.

CHÁNH VĂN:

*Phật chẳng độ Phật. Dem tâm tìm Phật là chẳng biết Phật. Chỉ cứ tìm Phật bên ngoài thì trọn chẳng biết tự tâm là Phật.*

*Cũng chẳng được đem Phật lễ Phật. Cũng chẳng được đem tâm tìm Phật. Phật chẳng tụng kinh. Phật chẳng trì giới. Phật chẳng phạm giới. Phật không có trì phạm, cũng không có tạo thiện ác.*

*Nếu muốn tìm Phật thì phải thấy tánh. Thấy tánh tức là Phật. Nếu chẳng thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh, trì chay, giữ giới cũng không có chỗ lợi ích.*

Đây Tổ nhấn mạnh, phải kiến tánh. Phật không độ Phật. Vậy vì sao Phật ra đời, để làm gì? Thường nói Phật ra đời để độ chúng sanh. Nhưng chúng sanh "đã là Phật" nên Phật không độ Phật. Chẳng qua là Phật muốn đánh thức cho mỗi người nhớ lại lẽ thật sẵn có mà thôi !

Dem tâm tìm Phật là chẳng biết Phật. Thay vì đem tâm tìm Phật, xoay trở lại "chính tâm đang tìm" đó là cái gì? Xoay lại ngay cái đó thì hết tìm, là thấy rõ. Mình cứ lo tìm, đem tâm tìm Phật, tức thấy có tâm có Phật, là có hai. Vì vậy chư Tổ mới nói "tức tâm tức Phật", là muốn đánh thức mình xoay trở lại. Nhưng câu đó là câu nhắc lại, nên Mã Tổ nói "giống như lấy lá vàng, dỡ con nít khóc", chưa phải là chỗ thật, mà mình cứ bám chấp vào

danh từ đó là vẫn còn mắc kẹt.

**Chỉ cứ tìm Phật bên ngoài thì trọn chẳng biết tự tâm là Phật. Cũng chẳng được đem Phật lễ Phật. Cũng chẳng được đem tâm tìm Phật.**

Chỗ này học cho thật kỹ, nếu không dễ ngã mạn, nghĩ rằng mình là Phật rồi không cần lễ Phật, không cần niệm Phật. Phật không lễ, thì thầy Tổ kể gì ! Đó là cái kiêu mạn khởi ngầm ngầm, không hay thành bệnh.

Đây Tổ nhắc lại để mình thấy lẽ thật, cần tỏ ngộ ngay "cái biết lễ Phật", "cái biết niệm Phật", là cái gì? Không thấy được ý này, sanh tâm ngã mạn, càng sai, và như vậy mình lại kẹt lời của Tổ nữa. Đó gọi là bị ngôn ngữ lừa.

Học Thiên, các Tổ dạy là phải "đạt ý quên lời", còn mình chấp theo lời là kẹt. Nghe bảo đừng đem tâm lễ Phật, thì không cần lễ nữa, đó là chấp theo ngôn ngữ; khéo thấy lại ngay cái biết lễ Phật, niệm Phật đó là cái gì, là biết lẽ thật. Khi đó lễ Phật, niệm Phật cũng thành sáng ngời. Lễ như vậy mới là khéo lễ, niệm như vậy mới là khéo niệm.

Lời kệ trong kinh Hoa Nghiêm, mình thường đọc trong nghi thức tụng kinh:

*Năng lễ sở lễ tánh không tịch*

*Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ*

Năng lễ, là mình hay lễ; sở lễ, là Phật bị lễ. Nếu thấy rõ ngay đó mình là cái năng lễ - Phật là cái bị lễ, năng - sở đều quên, bật niệm hai bên, quên niệm mình và Phật, thì ngay đó có sự "cảm ứng qua lại" không thể

nghe bàn! Ngay cái lễ Phật đó cũng thành diệu dụng.

Cũng như niệm Phật. Thay vì niệm Phật, hãy "niệm trở lại cái đang niệm". *Cái gì đang niệm Phật đó*, như vậy có hay hơn không? Ngay đó là thấy được Thiên.

Như vậy để thấy rằng, đây không bảo mình bỏ niệm Phật, lễ Phật, nhưng mình phải khéo xoay trở lại cái đang lễ, cái đang niệm đó là cái hay. Chứ còn nghe nói như vậy rồi bỏ, không lễ Phật, không niệm Phật, cũng thành bệnh.

**Nếu muốn tìm Phật thì phải thấy tánh. Thấy tánh tức là Phật. Nếu chẳng thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh, trì chay, giữ giới cũng không có chỗ lợi ích.**

Đây là nói một cách mạnh mẽ để đánh thức mọi người phải thấy tánh. Mình phải chú ý, Tổ nói "*nếu mà không thấy tánh làm những việc này là vô ích*". Còn nếu thấy tánh thì sao? Khởi cần làm nữa phải không? Nên phải hiểu ý này. Nếu thấy tánh thì tụng kinh cũng là tự tánh dụng, trì giới cũng là tự tánh dụng đều là tự tánh khởi dụng thôi, thì có gì ngại? Bảo mình thấy tánh rồi, gạt bỏ hết, là kẹt một bên. Bởi vì *thấy tánh chưa hẳn là sống trọn vẹn với tự tánh*. Đã chưa hẳn sống trọn vẹn trong tự tánh mà tự hào bỏ hết, tập khí cũ vẫn khởi lại như xưa thì sao?

Nên trong kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: "Bồ tát phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm?" là có ý hay. Phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác là sao? Đó

là tâm gì? Tâm Phật này chứ gì. Phát tâm đó tức là sáng tỏ được cái này. Nhưng sáng được cái này chưa hẳn là xong chuyện. Nên Ngài mới hỏi thêm, sáng được cái đó rồi, nhưng làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm? Tức làm sao sống được trong đó? Làm sao bảo nhậm, sống được liên tục hằng hữu không có bao giờ mất? Phật dạy độ tất cả chúng sanh, và phải bố thí vô sở trụ. Độ tất cả chúng sanh tức là sống trở về cái đó. Bố thí mà không có trụ gì hết tức là luôn luôn sống được liên tục, đối duyên xúc cảnh mà không có vắng mặt. Đó mới là sống trọn vẹn được.

Hiểu như vậy, thì khi rõ được tự tánh rồi, chỗ nào không phải là Phật pháp? Nên thường nói "đâu đâu cũng là Phật pháp, tất cả đều là Phật pháp". *Đã tất cả đều là Phật pháp thì tại sao niệm Phật không phải là Phật pháp? Trì chay, giữ giới không phải là Phật pháp?*

Cho nên không khéo dễ hiểu lầm, gọi là hiểu một bên. Tại sao có hiểu lầm đó? Thứ nhất là *hiểu mà hành chưa tới*. Thứ hai là *theo thói quen của tập nghiệp chúng sanh*. Bởi tập nghiệp chúng sanh là thích buông lung, nghe nói cái gì giống kiểu thoải mái thì chịu. Nên nghe nói không cần trì giới, tụng kinh, thích hợp với niệm buông lung của mình thì chịu liền.

Do đó phải thấy trọn vẹn, còn đối nói "cái gì cũng là Phật Pháp hết", vào chợ, vào quán rượu cũng là Phật Pháp, tại sao trì chay giữ giới không phải là Phật pháp? Chỗ này phải hiểu cho thật kỹ. Ở đây Tổ nói không có

chỗ lợi ích, là muốn nhấn mạnh phải thấy tánh. Nếu không thấy tánh, làm những chuyện này cũng còn có tâm bản ngã, còn tâm bản ngã làm đôi khi thành tổn phước. Thí dụ như trì chay, giữ giới để cho mọi người thấy rằng ta đây là người tu kỹ. Rồi thấy những người tu không kỹ sanh tâm chê khen. Đó là bệnh. Nếu thật sự thấy tánh, khéo nhận như vậy rồi, thì cái gì cũng tự tánh dụng, vậy có gì trái, có gì ngăn?

### CHÁNH VĂN:

*Niệm Phật được nhân quả. Tụng kinh được thông minh.*

*Trì giới được sanh cõi trời. Bồ thí được phước báu. Nhưng tìm Phật trọn chẳng được.*

*Nếu tự mình chẳng sáng tỏ thì cần phải thưa hỏi Thiện tri thức, để rõ cho xong căn bản sanh tử. Nếu chẳng thấy tánh tức chẳng gọi là Thiện tri thức.*

*Nếu chẳng như thế, dù cho nói được mười hai bộ kinh cũng chẳng khỏi sanh tử luân hồi, chịu khổ trong ba cõi, không có ngày ra khỏi.*

Đó là tiếp theo đoạn trước, Tổ nói những người trì chay, giữ giới mà không thấy tánh, hướng ra bên ngoài mà làm thì cũng là công phu sinh diệt.

Nên đoạn trước nói: "Phật không trì giới, Phật không phạm giới", người học cũng lầm lẫn, nói Phật



không trì giới, không phạm giới rồi tha hồ, mặc tình muốn làm gì thì làm, tha hồ tạo nghiệp. Nói Phật không trì giới, không phạm giới là **chỉ cho Phật gì?** Phải thấy được ý đó. Nói Phật không trì giới, không phạm giới là chỉ cho "Phật tự tánh". Phật đó thì vượt ra ngoài đối đãi, hai bên; "trì" - "phạm" là hai bên. Không "trì" mà tha hồ "phạm" thì sao? Đó là Phật chưa? Nghe nói Phật không Trì - Phạm, nhưng mình chỉ lấy một bên thôi, không Trì, mà lấy cái Phạm, rồi mặc tình sống thoải mái, mặc tình bao che, nói rằng Thiên là không cố chấp, không chấp tướng Trì - Phạm. Song ở đây mình không chấp tướng Trì mà chấp tướng Phạm, là không thấy được ý Tổ, không phải người chân thật sống được đạo.

Trong nhà Thiên có câu chuyện cảnh tỉnh :

Xưa, có vị Thiên Sư đã đạt đạo rồi, cũng để cảnh tỉnh những người cố chấp, nên Ngài ăn uống hỗn tạp, đựng mặn ăn mặn, đựng chay ăn chay, không có chọn lựa. Trong đó có những vị đệ tử, thấy vậy bắt chước theo. Một hôm Ngài gọi bọn người bắt chước đó lại, nhằm ngày hỏa táng một người, xác chết thiêu còn thừa, Ngài mới lấy thịt còn cháy xém đó trộn chung lại, ngồi ăn tỉnh bơ. Rồi gọi: "Các ông lại đây ăn với ta". Bọn đệ tử thấy vậy ới ới, chạy hết. Lúc đó Sư mới bảo: "Ta đã nhiều đời thanh tịnh rồi, nên mới không chọn lựa như ngày nay. Còn các ông, nếu có thể cùng ăn với ta món này thì mới nên duy trì sự ăn uống như thế". Từ đó trong chúng sợ và lo giữ gìn giới luật kỹ trở lại.

Khi được tâm vô phân biệt thì mới nên làm những chuyện đó. Làm những chuyện đó là các Ngài nhằm đánh thức cho một số người, chứ không phải đó là mẫu mực mà mình phải bắt chước theo.

Đây Tổ nhấn mạnh, phải thấy tánh thì mới không kẹt. Nếu không thấy tánh thì tu hành, ăn chay, giữ giới, lấy đó làm công phu của mình, cũng chỉ là công phu bên ngoài, chứ không phải nói làm những việc trên đều là vô ích hết. Nên nói, nếu tự mình hoàn toàn không sáng tỏ thì phải tham học với thiện tri thức, để rõ cho xong căn bản của sanh tử. Chỗ này phải nghe cho kỹ, để thấy các Ngài nói sự lý rõ ràng, chứ không phải nói suông một chiều. Nói như vậy, nhưng nếu mình chưa sáng tỏ thì phải thưa hỏi thiện tri thức để rõ xong căn bản sanh tử, chứ không phải chỉ lo nói suông. Nghe nói không cần cầu cái gì bên ngoài hết, mà mình chưa sáng thì sao đây? Nếu quả thật mình là người chưa thật sáng thì phải *thật thà thưa hỏi người đã đi qua*, tức những bậc thiện tri thức để sáng tỏ cội gốc sanh tử đó! Phải thật sự chân thành, chứ đừng nghĩ rằng bây giờ mình là hạng cao rồi, bây giờ đi hỏi nữa mất mặt sao, mắc cỡ quá! Như vậy là tự chôn vùi cuộc đời mình. Chưa thật sáng thì phải thấp mình thưa hỏi để tiến lên.

Nên đọc sử trong nhà Thiền, mới thấy người xưa thật là cao thượng. Chẳng hạn như ngài Giáp Sơn Thiện Hội đang giảng, gặp ngài Đạo Ngộ ngồi dưới cười ngất. Khi giảng xong xuống, Giáp Sơn mới hỏi: "Tôi giảng có

gì chưa phải mà Ngài cười"! Đạo Ngô nói: "Ông giảng thì không có sai, nhưng sự thật thì chưa thật thấy". Nói thì đúng đó, nhưng chưa thật thấy. Sau đó Đạo Ngô chỉ cho Sư đến gặp Hoa Đình Thuyền Tử khai thị cho sáng tỏ.

Hoặc là ông Bồn sư của ngài Thần Tấn, là thầy rồi, nhưng thấy học trò có những câu nói khác thường liền hỏi: "Ông đã từng đi tham vấn ở đâu?". Thần Tấn đáp: "Con đã từng tham vấn Tổ Bá Trượng thấy được chỗ cực tặc" (chỗ lý cùng tột). Sau đó ông nhóm chúng, sắp đặt pháp tòa đàn hoàng, mời học trò lên giảng, ông ngồi dưới nghe. Như vậy mới thật sự thưa hỏi. Mình chưa biết thì cứ học thôi, chứ không thấy mình là ông thầy ngồi nghe giảng, mắc cỡ chết. Còn chúng ta chưa được vậy mà cứ tự hào, hoặc có khi thọ giới nhiều năm, thấy mình là Tỳ kheo lớn mà phải đi thưa hỏi thì dở quá. Như vậy là đành chịu che lấp mình hoài, đó là bệnh. Bệnh đó gốc từ **ngã chấp** chứ không gì khác. Cho nên ngã chấp là cái che mờ nhiều. Đây nhắc để thấy, phải tự chân thành với mình chứ đừng tự dối.

Và rõ cho xong cội gốc sanh tử. Ở đây có ai nói cho thật trúng **Cái gì là cội gốc sanh tử** đó? Sáu căn là cội gốc sanh tử. Sáu căn là cội gốc Bồ đề, Niết bàn, phải không? Phải hiểu cho thật kỹ! Nếu hiểu kiểu đó mà tự mãn thì gặp Tổ sẽ bị quát vào mặt bảo: Chớ tự dối mình! Bởi vì sao? Cái đó là cái **anh nói lại trong kinh Lăng Nghiêm** thôi, chứ không phải là cái thật thấy của anh. Tuy có hiểu như vậy, nhưng mà chưa phải thật, chưa dính dáng gì.

Hoặc bảo mê tự tánh này là cội gốc sanh tử, nghe cũng hay, nhưng cũng chưa dính dáng gì. Phải thật sự chính mình khám phá cho ra xem ngay đây: **một niệm vô minh là cái gì?** Như vậy mới thật sự thấy được. Chứ nói tới nói lui, cũng là nói trong kinh thôi. Khám phá được một niệm vô minh đó, là thấy được cội gốc sanh tử luân hồi. Vậy ở đây ai thấy được chỗ đó? Nếu chưa như vậy, đừng có ngã mạn lắm, phải ráng đi thưa hỏi, cho thật thấu!

Tổ nói thêm: "**Nếu chưa thấy tánh tức chẳng gọi Thiện tri thức**". Đúng theo trong nhà Thiên, chưa thấy tánh chưa được gọi là bậc Thiện tri thức, nên dù ông giảng tới đâu thì giảng, mà chưa thấy tánh thì chưa gọi Thiện tri thức. Thấy tánh mới gọi Thiện tri thức, và dạy người không có lầm.

### CHÁNH VĂN:

*Nếu chẳng như thế, dù cho nói được mười hai bộ kinh, cũng chẳng khỏi sanh tử luân hồi, chịu khổ trong ba cõi, không có ngày ra khỏi.*

*Xưa có Tỳ kheo Thiện Tinh, thuộc được mười hai bộ kinh mà tự mình vẫn chẳng khỏi luân hồi, do vì chẳng thấy tánh. Thiện Tinh đã như thế thì người thời nay giảng được năm ba bộ kinh luận mà cho là Phật Pháp là người ngu.*

*Nếu chẳng biết được tự tâm, học thuộc được sách vở, chữ nghĩa suông đều không có chỗ dùng.*

*Nếu cần tìm Phật, liền phải thấy tánh.*

*Tánh tức là Phật.*

*Phật là người tự tại, người vô sự vô tác.*

*Nếu chẳng thấy tánh, trọn ngày lãng xãng rong ruổi, hướng ra bên ngoài mà mong cầu, tìm Phật vốn chẳng được. Tuy không một vật có thể được, nếu mong cầu để nhận hiểu thì phải thưa hỏi Thiện tri thức, phải hết lòng mong cầu khiến tâm nhận hiểu việc sanh tử là lớn chớ để luống qua, tự dối gạt mình vô ích.*

Đây Tổ dẫn Tỳ kheo Thiện Tinh tụng thuộc mười hai bộ kinh, cũng không thoát khỏi luân hồi. Trong kinh Niết bàn, Tỳ kheo Thiện Tinh chứng được Tứ Thiên, nhưng không hiểu thấu được ý nghĩa Phật nói, lại thường gằn gủi người bạn ác, một thời gian mất Tứ Thiên. Do thiên định mất, ông sanh khởi ác tà kiến: "Như Lai tuy vì tôi mà nói pháp, nhưng tôi thật cho là không có nhân quả, không có Niết bàn". Nhân ông đi đến bờ sông Ni Liên Thiên, Như Lai và Tôn giả Ca Diếp cũng đi đến bờ sông. Nhưng khi thấy Phật đi đến, ông sanh tâm ác kiến như vậy. Do tâm ác kiến, ngay thân còn sống bị rơi vào địa ngục, bị đất rút.

Ở đây cho mình hiểu thêm một điều nữa, dù được Tứ Thiên mà mình không hiểu thấu suốt, vẫn bị mất. Vì Tứ Thiên do tu mà được. Nhưng có người lầm nghĩ rằng, Tứ Thiên là được A La Hán, nên mất thì sanh tâm tà

kiến. Song Tú Thiên chưa phải A La Hán, còn thuộc phạm phu Thiên (Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên). Nếu người phạm phu được Tứ Thiên, khi chết sanh lên cõi trời Tứ Thiên, là cõi trời sắc giới. Nhưng khi công phu Thiên định hết rồi, cũng rớt trở lại. Tỳ kheo Thiện Tinh, ngay trong hiện đời đã mất công phu đó rồi.

Như vậy Tỳ kheo Thiện Tinh được Tứ Thiên rồi, còn mất Tứ Thiên, cũng bị đọa, huống nữa là người giảng được năm ba bộ kinh cho đó là Phật Pháp. Tổ nói, đó là người ngu. Như vậy là sao? Giảng được năm ba bộ kinh rồi tự hào, đó là dễ thành bệnh. Nên mình phải nhận định cho thật kỹ, không khéo rồi bị cái thông minh lanh lợi đó hại mình. Các huynh đệ hiểu rõ chỗ này mới thấy, thông mười hai bộ kinh mà còn bị đọa, trong khi đó ngài Châu Lợi Bàn Đặc học một bài kệ hoài không thuộc, mà lại chúng A La Hán, như vậy mình thấy có đau không? Thông minh như vậy còn bị đọa trong khi những người phật tử bên ngoài, người ta tu bố thí thôi, mà được sanh lên cõi trời. Bởi giảng nói được thì dễ sanh ngã mạn, kiêu căng, thấy ta đây là giảng sư, nói được bộ kinh này, bộ kinh kia. Chính cái ngã mạn kiêu căng đó, là cái đưa mình đi xuống. Tổ nhắc mình để tự cảnh tỉnh trở lại, đừng có hài lòng trên những cái đó. Kinh Kim Cang từng phá chấp: "Phật thuyết pháp là không có pháp để thuyết". Còn thấy có thuyết Pháp là rơi vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Mà rơi vào bốn tướng tức chưa phải là Bồ Tát.

Tổ còn nhấn mạnh, nếu giảng được năm ba bộ kinh, cho là Phật pháp, thì sao? Đây Tổ hỏi là người ngu. Ngu đây là ngu ở trong Phật Pháp, ngu với trí Phật, chứ không phải ngu với thế gian, đối trong thế gian thì lạnh lắm. Bởi vì giảng được thì thêm cái tâm thông minh, hơn thua. Do đó, các huynh đệ thấy, phải khéo sống trở lại, chú nếu ỷ lại vào thông minh thì chưa phải.

Trong sử có ghi đoạn của ngài Pháp Nhãn ở chỗ Thiên sư Quế Sâm.

Pháp Nhãn, Thiệu Tu, cùng hai huynh đệ đi đến viện Địa Tạng của Ngài Quế Sâm. Gặp trời tuyết nên mới ở lại. Hết tuyết Quế Sâm đưa ra cửa, gạn hỏi một câu bình thường: "Thượng toạ hay nói: Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, giờ đây, phiến đá ở dưới sân đó là ở trong tâm hay ở ngoài tâm?".

Ngay đó, Pháp Nhãn thưa liền: "Ở trong tâm". Ngài Quế Sâm bảo: "Người hành cước có gì để phiến đá trên đầu tâm?". "Ở trong tâm", là đem phiến đá để trên đầu tâm, còn có một vật trong tâm. Mà người đi hành cước sao còn thấy trong tâm có một vật? Ngay đó Sư bí không đáp được, nên mới dẹp hành lý ở lại tham cứu.

Hơn một tháng trời, Sư nhiều lần lên trình kiến giải, nhưng khi trình thì ngài Quế Sâm chỉ bảo: "Không phải, Phật Pháp không phải thế ấy". Cuối cùng Pháp Nhãn nói: "Con hết lời cùng lý rồi". Ngài Quế Sâm bảo: "Nếu luận về Phật Pháp thì tất cả hiện thành". Ngay đó Pháp Nhãn liền khế ngộ. Như vậy, còn muốn trình cái

này, trình cái kia là để tỏ ra mình thế nào? Tỏ ra mình hiểu Thiên, hiểu đạo. Nhưng còn muốn trình ra cái thấy này, cái thấy nọ là chưa phải, vì còn "có chỗ trình!" Phật Pháp ở đây, Tổ muốn nói là cái hiện sẵn, cái đang là sờ sờ nơi mình, thì còn lý gì nữa để trình? Cho nên đến khi Sư nói: "hết lời cùng lý", Tổ mới bảo: "Phật pháp hiện thành".

**Nếu chẳng biết được tự tâm, học thuộc được sách vở chữ nghĩa suông đều không có chỗ dùng.**

Không biết tự tâm mà học sách vở cũng là tìm câu, tìm lời thôi. Chính chỗ này ngài Pháp Đạt bị Lục Tổ quở. Pháp Đạt tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, nghe tiếng Lục Tổ được truyền y bát thì đến để thử xem, nên lễ cũng gượng thôi, chứ chưa thật sự muốn lễ, bởi vậy đầu không sát đất. Tổ quở: "Ông trong lòng có chứa sự nghiệp gì?"

Ngay đó ông nói liền: "Tôi tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa"

Tổ có kinh nghiệm, thấy biết liền. Do đó Tổ bảo:

- Dù cho ông tụng muôn bộ đi nữa, mà không thấy tánh cũng không có đến đâu. Bèn nói kệ :

Lễ bần chiết mạn tràng,  
Đầu hê bát chí địa?  
Hữu ngã tội tức sanh,  
Vong công phúc vô tỉ.

Dịch:

Lễ cốt chặt cờ mạn,  
Sao đầu không sát đất?



Có ngã tội liên sanh,  
Quên công phước không sánh.

Lúc này ngã mạn trong ông mới xẹp xuống, mới cầu Tổ chỉ dạy. Tổ cũng không dạy, đợi ông lẽ tới lẽ lui, trong sử ghi là cả trăm lạ, phải thật sự hết lòng. Khi đó Tổ nói, ông mới tỏ ngộ được, làm bài kệ trình:

Kinh tụng tam thiên bộ  
Tào Khê nhất cú vong

Dịch:

Tụng kinh ba ngàn bộ  
Tào Khê một câu quên.

Để muốn nói rằng, dù học thuộc sách vở chữ nghĩa sông đó, mà không thấy tánh thì không có chỗ dùng, nhiều khi còn sanh bệnh.

**Nếu muốn tìm Phật, cần phải thấy tánh.**

**Tánh tức là Phật**

**Phật là người tự tại, là người vô sự vô tác.**

Tổ dạy muốn thấy Phật, Phật này là Phật tự tánh, là người vô sự, vô tác, tự tại. Nhưng làm sao thấy người vô sự, vô tác, tự tại này? Tức phải can đảm, một phen buông, buông cho tột đáy thì mới vô sự nổi. Phải buông giống Tôn giả Nghiêm Dương đến ngài Triệu Châu thì mới thấy Phật này.

Tôn giả Nghiêm Dương đến ngài Triệu Châu hỏi:

- Con không vật gì để đem đến thì làm sao?

Triệu Châu bảo:

- Buông đi!

Ông thắc mắc: "đã không vật gì để đem đến mà còn bảo buông là buông cái gì nữa?" Lúc đó Triệu Châu mới bảo:

- À buông không được thì vác lên đi!

Buông sạch hết, không còn gì để buông thì ngay đó sống lại. Còn có chỗ giữ lại, cũng là ngậm ngậm có tướng ngã trong đó.

Nên chỗ này mình phải thấy cho thật kỹ, phải thấy người vô sự ấy mới thấy Phật tự tại.

**Nếu chẳng thấy tánh trọn ngày lăng xăng hướng ra bên ngoài mong cầu, tìm Phật vốn chẳng được.**

Nói như vậy đó, rồi Tổ nói lại:

**Tuy không một vật có thể được, nếu mong cầu nhận hiểu thì phải thưa hỏi Thiện tri thức, phải hết lòng khổ cầu khiến tâm lãnh hội. Việc sanh tử là lớn chớ để luống qua, tự dối gạt mình vô ích.**

Túc ở đây phải buông sạch hết, trong lòng mình không một vật, tuy không một vật, nhưng muốn lãnh hội cũng phải thưa hỏi. Không phải nói nó xưa nay không một vật, chưa tu nó cũng đã sạch rồi, còn cần thưa hỏi gì nữa! Nên học Thiện phải nhận định cho kỹ chỗ này, không khéo thì mắc kẹt trên lý suông.

Chính chỗ này ngài Hoàng Bá đánh Nghĩa Huyền. Thưa hỏi, mà đánh, đánh cho sạch hết những cái chứa trong lòng này, nếu còn chỗ chứa mà cứ hài lòng chỗ đó,

thì không được. Thưa hỏi mà không hết lòng thì cũng không đến đâu. Nên đây nói: "Thiết tu khổ cầu", nghĩa là phải hết lòng mong cầu, tha thiết.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma cũng không dạy ngài Huệ Khả một cách dễ dàng, để cho phải khổ cầu, đứng trong tuyết, sử ghi là tuyết ngập lút đầu gối, khi đó Tổ nói mới dễ nhận. Còn nói dễ dễ, rồi nghe chơi chơi cũng không có nhận.

Trường hợp Qui Tĩnh và Pháp Diễn cũng vậy. Pháp Diễn làm điển tòa, lấy gạo nấu cháo cho chúng ăn, đồ của chúng thì nấu cho chúng ăn, đâu phải nấu cho Ngài ăn riêng, nhưng ngài Qui Tĩnh về bắt Sư phải bán y đèn lại. Tội ăn trộm, do vì tự ý lấy. Ngài còn nói thêm: "Nếu ông có lòng từ bi tốt như vậy cũng được, nhưng để mai này ra làm trụ trì, chứ bây giờ ông lấy đồ của chúng, để lấy lòng chúng cho được nhân tình, không được". Ngài bắt đem y bán tính tiền trả lại, rồi còn đuổi ra khỏi viện. Gặp như mình kiêu đó, không cần đuổi cũng đi nữa. Trái lại, Pháp Diễn không đi, còn xin ở lại, nhờ những vị thí chủ lớn trong chùa xin dùm. Không ngờ Qui Tĩnh lại bảo: "Ông định mượn những thế lực đó để áp bức ta ư? Ông hãy đi mau!" Ngài còn đuổi nhanh nữa. Như vậy còn chưa thôi. Ngài Pháp Diễn không đi xa, xuống nơi chùa gần dưới núi và xin ngài Qui Tĩnh, cho dự học các buổi thuyết pháp của Ngài. Mình mới thấy tâm người xưa rất là tha thiết học đạo, xin ở lại không được thì xin nghe pháp. Pháp Diễn đến ở hành lang của chùa kia. Một hôm ngài Qui Tĩnh gặp mới bảo: "Vậy ông đi hoá

duyên để trả tiền phòng cho chùa, nếu không thì ta đi báo quan". Như vậy mà Pháp Diễn cũng đi xin tiền trả lại cho chùa, không có ý hận thầy. Khi ấy ngài Qui Tĩnh về mới họp chúng lại bảo: "Các ông có biết không? Ở Huyện Diệp có Cổ Phật". Trong chúng ngạc nhiên, không biết Cổ Phật ở đâu. Ngài bảo: "Như Diễn công đúng là Cổ Phật". Trong chúng mới chuẩn bị đèn nhang đi rước về. Rồi ngay giữa chúng, Qui Tĩnh truyền pháp cho Pháp Diễn. Nên trong nhà Thiền ghi, đây là một trường hợp đặc biệt, ngay giữa chúng mà truyền y bát, chứ thường thường là truyền trong phương trượng hoặc truyền riêng. Nhất là trong Tông Tào Động là truyền riêng, mật truyền một thầy một trò.

Người xưa học đạo như vậy, nên nói ra mới tiếp nhận sâu xa, từ thâm tâm mà học được. Còn bây giờ hơi khó một chút là không muốn nghe rồi, làm sao tiếp nhận sâu được. Có khi đi đến ông thầy học đạo mà muốn ông thầy phải chịu mình, hoặc phải đúng theo sở thích của mình, đó là chưa hết lòng. Nên học đạo phải thiết tha, khổ cầu.

Sau nữa là phải khiến tâm ngộ giải, chứ không phải chỉ tin nhận suông. Đã hết lòng khổ cầu rồi, nhận là từ trong thâm tâm mà nhận, chứ không phải nhận trên chữ nghĩa. Sanh tử là việc lớn chớ để luống qua, chớ tự dối mình. Nếu thấy chưa thật thấu, mà tự hài lòng là chưa phải.

Như trường hợp Tuyết Phong khi đi với ngài Nham

Đầu đến Ngao Sơn, Sư ngồi Thiên, ngài Nham Đầu thì nằm ngủ. Tuyết Phong nói:

- Việc lớn chưa xong sao suốt ngày cứ nằm ngủ hoài vậy !

Nham Đầu bảo:

- Suốt ngày ngồi như Thổ địa, cũng bị kẻ nam nữ nhà người cười.

Tuyết Phong nói:

- Tôi thật còn chưa ỏn!

Trong lòng thật còn chưa ỏn thì phải giải quyết thôi, chứ không thể nói suông được. Đó là thật lòng không tự dối mình.

Trường hợp hai vị Đàm Ý và Tôn Phác, khi hầu ngài Viên Ngộ thì cũng có sáng sáng phần nào, đi ra tự cho mình đã thấy đạo không còn ai qua, nên mới lãnh chúng và thuyết giảng. Nhưng ngài Đại Huệ biết hai vị chưa triệt ngộ mà đã vội khai pháp sớm, sợ e sẽ làm lầm cho người hậu học. Vì chỗ thấy chưa triệt, rồi dạy người cũng dạy chưa triệt, dễ lầm. Nên ngài Đại Huệ viết lá thư bảo: "Hãy tạm đến đây". Song Đàm Ý hổ thẹn, đang làm thầy người, làm sao đây? Nên chần chờ, không biết nên đi hay không nên đi. Ngài Đại Huệ nhân buổi tiếu tham (tham Thiên buổi tối) giữa chúng quả thẳng, nói lên sai lầm của hai vị đó. Chẳng những vậy, Ngài còn nêu bằng cho chúng biết. Đàm Ý thấy vậy, giữa hạ cũng phải phá hạ mà đến. Ngài Đại Huệ hỏi chỗ sở chứng của Đàm Ý. Khi Đàm Ý đáp xong, Ngài mới bảo: "Chỗ sở chứng của ông như vậy, đâu từng mộng thấy được lão

nhân Viên Ngộ. Nếu thật muốn rõ cứu cánh việc này thì hãy về giải tán chúng đi, rồi đến đây". Như mình, dám giải tán chúng để đến không? Đàm Ý nghe rồi, về giải tán chúng. Qua mùa hạ đó, cùng với Tôn Phác đồng đến với ngài Đại Huệ. Khi hai vị đó vào trong thất, ngài Đại Huệ mới gạn Tôn Phác rằng:

- Tam Thánh nói rằng, ta gặp người thì liền ra, ra thì ắt chẳng vì người. Còn ngài Hưng Hoá nói, ta gặp người thì ắt chẳng ra, ra thì ắt vì người. Vậy ông hãy nói hai lão túc đó, lại có chỗ xuất thân hay không?

Tôn Phác liền nhằm ngay đầu gối của ngài Đại Huệ, đánh cho một cái. Ngài Đại Huệ hỏi:

- Một đấm của ông đó là vì Tam Thánh mà phát giận hay vì Hưng Hoá mà phát giận, hãy nói mau! Nói mau!

Tôn Phác suy nghĩ để đáp. Ngài Đại Huệ bèn nhằm ngay đầu đánh cho một cái, bảo :

- Thứ nhất là ông chẳng được quên một gậy này, thôi hãy đi ra!

Sau đó, nhân một vị Tăng vào thất thưa hỏi ngài Đại Huệ, lúc đó Tôn Phác nghe lóm, chợt có tỉnh; Đàm Ý cũng tiếp theo nói một câu nói tỉnh luôn, mới tiêu sạch những tri giải lầm từ trước.

Các huynh đệ mới thấy, người xưa nếu thấy chưa tốt thì phải thành thật thưa hỏi chứ không tự ái. Cũng vậy, người thầy nếu biết trò chưa tốt cũng gạn hỏi, có những phương tiện, khiến cho người trò phải hết lòng nghe, mới cảm sâu, còn nghe chơi chơi đâu cảm sâu

được. Nên đây, Tổ nhấn mạnh, phải hết lòng khổ cầu, tâm tâm nhận rõ, chứ không phải nhận trên chữ nghĩa văn tự.

### CHÁNH VĂN:

*Dù cho có món ngon như núi, quyen thuộc như cát sông Hằng, mở mắt liền thấy, nhắm mắt lại thấy chăng? Nên biết pháp hữu vi như mộng huyễn... Nếu chẳng gấp tìm thầy thì sẽ luống qua một đời!*

Đây là Tổ cảnh tỉnh, dù có món ngon như núi, quyen thuộc như hằng sa, mở mắt thì thấy, nhắm mắt lại thấy chăng? Đó không phải là chỗ nương tựa lâu dài bền vững. Nhưng thường thường mình dễ mắc kẹt, lo quan trọng trong pháp hữu vi mà quên mất căn bản của người tu là gì? Chỗ này Tổ nhắc, nếu chưa sáng, phải luôn luôn hổ thẹn, luôn luôn thao thức, giải quyết cho thật sáng, đừng để luống qua, cứ bám theo pháp hữu vi. Nghĩa là lo thu góp cho đầy rương, đầy tủ, nhưng khi chết cũng buông hết, mà những cái này còn trì nặng mình xuống, bởi vì chất chứa nhiều là có lòng tham.

Bởi vậy, khi học luật sa di, ông Tỳ kheo có y mới, chết rồi tiếc, sanh trở lại làm con rận trong y. Chúng Tăng đúng theo luật chia y, y của người chết được chúng Tăng đem yết ma chia. Nhưng Phật có thiên nhĩ nghe biết nên bảo: "Các ông chia như vậy, con rận trong đó nó la khóc". Phật dạy, ông Tăng chết vì tiếc y nên thành con

rận bám giữ trong đó, chúng Tăng đem chia y, nên nó tiếc kêu la. Sau đó Phật chế luật, đồ vật của Tỳ kheo chết phải một tuần lễ sau mới được chia.

Như vậy dễ thấy rằng, tâm còn tham, còn chất chứa, đó là pháp hữu vi, thì còn trì nặng, không thể đưa mình đi lên. Trong khi đó, sự nghiệp của mình là gì? - Duy Tuệ Thị Nghiệp. Chỉ có trí tuệ là sự nghiệp của mình, còn những thứ này đều là cái giả dối hết. Nhưng mình tu lâu rồi lắm lúc quên, mà lại thấy chứa vật nhiều chùng nào là sự nghiệp lớn chùng đó!

Trong kinh Kim Cang có bài kệ rất hay:

Nhất thiết hữu vi pháp  
Như mộng huyễn bào ảnh  
Như lộ diệc như điển  
Ứng tác như thị quán

Dịch:

Tất cả pháp hữu vi  
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,  
Như sương cũng như chớp  
Phải nên quán như thế.

Tại sao bài kệ đơn giản, dễ như vậy mà Phật không nói ở đầu kinh, phải đợi gần cuối kinh, nói để kết thúc kinh?

Đó là để trừ bệnh của mọi người, nếu nói trước người cũng dễ xem thường. Phần đầu kinh là khai thị, thuộc "lý nhập" để cho mình ngộ. Phần cuối kinh thuộc "thể nhập", nói về thực sống tự chứng nghiệm, đây là ý sâu của Phật: những pháp hữu vi, có tạo tác, có làm ra



thì đều như mộng huyễn hết. Nghĩa là mọi công phu, sở đắc của mình từ trước đến đây, từ đầu kinh Phật giải cho mình hiểu đến cuối kinh đó, đều là mộng huyễn. Mình phải quên cái đó, vượt qua cái đó thì mới thể nhập được Kim Cang Bát Nhã. Nên bài kệ đợi gần cuối kinh mới nói, khiến mình phải quán như vậy, quét sạch mọi công phu kiến giải đó mới thật sự thể nhập được Kim Cang Bát Nhã. Còn nếu nói ban đầu, mình lấy kiến giải hiểu - "À vậy tôi cũng hiểu rồi!" thì không phải.

Chú ý: "Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh" là phải thật thấu qua ý nghĩa, chứ không phải chỉ thấy trên kiến giải thôi!

Nếu chẳng gặp thầy thì sẽ luống qua một đời.

Chưa thật thấu, chưa thật hiểu thì phải gặp thầy thưa hỏi cho thấu, đừng vội lơ là bỏ qua!

### CHÁNH VĂN:

*Dù cho Phật tánh là tự có, nếu chẳng nhân thầy trọn chẳng sáng tỏ. Người chẳng nhân thầy ngộ, trong muôn người ít có một.*

*Nếu tự mình đã có duyên khế hợp, nhận được ý của bậc thánh tức chẳng cần thưa hỏi bậc Thiện tri thức. Đây là hạng sanh ra đã biết rồi, đó là bậc thẳng học.*

*Nếu chưa tỏ ngộ, cần phải hết lòng siêng năng tham học, nhân giáo mới được ngộ.*

*Nếu đã tỏ ngộ rồi, chẳng học cũng được. Chẳng đồng với người mê, chẳng thể phân biệt đen trắng, mà nói càn ý chỉ của Phật, chê bai Phật, trái với Pháp, hạng người như trên đây, nói Pháp như mưa, trọn là ma nói, tức chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, đệ tử là dân ma.*

*Người mê tha hồ bị họ chỉ huy, không ngờ rơi trong biển sanh tử.*

*Dù cho Phật tánh vốn là sẵn có, nhưng chẳng nhân thầy vốn chẳng sáng tỏ.*

Biết là Phật tánh sẵn có đó, nhưng mình còn mê, không nhân thầy thì sao?

Thạch Đầu đến chỗ ngài Hành Tư.

Ngài Hành Tư hỏi:

- Người từ phương nào đến?

Thạch Đầu:

- Con từ Tào Khê đến

- Dem được cái gì đến?

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Đến Tào Khê làm gì?

- Tuy vậy, nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Nó có đó, nhưng nhờ đến Tào Khê, Lục Tổ khai ngộ mới biết có. Không phải nói có, rồi để mặc tình nó có, nó hiện. Nhờ Thầy khai thị, mình khéo nhận, thì biết nó sẵn có. Nhận đó là nhận cái sẵn có của mình chứ không phải được cái gì khác. Không phải từ ông thầy mà được,

nhưng nhờ ông thầy khơi dậy, đánh thức cho mình nhớ lại. Nếu chỉ nghe, đọc sách, với trí thông minh của mình cũng hiểu được phần nào, rồi tự hào, mà không lo thưa hỏi cho chính chắn, nhận kiến giải riêng tư đó, cũng không thể tỏ ngộ, đôi khi còn sanh bệnh nữa là khác.

Nên Tổ nhắc mình phải khéo. Nhất là khiêm tốn, để tránh tánh **ngã mạn** hay **kiêu mạn**. Vì cái ngã mạn, kiêu mạn là cái che mờ mình rất lớn. Phải luôn luôn nhớ **mình còn phàm phu**, đừng nghĩ mình là thánh. **Nghĩ mình là thánh là bệnh**.

*Chẳng nhân thầy mà ngộ trong muôn người chỉ có một.*

*Nếu mình có duyên tự khế ngộ, chẳng cần thưa hỏi bậc thiện tri thức, đây là bậc sanh ra đã biết rồi, là bậc thảng học.*

Đây là người ít có. Nhưng người ít có này cũng chẳng phải tự nhiên mà có được, cũng do đã từng huân tập nhiều đời. Do huân tập nhiều đời sâu dày rồi, chín muồi, có khi cũng là bậc thánh thị hiện để dắt dẫn, giáo hóa người. Đó là một vài vị đặc biệt. Mình thấy cũng muốn bắt chước, nhưng bắt chước là không phải. Chẳng hạn nghe nói Lục Tổ đốt, cũng tỏ ngộ. Vậy mình bây giờ cũng không cần phải học chi. Quên rằng mình so với Lục Tổ còn cách xa. Lục Tổ nghe một câu nhận được rồi. Còn mình nghe ngàn câu, ngộ chưa? Phải hiểu như vậy, chứ không thì cứ bắt chước trên ngôn ngữ, lời lẽ là không phải.

*Nên nếu chưa tỏ ngộ, phải hết lòng siêng năng tham học. Nhân giáo mới được ngộ.*

Điều đó rõ ràng. Các Tổ nói sự lý đầy đủ, không phải nói một chiều. Nếu giảng một chiều dễ làm làm người khác. Nghĩa là chưa ngộ thì phải hết lòng siêng năng, nhân giáo mới được ngộ, chứ không phải bỏ hết.

*Nếu đã ngộ rồi, chẳng học cũng được, chẳng đồng với người mê, chẳng có phân biệt đen trắng mà nói càn về ý chỉ của Phật, là chê bai Phật trái với Pháp.*

*Hạng như vậy nói pháp như mưa, nhưng cũng trọn là ma nói chứ không phải Phật nói, thầy là vua ma, trò là dân ma.*

Nghĩa là mê, mà cứ làm ra vẻ ta đã tỏ ngộ, rồi nói càn nói bướng ý chỉ của Phật. Đây Ngài nói mạnh. Thông thường chúng ta nghĩ Phật, Tổ từ bi, sao không nói vuốt ve để người ta tiến lên, mà nói mạnh quá vậy?

Đây là các Ngài **đánh cho thật đau** để mình vươn lên. Nếu vuốt vuốt- ông lúc nào cũng là Phật, dễ thành tự hào. Bởi vì chưa rõ mà nói càn, tránh sao khỏi mê lầm. Ví dụ như nghe nói Tức tâm tức Phật, rồi dạy ai cũng tức tâm tức Phật, không cần lễ Phật, tụng kinh, không học gì nữa.

Cho mình là Phật rồi, gặp Phật không lễ, gặp thầy không trọng, lâu ngày thành kiêu mạn, không phải thầy là vua ma, trò là dân ma hay sao?

Nên Tổ nói có lý, **nhận bướng tâm sanh diệt** cho đó là Phật rồi dạy nhau đi vào sanh diệt, *người mê bị họ chỉ huy, không ngờ rơi vào biển sanh tử*. Nghĩa là nhận tâm sanh diệt của mình là Phật, không cần phải tiến tu,

vậy không phải đi trong sanh tử sao? Cần phải hiểu "tức tâm là Phật", nhưng mà "tâm gì" là Phật? Đó là điểm quan trọng! Chú nghe nói "tức tâm là Phật", rồi nhận cái tâm sanh diệt này là Phật thì nguy.

### CHÁNH VĂN:

*Chính người chẳng thấy tánh xưng càn là Phật, những chúng sanh này phạm tội lớn, dối gạt tất cả những chúng sanh kia, khiến cho vào trong ma giới. Nếu chẳng thấy tánh, nói được mười hai bộ kinh giáo trọn cũng là ma nói. Là quyền thuộc của nhà ma, chẳng phải là đệ tử Phật. Đã chẳng rành rõ đen trắng, y cứ vào đâu mà khỏi sanh tử?*

Đây là chỗ phải cẩn thận, chứ đừng vội ăn to nói lớn, dối gạt những chúng sanh khác, đưa vào sanh tử luân hồi! Nếu không thấy tánh dù cho nói được mười hai bộ kinh, Tổ bảo rằng cũng là ma nói, quyền thuộc của ma. Đã chẳng thấy tánh, không rành rẽ, rồi suy nghĩ theo phàm tình của mình, nói bóp méo ý kinh, làm làm người học.

Chính mình chưa sáng, không rành rõ đen trắng, tà chánh, làm sao thoát khỏi sanh tử? Nên Tổ nhấn mạnh "phải thấy tánh".

**CHÁNH VĂN:**

*Nếu thấy tánh tức là Phật. Còn chẳng thấy tánh là chúng sanh.*

*Nếu lìa tánh chúng sanh mà riêng thật có tánh Phật, Phật nay ở chỗ nào?*

*Tánh chúng sanh tức là Phật tánh. Ngoài tánh không Phật. Phật tức là tánh.*

*Trừ ngoài tánh này, không có Phật có thể được. Ngoài Phật, cũng không tánh có thể được.*

Thấy tánh tức là Phật, chẳng thấy tánh là chúng sanh. Ngài nói như vậy là để đánh thức cho mình phải xoay lại, phải thấy tánh thôi. Chỗ này người học cũng dễ lầm! Thấy tánh tức là Phật, nhưng là Phật gì? Phải rõ Phật đây là Phật nhân. Chứ không khéo, nghe nói như vậy, tưởng đâu là mình ngang hàng với Phật rồi, đó là nguy. Nghĩa là khi thấy tánh là đầy đủ Phật nhân, nếu sống trọn vẹn chỗ đó thì viên mãn thành Phật quả. Sống chưa trọn vẹn là Bồ Tát, phần giác. Còn nghe nói thấy tánh thành Phật, tưởng đâu mình như là Phật rồi, đó là bệnh. Học Thiền phải hiểu ý ngoài lời. Còn chấp theo lời là kẹt.

*Chẳng thấy tánh là chúng sanh. Mê là chúng sanh. Thấy tánh tức là ngộ. Nếu lìa ngoài chúng sanh riêng có Phật tánh, Phật nay ở đâu? Lìa ngoài cái này, riêng có Phật khác thì Phật đó là Phật gì? Phật của ai đó phải không?*

Ở đây Tổ nhấn mạnh lại, chính tánh chúng sanh tức là Phật tánh. Trừ ngoài tánh này không có Phật có thể được, ngoài Phật cũng không tánh có thể được. Tức tánh chúng sanh là tánh Phật.

Chỗ này là chỗ đặc biệt trong nhà Phật. Chính tánh chúng sanh là Phật. Vậy chúng sanh **không cố định** là chúng sanh, không thật là chúng sanh, bởi tánh chúng sanh là tánh Phật rồi. Và như vậy thì Phật cũng không cố định là Phật, mà từ chúng sanh chuyển thành Phật.

Như vậy để thấy rằng, chúng sanh và Phật là hai danh từ, nói lên hai trạng thái người đang mê, hay là người đã giác hoàn toàn. Nếu người đang mê thì đặt cho cái tên là chúng sanh. Người giác hoàn toàn thì đặt tên là Phật. Nhưng có ai chen vào trong đó, có cái thứ hai nào chen vào. Thí dụ như mình bây giờ nếu thành Phật, thì có ông Phật nào chen vào trong đó? Nếu có ông Phật nào xen vào trong đó thì sao? E rằng nguy! Nói như vậy để thấy chúng sanh không thật có tánh chúng sanh, cũng như Phật không cố định là Phật. Nếu Phật mà cố định tánh Phật như vậy rồi, chắc mình cũng khỏi tu. Bởi vì Phật cố định là Phật, chúng sanh cố định là chúng sanh, thì mình đâu có mong gì chuyển chúng sanh thành Phật được.

Như vậy, cả hai đều là danh từ. Cho nên mình có thể chuyển chúng sanh thành Phật được. Đó là ý nghĩa Vô ngã. Chúng sanh vô ngã, Phật cũng vô ngã. Đến khi

thành Phật cũng không thấy có được gì nữa. Chính ý nghĩa Vô ngã là sức mạnh để đưa người đi lên. Giúp cho mọi người đều có niềm tin để chuyển hóa. Mình dù hiện giờ là chúng sanh, dù là nghiệp đang sâu dày cách mấy đi nữa, nhưng biết rằng tánh chúng sanh không cố định, nên mình có quyền chuyển hết, nghĩa là mình có quyền **tu chuyển hóa để mà đi lên**. Chứ không phải như vậy là đời đời thôi hết mong, đâu cần tu chi nữa. Hiểu như vậy mới thấy được ý sâu của Phật muốn dạy: **Tánh chúng sanh là tánh Phật rồi!** Vậy ai ai cũng đều có khả năng giác ngộ để vươn lên. Và như vậy chỉ còn một điều nữa là **tại sao không nhận thôi!**

Nên vua Di Kiến hỏi ngài Ba La Đề:

- Thế nào là Phật?

Ba La Đề đáp:

- Thấy tánh là Phật.

- Thấy thấy tánh chẳng?

- Tôi thấy Phật tánh.

- Tánh tại chỗ nào?

- Tánh tại tác dụng.

- Tác dụng thế nào mà tôi chẳng thấy?

- Tác dụng hiện tiền, tự bề hạ không thấy.

- Nơi tôi có chẳng?

- Bề hạ nếu khởi tác dụng, đâu lại chẳng có. Nếu không khởi tác dụng thì thế cũng khó thấy.

- Khi khởi tác dụng có mấy chỗ xuất hiện?

- Có tám chỗ xuất hiện.



- Xin ngài vì tôi nói tám chỗ ấy

Ba La Đề vì vua nói kệ:

Tại thai là thân.

Tại đời là người.

Tại mắt là thấy.

Tại tai là nghe.

Tại mũi ngửi mùi.

Tại miệng nói bàn.

Tại tay nắm bắt.

Tại chân đi lại.

Buông ra trùm khắp pháp giới.

Thu lại chẳng đầy hạt bụi

Người biết nói là Phật tánh.

Chẳng biết gọi là tinh hồn.

Ngay trong mọi tác dụng đó đều có hiện đầy đủ. Nếu người khởi tác dụng thì đều có hết, nếu không khởi tác dụng cũng khó thấy.

Chính chỗ đó là chỗ khó hiểu. Khởi tác dụng thì dễ rồi. Có thấy, có nghe, có hiểu biết thì dễ nhận. Bây giờ không khởi tác dụng, thì sao? Thí dụ đang ngủ mê. Nó ở đâu? Cốt yếu mình tu là phải **thấy đến chỗ không khởi tác dụng**, mới thấy tốt. Nếu chỉ thấy trên chỗ khởi tác dụng thì cũng còn bị một lớp mê. Khởi tác dụng, là có dụng, có khởi, vậy khi khởi thì có, khi không khởi thì đâu thấy, tức là có gián đoạn. Còn thấy tốt đến chỗ không khởi đó thì lúc nào cũng hiện hữu hết. Nhưng làm sao thấy tốt được chỗ không khởi đó?

Trong nhà Thiền, gọi là đến chỗ này mắt Phật cũng không thấy được.

Chỗ này là phải thấy được chỗ Thổ địa không thấy được Nam Tuyền. Tức Nam Tuyền đến trang trại của Trang chủ. Khi đến, Trang chủ bày nghi lễ tiếp đón. Nam Tuyền bảo:

- Lão Tăng thường thường đi không có báo trước, sao ông biết vậy?

Ông thưa:

- Vì có Thổ địa báo.

Nam Tuyền bảo:

- Lão tăng tu hành vô lực, nên bị quỷ thần xem thấy.

Thị giả đứng bên liền nói:

- Hòa thượng là bậc đại tu hành, vì sao còn bị quỷ thần xem thấy?

Nam Tuyền bảo:

- Trước Thổ địa để phân cơm.

Đa số người đọc chỗ này cứ bình luận theo chỗ thấy của ông Thổ địa, cho rằng ngài Nam Tuyền tu hành còn dở, nên còn bị quỷ thần xem thấy. Đó là do mình còn lấy phàm tình của mình lý luận. Lý luận như vậy có thấy ngài Nam Tuyền không? Đây là theo ông Thổ địa mà thấy, gọi là thấy cái bóng của ngài Nam Tuyền, chứ đâu phải thấy ngài Nam Tuyền. Rồi mình cứ theo đó mà lý luận, đâu biết rằng ngài Nam Tuyền nói như vậy là muốn đánh thức mọi người. "Lão Tăng tu hành vô lực, bị quỷ thần xem thấy", nếu ông không khéo tu hành, còn

bị quỷ thần xem thấy, là chưa thấy tốt chỗ rớt ráo kia. Muốn thấy tốt chỗ rớt ráo là phải thấy đến chỗ ông Thổ địa không thấy, ngậm nhắc mọi người tu hành phải thấy tốt đến chỗ ông Thổ địa không thấy kia, mới là chỗ đáng thấy, đáng mừng.

Nói vậy để cho các huynh đệ hiểu chỗ Phải thấy tánh. Tánh tức là Phật, tánh của chúng sanh tức là tánh Phật, hiểu cho thật thấu, không phải chỉ hiểu trên ngôn ngữ thôi, hoặc chỉ thấy một chút nào đó rồi tự hào.

### CHÁNH VĂN:

*Hỏi: Nếu chẳng thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh, bố thí, giữ giới, tinh tiến, rộng làm phước được thành Phật chăng?*

*Đáp: Chẳng được!*

*Hỏi: Vì sao mà chẳng được?*

*Đáp: Có một chút pháp có thể được, đó là pháp hữu vi, là nhân quả, là thọ báo, pháp luân hồi, chẳng khỏi được sanh tử, bao giờ được thành Phật đạo?*

*Thành Phật phải thấy tánh. Nếu không thấy tánh thì lời nói về nhân quả ... là pháp của ngoại đạo.*

*Nếu là Phật, chẳng tập theo pháp của ngoại đạo Phật là người không nghiệp (không tạo tác), không nhân quả.*

*Chỉ có một chút pháp có thể được trọn là chê bai Phật, y cứ vào đâu mà được thành?*

Tổ muốn nhấn mạnh cho mọi người thấy, **mỗi mỗi việc làm luôn luôn phải xoay về tự tánh** thì nó có ý nghĩa giúp mình sống trở về. Còn theo việc làm là hướng ra bên ngoài. Ngoài tánh mà khởi làm là đều rơi vào trong công phu tạo tác, là sanh diệt. Nên ngoài tâm mà còn thấy có pháp được, là pháp ngoại đạo. Ngoại đạo là đạo hướng ra bên ngoài, không phải đạo chân thật, ở đây dù người tu Phật mà làm những việc đó cũng gọi ngoại đạo. Không phải chỉ người không tu Phật mới gọi ngoại đạo, **ngoài tâm mà làm đều là ngoại đạo.**

Nghe kỹ câu hỏi: Không thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh... được thành Phật chăng?

**Được thành chăng?** Nếu còn thấy được thành thì sao? Tức là thành cái gì bên ngoài, có tạo tác, nên Ngài nói chẳng được. Có một chút pháp để được tức là ngoài tâm mà được, ngoài tâm có pháp. Đó là "pháp nhân quả" từ nhân đến quả, là "pháp làm thành", pháp "Thọ báo", làm cái này được cái kia, đó là đi trong luân hồi, chẳng thể khỏi sanh tử. Nếu có một cái để thành thì Phật không phải là Phật, mà Phật đã trở thành một cái gì khác rồi, không khéo là chê bai Phật. Thí dụ bây giờ mình tu để thành một vị Phật, là trở thành một cái gì khác, tức là ngoài mình rồi, là thành cái của ai rồi.

Bởi có cái để thành là **trở thành**, thì không còn là

Phật. Nền ở đây Tô nói, nếu không thấy tánh nói nhân quả, nghiệp báo... cũng là pháp ngoại đạo thôi, tức dạy người ta hướng ra bên ngoài. Sự thật thành Phật là thành cái gì? Ở đâu mà thành?

Nhân ngày lễ Phật thành đạo vua Tống Hiếu Tông hỏi Thiền sư Phật Chiếu:

- Phật sáu năm khổ hạnh trong núi tuyết đó là để thành việc gì?

Phật Chiếu đáp:

- Sẽ bảo Bệ hạ đã quên!

"Sẽ bảo Bệ hạ đã quên" vậy thành cái gì? Thành "cái đã quên" thôi chứ có gì đâu. Cái mình đã quên, nhưng bây giờ nhớ trở lại, sống trở lại thì thành Phật, chứ đâu có gì khác. Sống chưa trọn vẹn thì hoặc là Bồ tát, Thanh văn, không có gì riêng khác hết.

**Phật là người không tạo nghiệp, không nhân quả.**

Chỗ này nghe hơi hợ dẽ khiến bác không nhân quả luôn. Nên phải hiểu không nghiệp ở đây là không tạo tác. **Phật ở đây là chỉ cho Phật pháp thân.** Phật này không do mình tạo tác mà thành nên gọi là không nghiệp, cũng không nhân quả tức cũng không phải là cái làm thành. Thuộc cái làm thành tức là thuộc sanh diệt, tức từ nhân đưa đến quả. Dụ như hạt giống là nhân, kết trái là quả, đó là một dòng sanh diệt. Còn Phật đây không phải là Phật sanh diệt như vậy.

**Nên nói có chút pháp có thể được là chê bai Phật. Y cứ vào đâu mà thành?**

Vừa thấy có một chút pháp để được là chê bai Phật, tức là có cái bên ngoài. Hiểu như vậy mới thấy ý nghĩa của Ngài đáp. Thành là thành cái sẵn thôi, chứ không có gì riêng khác để được.

### **CHÁNH VĂN:**

*Vừa có dính mắc một "tâm", một "năng", một "hiểu", một "thấy" thì Phật đều chẳng có chấp nhận.*

*Phật không có trì phạm.*

*Tâm tánh vốn không, cũng chẳng có nhớ sạch.*

*Các pháp là vô tu vô chứng, không nhân, không quả*

*Phật chẳng trì giới.*

*Phật chẳng tu thiện.*

*Phật chẳng tạo ác.*

*Phật chẳng tinh tiến.*

*Phật chẳng giải đãi.*

*Phật là người vô tác.*

*Vừa có tâm trụ trước mà thấy Phật thời chẳng chấp nhận.*

*Phật chẳng là Phật.*

*Chớ khởi cái hiểu Phật.*

*Nếu chẳng thấy được nghĩa này, thì trong tất cả thời, trong tất cả chỗ đều là chẳng rõ bản tâm.*

Nếu vừa có tâm trụ trước một cái gì đó, như trụ trước một tâm, một cái hay hiểu, một cái thấy, Phật đều chẳng chấp nhận. Bởi vì Phật là không có Trì Phạm, tâm tánh vốn không, không nhớ sạch, các pháp đều không tu không chứng, không nhân, không quả. Tức không để cho mình có tâm dừng trụ chỗ nào hết. Vì **vừa có trụ** là có động, có dời đổi, nếu tai mình nghe tất cả mọi tiếng, mà nó không dừng lại một cái gì hết thì luôn luôn trôi chảy trong suốt, nhưng vừa dừng lại một tướng gì đó tức là bị dời đổi theo tướng đó. Dụ như nghe tiếng hát, dừng lại nơi tiếng hát đó, là trụ nơi tiếng hát, là tâm dời đổi theo tiếng hát, quên mất bản tâm thường hiện tiền này rồi.

Nên Lục Tổ dạy: "Đạo là thường thông lưu, chớ có ngưng trệ"

Mình cũng vậy. Thấy nghe tất cả, mà đi qua tất cả, thì ngay đó là đạo chứ gì nữa! Còn dừng lại là đi vào sanh tử. Hiểu chỗ này mình thấy trong kinh Kim Cang Phật dạy rất là hay: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". **Nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia** (tâm thanh tịnh). Nghĩa là không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm thanh tịnh. Lục Tổ nghe giảng tới đây, liền tỏ ngộ, thấu suốt. Mình cũng vậy, nếu **ngay đây mà tâm không trụ bất cứ gì hết**, ngay đó là tâm gì? Vậy có cái gì che mờ được mình? Nên ngay đó sanh tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn có chỗ trụ là thức tình chen vào, là tâm mê, tâm chúng sanh. Như vậy thấy nghe hết nhưng đừng dừng trở lại thì lúc nào

cũng sáng sủa. Chỗ đó là chỗ lúc nào mình cũng phải **hồi quan phản chiếu**, là chỗ bảo nhậm của người thấy đạo. Người thấy đạo là luôn luôn ứng dụng trong sáu trần, đi qua tất cả mà không dừng lại. Không dừng lại là không để dấu vết. Trong nhà Thiền gọi là các Ngài đi vào nước mà không dậy sóng. Hoặc như nói "chim bay trong không, bóng chìm đáy nước". Chim bay qua rồi không có bóng lưu lại, mình cũng vậy. Nếu được đi qua tất cả, không lưu lại dấu vết gì thì lúc nào cũng sáng tỏ, lúc nào cũng là thấy tánh.

Chỗ Tổ dạy, không để cho mình dính một cái gì hết thì lúc nào Phật cũng hiện tiền, còn có dính là có rơi trở lại trong mê.

Do đó, Ma Cốc có lần đi với Ngài Đơn Hà, chỉ ngọn núi nói:

- Tôi sẽ đi đến trong đó trụ.

Ngài Đơn Hà bảo:

- Trụ tức là trở về.

Vừa có trụ là rút trở lại sanh tử rồi, nên phải đi qua hết, không có chỗ dừng lại. Câu sau nói Phật không Trì Phạm, không tu chứng ... là bật hết cái thấy hai bên. Đây không phải bài bác, không cho mình tu hành, nhưng muốn cho mình quên bật niệm tu chứng, nhân quả, tức niệm phân biệt đối đãi. Như vậy, mới thấu suốt được tâm tánh vốn không, nên cái **vốn không** này là cái mình phải hiểu cho thật kỹ. Vốn không, không phải là làm cho nó thành không, không phải quán nó thành



không, bởi "nó vốn không" mà. Cũng không phải dẹp cái có, phá cái có khiến nó thành không.

Vậy thì, đâu phải là bài bác nhân quả, hoặc là bài bác các pháp hữu vi, mà ngay trong pháp hữu vi đó thấy rõ "tánh nó vốn không". Chú nghe nói tâm tánh vốn không, không sanh, không diệt, không cấu không tịnh, không tu không chứng, cái gì cũng không hết, thì không cần tu hành gì nữa, đó là chỗ rất nguy hiểm! Nói nó vốn không, không gì hết, nhưng còn ai biết ham ăn, biết ham ngủ đây? Còn thích ăn món ngon, còn thích mặc đồ đẹp, vậy vốn không là sao? Không khéo dễ bị mắc kẹt chữ nghĩa, tự dối mình, dối người.

Thấy được thể vốn không đó, thì mới thấy nó là không nhớ, không sạch, không tu chứng. Bởi vì nó sẵn như vậy, không phải do tu mà thành, không phải do chứng mà được. Không nhân không quả nghĩa là không phải do cái nhân mà nó sanh ra, cũng không phải cái quả mà nó được thành, vì nó sẵn có. Đó là bật hết những niệm hai bên, đối đãi. Phật là người vô tác. Do đó, vừa có tâm trụ trước thấy Phật, là chẳng chấp nhận. Giống như cái gương, tự nó trong sáng rồi, cái gì đến nó đều hiện ra hết. Nó hiện ra tất cả, mà không giữ lại cái gì. Như vậy mới là Phật thật hiện tiền.

### **Phật chẳng là Phật, chỗ khởi cái hiểu Phật.**

Phật mà còn khởi hiểu Phật nữa thì Phật thành cái bị hiểu rồi. Thành cái bị hiểu, là thuộc về Phật hóa thân, Phật ứng thân, Phật đối tượng. Nếu khởi cái hiểu Phật

thành ra có hai ông Phật, Phật nào là Phật thật? Trong kinh Kim Cang nói: "Như Lai là nghĩa Như của các pháp" - Nó như vậy thấy như vậy, khởi hiểu thêm cái gì nữa là hết Như rồi.

**Nếu chẳng hiểu nghĩa này thì trong tất cả thời, tất cả chỗ chẳng rõ bản tâm.**

Nếu không hiểu nghĩa này thì có làm gì cũng là làm trong cái hướng ra ngoài, trong cái tạo tác sanh diệt, nên không thấy được bản tâm.

Chính mình làm đó mà bị kẹt, mê trong việc làm, mê trên cái dụng đó, làm sao thấy được bản tâm?

### **CHÁNH VĂN:**

*Nếu chẳng thấy tánh thì trong tất cả thời, tất cả chỗ toan khởi tưởng vô tác, đó là người tội lớn, người si, rơi vào trong cái không vô ký, lờ mờ như người say, chẳng rành rõ được tốt xấu.*

*Nếu muốn tu pháp vô tác, trước phải thấy tánh, sau đó mới dừng tâm suy nghĩ theo duyên.*

*Nếu chẳng thấy tánh mà được thành Phật đạo, không có lẽ đó.*

*Có người bài bác không nhân quả, rồi thẳng tay làm việc ác, nói càn, nói bướng là vốn không, làm ác không có lỗi. Người như thế là rơi vào trong địa ngục vô gián, mãi không có ngày ra khỏi.*

*Nếu là người trí chẳng nên khởi cái thấy hiểu*

*như thế.*

Đây là răn những người không hiểu, rồi bài bác nhân quả. Vì trước nói không tu thiện, không tạo ác. Nếu người không thấy tánh, mà khởi tướng vô tác, đó là người có tội lớn, rơi vào trong cái không vô ký.

Chỗ này dễ bị lầm, nghe nói vô tác rồi buông hết, để cho tâm mơ mơ màng màng, không nghĩ ngợi gì hết; mà mơ mơ màng màng là ngồi trong hang quỷ tối tăm, đó là vô minh, chứ không phải vô tác. Nên Tổ nhấn mạnh muốn vô tác cần phải thấy tánh. Chưa thấy tánh mà vọng nói vô tác là đi trong mê mờ. Bởi vì sao? Vì khi thấy tánh, trong đây dứt bật các duyên rồi, vẫn **rõ ràng thường biết, vẫn sờ sờ đó**. Như vậy vô tác đó mới không có lầm.

Nên Tổ Bồ Đề Đạt Ma gạn hỏi ngài Huệ Khả lúc Ngài thưa "con bật hết các duyên", Tổ gạn: "bật hết các duyên có rơi vào đoạn diệt không?" Ngài thưa: "Không, vẫn rõ ràng thường biết".

Vô tác mà rõ ràng thường biết, lúc nào cũng sờ sờ sáng ngời mới không lầm lẫn, không bị cái lờ mờ gạt. Chứ nói vô tác, ngồi Thiền không nghĩ gì hết, để mờ mờ, ngồi một hồi là gục liền. Ở đây, Ngài nói vào cái không vô ký, lờ mờ như người say, chẳng rành rõ tốt xấu, rất nguy hiểm.

Người không biết như vậy, mới bài bác nhân quả, lo tạo việc ác, rồi nói buống là làm ác không có lỗi. Đây là người rơi vào địa ngục.

Không thấy tánh, lại bảo xưa nay không một vật thì có gì nhớ, mặc tình tạo nghiệp, rồi bảo nghiệp cũng vốn không luôn. Hoặc nói bốn tánh là thanh tịnh, mình khởi tu đã là nhiễm rồi, chưa tu nó đã giải thoát rồi, cần gì tu nữa! Nói như vậy là vọng ngữ. Tại sao? Vì đó là lời nói suông, tự gạt mình gạt người, nếu thật sự đã là vốn không rồi, tại sao ăn còn thích ngon, mặc còn thích đẹp? Bây giờ đưa áo vải tẩm cho mặc đã không dám mặc rồi, bấy nhiêu đó đủ thấy chưa phải vốn không rồi, nói vốn không đó là nói ngoài miệng, rồi còn thích cãi, thích hơn thua, thích khen chê, "vốn không" nói không? Nên Tổ bảo là vọng ngữ, gạt mình, gạt người!

Nếu vốn không, cái gì biết đói? cái gì đau? cái gì lạnh? Nhất là cái gì biết buồn, biết tự ái? Phải xét kỹ trở lại, nếu những cái đó còn thì đừng vội nói vốn không. Nên phải thấy cho thật thấu suốt. Đây là Tổ răn trước, để ngừa mình chỉ hiểu trên lý, nói bướng rồi tạo nghiệp, hoặc làm lỗi rồi biện hộ để che, đó là rơi vào địa ngục hắc ám. Nên người trí không khởi cái hiểu như vậy. Trí ở đây không phải là trí theo thế gian, mà chỉ cho người hiểu được lẽ thật trong đạo.

Trong thiền Nhật Bản có kể chuyện ngài Tây Hành  
Bây giờ có Ngài Phổ Hiền hóa thân làm cô kỹ nữ. Tây Hành là vị Thiền Sư, và cũng là vị Thi Tăng - vị Tăng có tâm hồn thi sĩ, nên Ngài sống rất là phóng khoáng. Trên đường lang bạt khắp nơi tại xứ Nhật, một hôm Ngài đến vùng Oshaka, vùng của cô kỹ nữ này ở.

Đến nơi trời đã tối, Ngài không tìm được chỗ tá túc, nên Tây Hành mới đến gõ cửa nhà cô kỹ nữ này. Cô từ chối, bảo trong nhà tôi chỉ có một mình, không cho vào nhà. Ngài Tây Hành làm một bài thơ đưa vào:

*Khi tôi chưa từ bỏ cõi đời*

*Tim nàng cũng nên rấn lại*

*Giờ sao hát hủi tôi*

*Chỉ một đêm trần gian huyền mộng!*

Cô cũng khăng khăng cương quyết từ chối, làm bài thơ đáp lại:

*Biết Ngài đã từ bỏ trần gian*

*Nhưng xin Ngài hãy tưởng*

*Đừng tâm niệm khăng khăng*

*Xem trần gian là huyền mộng!*

Ngài Phổ Hiền hóa thân như vậy, nhưng trong việc làm có ý nghĩa, chứ không phải tùy ý. Trần gian huyền mộng, là trên cái lý thôi, nhưng trong sự sống chưa phải thật sự là huyền mộng, chớ vội một bề hành động ngang bướng, trái phép tắc! Nếu thật sự là huyền mộng thì ở ngoài trời cũng là huyền mộng, cần gì phải đòi vào nhà?

### **CHÁNH VĂN:**

***Hỏi: Nếu mọi động dụng, trong tất cả thời đều là bản tâm, thì khi sắc thân vô thường, vì sao chẳng thấy bản tâm?***

***Đáp: Bản tâm thường hiện tiền, chỉ ông chẳng thấy.***

Câu hỏi là, nếu mọi hành động, tạo tác như làm việc, đi đứng, tới lui, qua lại trong tất cả thời, tất cả chỗ đều là bản tâm, vậy khi sắc thân này vô thường thì bản tâm ở đâu, sao không thấy? Chính chỗ này phải gạn lại cho thật kỹ không khéo hiểu lầm. Nếu nhận mọi hành động đều là bản tâm, khi sắc thân vô thường nó ở đâu? Nhận là phải nhận cho thật thấu, thấy cho thật kỹ, chứ không, nhận sắc thân sanh diệt làm cái chân thật, thì nguy!

Sự thật khi sắc thân vô thường, nó cũng đâu có mất đi đâu. Cái gì còn biết chẳng thấy? Cái gì biết hỏi? Như chuyện của Thiền Sư Vô Căn bị đốt cháy, chết rồi mà còn đi tìm hỏi "Ta ở đâu? Ta ở đâu?" Cái gì đi tìm hỏi: "Ta ở đâu?" Cái đó có mất đâu? Nên ở đây Tổ nói bản tâm vẫn thường tự hiện tiền mà ông tự chẳng thấy thôi.

### **CHÁNH VĂN:**

**Hỏi:** *Tâm vẫn thường hiện tiền, vì sao mà chẳng thấy?*

**Sư hỏi:** *Ông có từng nằm mộng chẳng?*

**Đáp:** *Từng nằm mộng.*

**Sư hỏi:** *Ngay khi nằm mộng đó là bản thân ông chẳng?*

**Đáp:** *Đúng là bản thân tôi.*

**Lại hỏi:** *Ngay khi mộng, nói năng động dụng của ông là khác hay chẳng khác?*

**Đáp:** *Chẳng khác.*

*Sư nói: Nếu chẳng khác, thì thân này là pháp thân sẵn của ông, tức là bản tâm ông. Từ vô thị kiếp đến nay vẫn chẳng khác, chưa từng có sanh diệt, đến đi, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng sạch, chẳng nhơ, chẳng tốt, chẳng xấu, chẳng lại chẳng qua, cũng không phải trái, cũng không tướng nam tướng nữ, cũng không tăng tục, già trẻ, không thánh không phàm, cũng không Phật, không chúng sanh, không tu chứng, không nhân quả, không gân cốt, không tướng mạo, giống như hư không, nắm chẳng được, bỏ chẳng được. Núi sông tường vách không ngăn nổi, ẩn hiện lại qua, thần thông tự tại, vượt núi ngũ uẩn, qua dòng sanh tử, không một nghiệp nào trói buộc được pháp thân ấy.*

Chỗ này coi chừng lắm, cho thân trong mộng là pháp thân thì nguy! Thân trong mộng làm sao là pháp thân được! Sao gọi là "Chính đó là bản thân ông?" Đây Tổ muốn dạy, ngay khi mộng là chẳng rời bản thân đang nằm trên gối. Tức ngay khi mộng chẳng rời thân đang hiện tiền đó. Cũng như vậy, ngay khi mình mê, nói năng qua lại đây cũng không rời tự tánh, một phen mình nhớ lại là xong thôi. Nên các vị có công phu thuần thực rồi, thì ngay khi một câu nói, động dụng gì đó các Ngài liền nhớ trở lại, là sẵn hết. Vậy ngay khi tới lui qua lại hằng ngày, trong tướng Tăng tục đó, trong những tướng sai biệt như vậy, có cái vô sai biệt. Cái đó bật mọi tướng trạng.

Minh khéo thấy, phải **ngay tướng sai biệt đó thấy trở lại cái vô sai biệt**. Nghĩa là ngay khi mình mê, cũng không rời tự tánh trong đó, không phải bỏ cái này đi tìm cái gì khác. Tức ngay đó thôi, chứ **không phải nhận thân trong mộng là pháp thân** thì coi chừng!

Hiểu vậy, đọc kinh Kim Cang, mới thấy chỗ phó chúc của Phật. Vào đầu kinh Kim Cang, gần tới giờ thọ trai, Phật ôm bình bát đi vào thành Xá Vệ khát thực. Khát thực xong, về dùng cơm, rửa bát, rửa chân, trải tòa ngồi. Chỉ như thế đó thôi, chưa nói câu nào hết, nhưng Ngài Tu Bồ Đề tán thán: "Thật là ít có! Ít có! Thế Tôn khéo hộ niệm các vị Bồ tát, khéo phó chúc các vị Bồ tát!". Phật chưa nói câu nào mà phó chúc, hộ niệm chỗ nào? Chưa nói câu nào mà Ngài khen ngợi, là khen ngợi cái gì?

Nếu khéo thấy, phải thấy lại chỗ ngay khi Ngài ăn cơm, rửa bát, rửa chân, trải tòa, trong mọi hành động đó đã phó chúc rồi. Nghĩa là trong mọi cử chỉ, trong mọi hành động của Phật đều sáng ngời hết. Bởi Phật luôn luôn sống trong "Tâm Vô Thượng" của Ngài, luôn luôn ở trong chánh giác. Nên mọi cử chỉ, mọi hành động đều ở trong chánh giác, hành động nào, cử chỉ nào cũng đều đầy đủ ánh sáng Bát Nhã. Ngài Tu Bồ Đề do thấy được nên tán thán, phó chúc là phó chúc ngay chỗ đó, hộ niệm ngay chỗ đó. Bây giờ, khéo xoay trở lại, nhận ra ngay mọi cử chỉ đầy đủ ánh sáng Bát Nhã, thì đó là chỗ Phật khéo phó chúc chứ gì! Đó là chỗ Phật luôn luôn hộ niệm, là chỗ sống của chư Phật, là chỗ sống của chư Bồ tát.



**Nên ngay trong chỗ sống hằng ngày đã là chỗ Phật phó chúc cho mình**, chỉ tại mình chưa khéo nhận thời.

Đoạn sau kinh Kim Cang Phật lại nói: "Nhuộc kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai". Nếu thấy các tướng không phải tướng liền thấy Như lai.

Mình thấy suốt qua các tướng tới lui qua lại là liền thấy Như Lai.

Còn mình bám trên tướng tới lui qua lại là sanh diệt. Thấy thấu qua các tướng đó, tức ngay tướng mà thấy phi tướng, **thấy thấu qua nguồn sáng phát ra mọi động dụng đó**, nó luôn hiện hữu có mặt thì liền thấy Như Lai. Cũng vậy, ngay nơi mọi cử chỉ, mọi hành động, tạo tác hằng ngày, mình khéo thấy trở lại ánh sáng trong đó, liền thấy pháp thân chân thật, đó gọi là thấy bản tâm, thì lúc nào cũng hiện tiền. Nên Tổ đáp **bản tâm thường hiện tiền mà ông chẳng tự thấy thôi**. Bản tâm đó từ vô thủy kiếp đến nay cùng với ông không khác, chưa từng có sai biệt gì, không sanh, không diệt, không thêm không bớt, không tướng nam nữ gì hết. Chỗ đó vách đá không ngăn ngại, thần thông tự tại. Thấy được chỗ đó là thấy lẽ thật, **cái này thấu qua cả núi ngũ uẩn**, núi ngũ uẩn cũng không che đậy được nó, vượt qua cả sông sanh tử, tất cả nghiệp cũng không bó buộc được pháp thân này. Nghĩa là dù cho người tạo nghiệp sâu dày, thì nó cũng tới lui qua lại như thường, mà có tới lui qua lại là nó vẫn có ngầm hiện trong đó, đâu có bó buộc nó, nhưng mình không thấy được!

CHÁNH VĂN:

*Tâm này vi diệu khó thấy. Tâm này chẳng đồng với sắc tâm. Tâm này người đều muốn thấy được nó, trong ánh sáng đó, giơ tay động chân như số cát sông Hằng mà khi hỏi tới, thấy đều nói chẳng được. Giống như người gỗ, thấy là tự mình thọ dụng nhân đầu mà chẳng biết?*

*Phật nói: Tất cả chúng sanh trợn là người mê, nhân đây mà tạo nghiệp, rơi vào trong sanh tử, muốn ra lại vào, chỉ vì chẳng thấy tánh.*

Vậy trong đó nó tới lui qua lại đây đủ, mà tại sao không thấy được? Tổ nói vì tâm này vi diệu khó thấy. Bởi vì nó không phải là cái bị thấy, nên muốn thấy nó mà không thấy được, song nó luôn luôn hiện tiền, có mặt với mình không lúc nào rời. Lý do thứ hai là vì **tâm này không đồng với sắc tâm**. Sắc tâm là tâm đối đãi, thuộc về tâm có hình tướng. Bản tâm này không đồng với sắc tâm đó, nên không thể thấy được nó.

**Trong ánh sáng của bản tâm đó, giơ tay động chân vô số lần như số cát sông Hằng, từ đời này qua kiếp nọ như vậy, khi hỏi đến thấy đều nói chẳng được.**

Từ trong ánh sáng đó mà giơ tay động chân, làm gì cũng không rời ánh sáng đó, mà khi hỏi đến nói chẳng được, giống như người gỗ. Thứ hai thấy đều là tự mình

thọ dụng, không ai khác chen vào trong đó, nhân đâu mà chẳng biết?

Giờ tay động chân, ai xen vào trong đó giờ tay động chân? Đó là cái thọ dụng của mình, tại sao hỏi đến lại không biết? Tổ nói thật là hết tình! Phải như có người nào khác, thí dụ bị ma nhập hỏi đến không biết còn tạm được. Bây giờ sáng suốt, không ai chen vào, vì sao hỏi đến không biết, có đau không? Nên nói tất cả chúng sanh trọn là người mê. Mình làm, mình sống, qua lại đầy đủ mà hỏi đến thì không biết. Mê! Mê nên nhân đây mới tạo nghiệp rơi vào sanh tử, muốn ra lại vào, tức muốn thoát ra, nhưng thoát ra rồi lại rơi vào nữa. Tổ nói, bởi vì không thấy tánh, không thấy được căn bản đó. Như tu muốn ra khỏi sanh tử mà không ra nổi, do không thấy căn bản cứ khởi tướng để mà tu, đi trong cái tướng làm sao ra khỏi sanh tử được. Có nhiều người tu công phu lắm, ngày ăn một bữa, nhưng đâu có ra khỏi sanh tử được, vì cũng còn tâm tạo tác. Hoặc như ngoại đạo, tu còn khổ hạnh gấp mấy lần mình nữa. Ở Ấn Độ có ngoại đạo tu đứng một chân, rồi vô núi Tuyết cõi trần, ngồi thiền, nhưng cuối cùng cũng rơi vào sanh tử luân hồi, vì lấy cái tướng mà tu thôi, chứ không thấy được căn bản đó.

Bởi tướng là cái sinh diệt, lấy nhân sanh diệt để tu thì được cái quả sanh diệt. Nên căn bản là phải thấy tánh.

**CHÁNH VĂN:**

*Chúng sanh nếu chẳng mê, nhân đâu hỏi đến việc trong đó không có một người hiểu được? Tự nhà mình giơ tay động chân nhân đâu mà chẳng biết?*

*Nên biết lời thánh nhân nói chẳng làm, người mê chẳng tự hiểu thôi.*

*Và nên biết, điều này khó sáng tỏ, chỉ mình Phật mới hay lãnh hội được pháp này, ngoài ra trời người và những chúng sanh ... trọn là chẳng tỏ rõ.*

*Nếu trí tuệ mà sáng tỏ thì tâm này gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát, sanh tử cũng chẳng trói buộc được, gọi đó là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bát tư nghi, cũng gọi là Thánh Thể, cũng gọi là Trường sanh bất tử, cũng gọi là Đại Tiên, tên tuy chẳng đồng, nhưng thể chỉ một.*

Đây Tổ nói rõ lại, tất cả chúng sanh đều là người mê, nếu không mê, vì sao hỏi đến việc trong đó không đáp được?

Ngài đặt lại vấn đề: việc đó là tự nhà mình giơ tay động chân nhân đâu mà không biết được?

Nó rõ ràng hiện hữu sờ sờ đó. Tại mình mê không thấy thôi, chứ không phải lời thánh nhân nói không thật. Nên căn bản là mình thấy được cái mê này, thì thấy được gốc gác giác ngộ ngay đó. Tự mình giơ tay, tự mình động chân, mà hỏi đến không biết. Vậy mê chỗ

nào? Thấy tốt chỗ đó là xong chuyện. **Nhập thất bốn mươi chín ngày mà tham cho thâu chỗ mê này là đủ rồi.** Rõ ràng như vậy thôi!

Có lần ngài Thạch Sương ngồi trong phương trượng, có vị Tăng đến hỏi:

- Cách nhau mấy tác vì sao không thấy mặt thầy?

Ngài ngồi trong phương trượng, vị Tăng đứng bên cửa sổ nên hỏi như thế.

Ngài Thạch Sương đáp:

- Ta nói khắp hết chẳng từng giấu.

Sau vị Tăng đến Tuyết Phong, thuật lại việc trên, hỏi ý chỉ của Thạch Sương thế nào. Tuyết Phong bảo:

- Chỗ nào chẳng phải Thạch Sương!

**Thạch Sương bảo:** "Ta nói khắp hết chưa từng giấu", tại ông không thấy thôi. Không thấy là lỗi tại ông, chứ ta chưa từng có giấu diếm.

Cũng vậy, Phật Tổ các Ngài nói hết rồi, chưa từng giấu diếm gì. Không thấy là tại mình chưa chịu nhận thôi. Bởi vì đó là cái rõ ràng nơi mình. Giơ tay mình cũng giơ tay được, động chân mình cũng động chân được, cái đó có ai cản mình, ai giấu mình?

Vậy Tổ dạy, bản tâm đó luôn luôn thường hiện tiền nơi mình, nhưng tại mình chẳng thấy, cũng giống như trong mộng. Tới lui qua lại, chỉ nhớ cái trong mộng thôi, quên mất cái thân đang nằm trên gối. Nếu ngay khi tới lui qua lại mà khéo tỉnh, thì ngay đó đủ hết, không rời bản thân sẵn nơi mình.

**Và nên biết, điều này khó sáng tỏ, chỉ mình Phật mới hay lãnh hội, ngoài ra trời người và những chúng sanh... trọn là chẳng tỏ rõ.**

Như vậy là mình mất phần rồi sao? Chỗ này mình phải hiểu ý ngoài lời, đây Tổ dẫn ý trong kinh Pháp Hoa: "Pháp khó hiểu ít có thứ nhất mà Phật trọn nên đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột...". Lại nói "giả sử khắp thế gian đầy mười phương cõi đều như Xá Lợi Phất, cùng chung suy lường, cũng không rõ trí Phật."

Sở dĩ mình không rõ biết, lỗi tại "suy lường", chứ không phải nói như vậy là chỗ này chỉ có Phật cùng Phật mới biết được thôi, mình không có phần. Nếu mình không có phần, Tổ giảng dạy là giảng dạy cho ai?

Phải bật những tâm suy lường của chúng sanh này, mới thâm hợp được chỗ đó, nên chỉ Phật cùng Phật mới biết được.

Tâm này nếu sáng tỏ, thì tâm này đủ thứ tên, gọi nó là pháp tánh cũng được, gọi nó là giải thoát cũng được, gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, gọi là Bát tư nghì, Thánh Thể, Trường sanh bất tử, Đại Tiên cũng là nó thôi. Bao nhiêu tên, nói nó là gì cũng được, chỉ **dừng mê** thôi! Còn nói tên này tên kia, rồi mình mê theo tên là quên mất gốc. Nên ngài Lâm Tế nói đó là "những chiếc áo", tên là những chiếc áo. Áo không biết cử động, chỉ người hay mặc áo mới biết cử động. Người đó có nhiều thứ áo: áo thanh tịnh, áo Bồ đề, áo Niết bàn, áo Phật, áo Tổ, mình phải thấy lại "người mặc áo".

Đây cũng vậy, tên có nhiều thứ tên, nhưng mình đừng kẹt trên những thứ tên đó. Tên tuy chẳng đồng, nhưng thể là một, phải thấy được chỗ không hai đó mới là khéo thấy.

### CHÁNH VĂN:

*Thánh nhân phân biệt mọi thứ đều là chẳng là tự tâm. Tâm lượng rộng lớn, ứng dụng vô cùng: ứng với mắt thì thấy sắc, ứng với tai thì nghe tiếng, ứng với mũi thì ngửi mùi, ứng với lưỡi thì biết vị, cho đến tất cả động dụng thấy đều là tự tâm.*

*Nên nói sắc Như Lai vô tận, trí tuệ cũng lại như thế. Sắc vô tận là tự tâm, tâm thức hay phân biệt tất cả, cho đến mọi động dụng đều là trí tuệ. Tâm không có hình tướng, trí tuệ cũng vô tận, nên nói sắc Như Lai vô tận, trí tuệ cũng lại như thế.*

*Thánh nhân phân biệt mọi thứ, đều là chẳng là tự tâm.*

Đó chính là chỗ mình phải thấy, **nếu là thánh nhân** phân biệt mọi thứ, phân biệt tất cả đều là không rời tự tâm. Còn mình thì sao? Phân biệt cái gì là dính với cái đó, nên mất tự tâm.

Nên kinh Duy Ma Cật nói: "Phân biệt tất cả pháp, mà nơi nghĩa đệ nhất vẫn chẳng động".

Ngài Huyền Giác thì nói: "Phân biệt mà chẳng phải

ý". Phân biệt tất cả mà không phải ý, đó mới là chỗ sống của mình. Biết cái này, biết cái kia, biết hết tất cả nhưng không rời ngay nguồn gốc, là thể đang biết. Biết cái gì, phân biệt cái gì nhưng luôn luôn có mặt ngay trong tất cả, như vậy là không có mê. Còn biết cái này, mà mình vắng mặt chỗ đó là mê chỗ đó. Phân biệt cái này, mình lo phân biệt trên cái tướng đó thôi nên mất mình trong đó, là mê. Còn phân biệt tất cả mà mình vẫn luôn luôn có mặt chỗ đó, là đâu có mê. Nên phân biệt hết mà không rời tự tâm. Như vậy, lúc nào cũng sáng ngời.

**Tâm lượng này rộng lớn không có giới hạn, ứng dụng không cùng, ứng với mắt thì thấy sắc, ứng với tai thì nghe tiếng, ứng với mũi thì ngửi mùi.** Tức trong mọi động dụng đều là tự tâm ứng ra, đều từ ánh sáng đó mà phát ra, vậy có chỗ nào lại thiếu sót đâu? Còn mình, bởi vì chỉ nhìn trên tướng sanh diệt thôi nên thấy có sanh diệt. Động dụng thì mình chỉ kẹt trên tướng động dụng. Có động thì có tịnh, mà có động có tịnh là có sanh có diệt. Như thấy sắc, có sắc thì có thấy, không sắc thì không thấy, đó là theo tướng sanh diệt. Nghe cũng chỉ là trên tướng, nên có tiếng thì nghe, không tiếng không nghe.

Còn bây giờ thấy trên cái nguồn phát ra mọi động dụng thấy nghe đó thì lúc nào cũng có mặt .

Cái đó đâu có sanh diệt. Đó mới là tâm lượng rộng lớn, không ngần mé. Như vậy mới thấy trong mọi động dụng, thấy nghe đều đủ hết, nhưng phải khéo ngay



tướng động dụng thấy lại cái thể đó, còn nhận trên tướng dụng là nhận cái sanh diệt.

**Trong tất cả thời chỉ là dứt đường nói năng tức là tự tâm.**

Trong tất cả mọi động dụng đó mà dứt đường nói năng mới là tự tâm, chứ nhận bừa trên tướng sanh diệt đó là tự tâm thì nguy. Nghĩa là ngay tướng động dụng đó mà phải thấy tới chỗ bật ngôn ngữ kia, còn ở trên đó mà suy tư cũng là phân biệt thôi, cũng nằm trong sanh diệt.

Ngài Huyền Sa bảo: "Từ vô lượng kiếp đến nay nhận thức thần".

Bởi vì chỗ đó, Bà La Môn cũng nói do Thần Ngã nên mới có những mày chóp mắt, nếu mình nhận là tự tâm thì giống Thần Ngã rồi. Nên chỗ này Tổ nói tiếp câu: "phải dứt đường ngôn ngữ", thấy đến chỗ bật ngôn ngữ, mới thấy được chỗ tột này, chứ không phải chỉ dừng trên tướng.

**Nên nói sắc Như Lai là vô tận, trí tuệ cũng như thế.**

Sắc Như Lai vô tận là sao? Tức để chỉ cho không có một hình tướng nào cố định, đâu đâu cũng là hiện hình của Như Lai, nên vô tận. Nói sắc đó không phải là có sắc tướng, nói vậy để cho mọi người không có kẹt, nếu nói Như Lai không hình tướng, người ta lại kẹt vào một bên đoạn diệt, cho nên **nói sắc, nhưng là vô tận**, nghĩa là nói sắc mà không có sắc. Cái đó nó vẫn có mặt khắp mọi

nơi, nhưng không có một hình tướng gì, chứ không phải hoàn toàn không có gì hết, không kẹt một bên. Ngay nơi mọi sắc tướng hiện bày trước mặt, mà thấy tột được Như Lai trong đó, chứ không phải gạt bỏ hết mọi tướng đó mới thấy được Như Lai.

Trí tuệ cũng vậy, ở chỗ nào cũng thấy được ánh sáng trí tuệ, nếu khéo vượt qua mọi hình sắc, mọi sắc tướng.

**Sắc vô tận là tự tâm, tâm thức hay phân biệt tất cả, cho đến mọi động dụng đều là trí tuệ, tâm không hình tướng, trí tuệ cũng vô tận, nên nói sắc Như Lai vô tận, trí tuệ cũng lại như thế.**

Vậy trong mọi hiện tướng có mặt nơi đây đều là hiện tướng của Như Lai, trí tuệ cũng nằm sẵn trong đó, chứ không phải rời cái này để đi tìm trí tuệ. Để thấy rõ, ngay trong thấy nghe hiểu biết đầy đủ tri kiến Phật trong đó, nhưng phải thấy đến chỗ ngôn ngữ không thể nói đến, chỗ tâm suy nghĩ không tới, ngay đó đầy đủ.

### CHÁNH VĂN:

*Sắc thân bốn đại tức là phiền não. Sắc thân tức có sanh diệt. Pháp thân không có chỗ trụ. Vì pháp thân Như Lai chẳng có chỗ đổi khác.*

*Kinh nói: Chúng sanh nên biết Phật tánh vốn tự có sẵn.*

*Ngài Ca Diếp chỉ là ngộ được bản tánh.*

*Bản tánh tức là tâm. Tâm tức là tánh. Tánh*

*tức là tâm đồng với chư Phật này.*

*Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này.*

*Trừ ngoài tâm này ra, không Phật có thể được.*

Sắc thân bốn đại này là chỗ sanh ra phiền não, từ nghiệp mà đến, bởi từ nghiệp tạo, nên có ra rồi mình bám chắc vào sắc thân đó, bám vào ngã, sanh ra phiền não. Do đó sắc thân thuộc về sanh diệt, còn pháp thân là thường trụ, là không có chỗ trụ. Nghe nói thường trụ rồi mình tưởng là nó luôn luôn có mặt hiện trước mắt là lắm; ở đây Ngài nói thường trụ mà không có chỗ trụ thì mới đúng. Còn nghe nói thường trụ mà nghĩ đến có chỗ trụ là trái với nghĩa thường trụ. Bởi vì có chỗ trụ là dời đổi, không chỗ trụ là không bám chắc vào chỗ nào hết, kinh Kim Cang gọi là "vô sở trụ". Vô sở trụ đó gọi là thường trụ, nó luôn luôn hiện tiền. Còn có chỗ trụ là mình quên mất cái hiện tiền mà bám vào trong đối tượng, đi vào trong sáu trần, chính đó là mất mình rồi.

**Pháp thân Như Lai chẳng có đổi khác.**

Sắc thân là cái sanh diệt, phải thấy thấu được pháp thân thường trụ mà không chỗ trụ này, đó mới là cái không có biến đổi, không có đổi khác.

**Kinh nói: Chúng sanh nên biết Phật tánh vốn tự có sẵn. Ngài Ca Diếp chỉ là ngộ được bản tánh. Bản tánh tức là tâm. Tâm tức là tánh. Tánh tức là tâm đồng với chư Phật này. Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này.**

Tâm đồng với chư Phật, là tâm nào đồng với chư Phật? Các vị Tổ, Thiền Sư khi tỏ ngộ rồi nói ra đều khế hợp với chư Phật dù cách bao nhiêu đời, bởi vì khi tỏ ngộ được là tỏ ngộ tâm không khác đó.

Bởi vậy, ai bảo rằng chúng đạo rồi, mà cái thấy còn sai biệt với Phật với Tổ, lại võ ngược thì mình biết rằng cái thấy đó chưa thật tột, chưa triệt.

*Phật trước, Phật sau chỉ truyền tâm này thôi.*  
Nghĩa là sao?

Phật trước Phật sau chúng đạo là chúng cái gì?

Chúng ngay tự tâm này chứ không gì khác. Bởi chúng ngay tự tâm vốn đồng này, do đó chỗ chúng không khác, các Ngài dễ cảm thông nhau, chỗ thấy không hai.

Tổ Ca Diếp gọi, ngài A Nan: - Dạ. Tổ bảo: "Cây phướn trước chùa ngã". Đó là truyền tâm khéo. Các Tổ sau này không nói như vậy nhưng khai thị cho người cũng giống giống.

Như ngài Hoàng Bá gọi ông Bùi Hưu, cũng là ý đó, nhưng mà linh động, sáng tạo chứ không theo một khuôn. Ngài Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: "Chúng sanh nghiệp thức mênh mang, ông làm sao biết họ có hay không có". Ngay đó có ông Tăng đi qua, Ngưỡng Sơn liền gọi, ông Tăng xoay đầu lại. Ngưỡng Sơn bảo: "Đó là nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa". Khéo nhận thì thấy ý trên. Các Ngài chỗ thấy giống nhau, nói ra liền hiểu nhau.

Còn mình thấy được phần nào, mà cái thấy của

mình còn khác biệt với Phật, với Tổ, với các Thiên Sư, đôi khi còn phân tích, chỉ trích ra, tưởng mình hay, nhưng không ngờ cái thấy của mình chưa đến!

Ở đây Tổ bảo, nếu khéo thấy, chỗ thấy đồng với chư Phật, Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này, ngoài tâm này không Phật có thể được. Nếu có gì để được là Phật bên ngoài.

### CHÁNH VĂN:

*Chúng sanh điên đảo nên không biết rõ tâm mình là Phật, rồi hướng ra bên ngoài tìm cầu, trọn ngày lãng xãng niệm Phật lễ Phật, Phật ở đâu? Chẳng nên khởi những cái thấy như thế.*

*Chỉ biết tự tâm, ngoài tâm không có Phật nào khác nữa.*

*Kinh nói: "Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng".*

*Lại nói : Ngay chỗ này đây tức là có Phật, tự tâm là Phật, chớ nên đem Phật lễ Phật, dù là có tướng mạo Phật, Bò sát bỗng hiện ra trước quyết cũng chẳng cần lễ kính. Tâm ta vốn là rộng lặng, quyết không có những tướng mạo như thế.*

*Nếu chấp tướng là ma, trọn rơi vào đường tà. Nếu là huyền từ tâm dấy khởi tức chẳng cần lễ. Người lễ thì chẳng biết, người biết thì chẳng lễ. Lễ thì liền bị ma thu nhiếp, e người học không biết, nên biện rõ như thế.*

Chúng sanh do không nhận được tự tâm của mình là Phật, nên mới chạy ra, rong ruổi tìm cầu bên ngoài. Tìm lăng xăng cả ngày, chỉ là niệm Phật lễ Phật bên ngoài thôi.

Ngài đặt câu hỏi lại: "niệm Phật, lễ Phật nhưng Phật ở đâu mà lễ?". Đây muốn nhấn mạnh để mình thấy lại Phật thật.

Thay vì mình lo niệm Phật ở đâu đâu, còn chính "cái đang niệm" là cái gì, mình lại mê. Thay vì niệm Phật, mình "niệm lại cái đang niệm" là thấy Phật thật, khởi qua Tây phương.

### **Chẳng nên khởi những cái hiểu như thế!**

Vì sao? Khởi thấy tức là đã sai rồi. Vì khởi thấy là thấy cái gì rồi, mà thấy cái gì là thuộc về tướng, là đối tượng nên dù thấy đó là Phật hào quang cũng không phải thật. Căn bản là chỉ biết tự tâm thôi, ngoài tâm không có Phật nào khác để được. Có được là Phật của ai rồi, đây là phải thấy rõ trở lại nơi chính tự tâm mình, đó mới là Phật chính mình. Nói rõ để các huynh đệ không có lầm, nhất là người tu Thiền.

Tổ dẫn kinh Kim Cang "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng".

Chính chỗ này người tu Thiền phải luôn luôn nhớ kỹ, "**cái gì có tướng đều là hư vọng**". Do vậy khi ngồi Thiền, tâm mình yên lặng, thanh tịnh, có thấy gì đều là có tướng, mà có tướng đều là hư vọng không thật, đừng có vội chấp vào đó rồi cho rằng mình được cái này, được

cái kia. Đó là nguy!

Cho đến ngồi Thiền thấy tâm mình yên lặng, thanh tịnh rất là an vui, liền nhận đó là tâm Phật của mình, vẫn làm như thường. Vì khi thấy nó an ổn thanh tịnh, cũng thuộc về tướng bị thấy. **Tướng yên lặng, thanh tịnh là đối đãi với tướng động**, chứ có gì đâu! Thay vì lâu nay mình sống với tâm động, động thì có tướng này tướng kia. Những tướng động đó yên lại rồi gọi đó là tướng thanh tịnh, nhận tướng thanh tịnh đó là mình, là vẫn còn một lớp mê mờ, nên chưa thể sống dậy được. Phải vượt qua tướng yên lặng, thanh tịnh đó nữa, mới gọi là không động tịnh. Còn tướng yên lặng thanh tịnh đó khi công phu mình yếu, nó quên tướng yên lặng đó, thì động trở lại thôi.

Nên đây phải khéo nhận, tế nhị, chứ vội thấy được cái yên lặng, vội ngược coi như mình ngộ đạo, tự tâm hiện tiền, thì nguy!

Nên câu này phải nhớ kỹ, "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng", có tướng đều là hư vọng, hoặc là tướng động, hoặc là tướng tịnh, hoặc là tướng có, tướng không gì, tướng Không cũng là tướng, đối với tướng Có, phải vượt qua tướng không nữa, mới thật chính nó.

Tổ nói thêm, "ngay chỗ này đây, tức có Phật rồi", còn gì phải thấy nữa! Vậy ngay chỗ mình ngồi đây có Phật không? Còn niệm cái gì? Niệm cái gì là bỏ ngay cái hiện tiền. Mỗi người ngay chỗ này đều có đủ hết, đây là chỗ ngài Lâm Tế nhắc đi nhắc lại: "Cái ông đang nghe

pháp", nó hiện tiền rõ ràng không chút gì làm lẫn. "Cái đó", ai xen vào trong đó mà nghe? **Nghe mà thuần là nghe** thôi, thì đó là ai? Còn mình chưa nghe được như vậy, nghe mà còn lẫn với tiếng, đồng hóa cái nghe với tiếng, nên cái nghe lẫn với cái có nghe, bị nghe. Thấy được chỗ đó là thấy ngay đây tức có Phật, tự tâm là Phật rồi, chẳng nên đem Phật lễ Phật, dù cho có những tướng mạo Phật, Bồ tát bỗng hiện ra trước, quyết cũng chẳng cần kính lễ.

Bởi vì sao? Tâm mình vốn lặng lẽ không có một tướng gì, mà có hiện ra là có động rồi, mất tịch rồi, là trái với tâm không tịch; còn đây nói tâm rỗng lặng, không tịch là không có những tướng mạo như thế. Có tướng là ma, rơi vào đường tà. Nếu là huyền từ tâm mà khởi, tức cái đó không ngoài tâm riêng có, như vậy chẳng có nên lễ.

**Người lễ thì không biết, biết thì không lễ, lễ thì bị ma nhiếp. Vì e người không biết, phải biện rõ điều đó**, nhất là người tu Thiền. Khi ngồi Thiền thấy có những tướng Phật, Bồ tát hiện đến dễ kẹt, cho rằng hôm nay mình ngồi Thiền đắc đạo, nhất là thấy có ánh sáng, dễ vô ngục lắm! Nhưng sự thật, đó là chuyện thường thôi. Khi mình chú tâm, những tướng đó dễ hiện ra, nhưng có một lúc rồi mất chứ không phải có hoài, nên đây là những tướng sanh diệt, không cần phải quan trọng, quan trọng là phải thấy cho được thể chân thật nơi mình. Bởi vì mình chưa được con mắt thiên nhãn, nên Phật và Bồ tát hiện ra hay ma mình cũng đâu có



phân biệt được. Với tinh thần của nhà Thiên, ma Phật gì cũng dẹp hết, thì mới không lầm, nghĩa là có tướng thì không nhận, vậy thì không ai gạt được mình. Nếu lỡ là Phật thật hiện mà mình gạt qua luôn thì sao? Ngài càng khen thôi. Còn mình sợ lỡ Phật thật hiện ra gạt bỏ thì uổng, chính đó là tâm còn mê. Chẳng hạn ngài Văn Thù hiện ra trong nồi cháo, bị ngài Văn Hỉ lấy dầm đập đập bảo: "Văn Thù tự Văn Thù, Văn Hỉ tự Văn Hỉ", như vậy mà ngài Văn Thù lại khen. Hoặc ngài Hoàng Bá, vị Tăng đi theo Ngài có thần thông đi qua suối trước, Ngài bảo: "Nếu tôi biết trước, hẳn đã chặt bấp đùi huynh rồi". Vậy mà vị Tăng đó lại khen, trái lại nếu duyên theo đó chắc chắn sẽ bị quở. Hiểu được điều đó mới thấy ý này.

Nên phải nhớ rõ, tâm mình là không tịch, vốn không có những tướng mạo như thế, nếu vũng vàng như vậy mới không lầm và thắng qua tất cả. Nhất là nếu mình tu Thiên ở rừng núi, chỗ vắng vẻ có nhiều sinh linh. Như ngài Đạo Thọ, tham thiên đã nhận được ý chỉ. Sau đó Ngài cất am trên ngọn núi Tam Phong, gần chỗ này có nhiều đạo sĩ ở. Các vị đạo sĩ sợ e Ngài sẽ gây ảnh hưởng hơn mình, nên có người mới dùng tà thuật quấy rối Ngài. Hoặc có lúc hiện mặc đồ trắng đến nói bàn những điều khác lạ, hoặc có khi hiện hình trời, Phật, Bồ tát, Thanh văn, hoặc có khi hiện các hình tướng ma quái, có khi phát ra những âm thanh quái đản làm cho đồ chúng của ngài Đạo Thọ sợ sệt bỏ đi. Nhưng ngài Đạo Thọ vẫn vũng vàng. Qua mười năm như vậy không làm

gì được Ngài, nên các đạo sĩ chấm dứt không phá nữa. Ngài Đạo Thọ mới bảo với chúng: "Những đạo sĩ kia làm ra tài khéo léo như vậy để mê hoặc người, nhưng cũng chẳng tiêu được một cái chẳng thấy, chẳng nghe của ta."

Nên có câu "Thấy quái mà chẳng thấy quái, quái ấy ắt tự hoại", thấy quái mà mình chẳng bám, chẳng động lòng gì hết thì quái ấy tự hoại; còn ở trên đó mà bàn tính là bị nó chi phối. Đây mình phải hiểu kỹ như vậy, nhất là các vị vô nhập thất một mình.

Hãy nhớ rõ: bản tâm chân thật nó là rỗng lặng không có những tướng mạo như thế. Sợ e người học không biết nên Tổ mới biện rành rẽ như vậy.

### **CHÁNH VĂN:**

*Trên thể của bản tánh chư Phật Như Lai đều không có những tướng mạo như thế. Rất phải chú ý, dù có những cảnh giới lạ, quyết chẳng cần tìm xét gì, cũng chớ nên sợ sệt, chẳng nên nghi hoặc. Tâm ta xưa nay là thanh tịnh thì chỗ nào có những tướng mạo như thế? Cho đến những tướng Trời, Rồng, Dạ xoa, Quỷ thần, Đê thích, Phạm vương... cũng chớ nên đem tâm kính trọng, cũng chớ sợ sệt. Vì tâm ta xưa nay là rỗng lặng, tất cả những tướng mạo đều là vọng kiến, hãy chớ chấp lấy tướng!*

*Nếu khởi cái thấy Phật, thấy pháp và tướng*

*mạo Phật, Bồ tát... mà sanh kính trọng liền tự rơi vào địa vị chúng sanh. Nếu muốn lĩnh hội ngay, chỉ là chỗ có chấp lấy tướng liền được, không có lời nào khác. Nên kinh nói "Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng", đều không thật có. Vì huyễn là không có tướng cố định, là pháp vô thường, chỉ đừng chấp lấy tướng là hợp với thánh ý.*

*Kinh nói: "Lià tất cả tướng tức gọi chư Phật"*

Tổ nhắc mình phải chú ý, trên thẻ tánh chư Phật Như Lai thì không có những tướng mạo như vậy. Dù cho có những cảnh giới lạ, cũng quyết chẳng cần tìm xét gì, biết đều là như huyễn thôi, cũng không sanh tâm sợ sệt, nghi ngờ. Luôn nhớ bản tâm mình vốn không tịch, rỗng lặng, sáng suốt, thì bản tâm đó không có những tướng mạo gì hết, những tướng mạo kia đâu dính dáng gì đến tâm thể đó. Bình tĩnh thì vượt qua hết, nếu mình để ý là hơi hơi dính vào trong tướng mạo đó rồi. Dù là tướng mạo Trời, Rồng, Dạ xoa cũng không có sanh tâm kính, sanh tâm sợ. Bởi có những tướng nó hiện ra cũng là vọng hiện, nghĩa là nó có hiện rồi có ẩn, có đến, có đi, đó là sanh diệt không thật. Còn cái thật thì luôn luôn hiện tiền, không mất.

Nếu khởi cái thấy Phật, thấy pháp liền rơi vào trong địa vị chúng sanh. Đây là Ngài muốn chỉ đến chỗ tột cùng. Còn có thấy tức là còn có cái bị thấy, là chưa phải thật. Bởi mình khởi cái thấy pháp là có pháp ngoài

tâm để thấy, mà có pháp ngoài tâm để thấy nên gọi là bị cái thấy đó chuyển. Nên nói Ngài Văn Thù vừa khởi Phật kiến, Pháp kiến liền bị dời đến hai ngọn núi Thiết Vi. Câu chuyện này dẫn trong tích "Chư Phật tập yếu". Ngài Văn Thù Sư Lợi đang tu ở thế giới Nhãn, tức thế giới Ta bà, tự nghĩ:

- Ngày nay, hằng sa chư Phật ở thế giới mười phương thấy đều nhóm họp ở phương đông nơi cõi Phổ Quang Minh của Phật Thiên Vương tuyên nói pháp yếu tập. Ta có thể qua đó gặp chư Phật và nhận lấy những kinh điển của Phật.

Khi nghĩ như vậy, Ngài báo với Bồ tát Di Lặc, chúng ta cùng nhau hãy qua cõi Phổ Quang. Ngài Di Lặc đáp: "Ngài muốn đi hãy lên đường đi, còn tôi, chẳng đi.

Bởi vì sao? Vì đạo đức cao vòi vọi chẳng thể vin theo mà vượt qua. Thân chẳng thể thấy cũng chẳng kham qua để thấy hình nghe tiếng. Văn Thù Sư Lợi, chớ có lấy sắc tượng mà quán pháp thân chư Phật Như Lai, pháp thân không thể thấy, không nghe, không thể nuôi lớn".

Ngài Văn Thù Sư Lợi, vì lòng khao khát với pháp một mình đi đến. Do thần lực của Phật, chúng hội không ai theo hết. Ngài Văn Thù Sư Lợi dùng thần túc, trong khoảng co duỗi cánh tay đến chỗ Phật Thiên Vương.

Khi ấy Phật Thiên Vương trong tâm tự nghĩ - "Ngài Văn Thù Sư Lợi được chư Phật khen ngợi hạnh nhẫn nhục rất là sâu xa, đối với không tuệ, không ai bì kịp. Nay từ cõi Nhãn, dấy tâm đến là rơi vào điên đảo to, tột

cùng là có thọ ngã, mà có chỗ nhằm tiến đến là sẽ lui lại đứng trên đỉnh núi Thiết Vi." (Chỗ tối tăm u ám).

Đức Phật Thiên Vương mới bảo Ngài Văn Thù:

- Ông đến đây muốn xem cái gì? muốn quán cái gì?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Vâng, bạch Thế Tôn. Con ở thế giới Nhân, tâm tự nghĩ: "Chư Phật hiện ra đời rất khó gặp, cũng khó được nghe giảng nói kinh điển". Vì muốn gặp Như Lai để nghe nói pháp nên đến cõi Phật này.

Phật Thiên Vương liền từ tam muội chánh thọ mà hiện thân túc, dời Ngài Văn Thù Sư Lợi đến ngọn núi Thiết Vi chẳng tự hay biết.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Nay hiện thân túc thành thân thông biến hoá, thánh tuệ vô tận chỉ bày đạo lực kia trở lại nơi chúng hội.

Ngài Văn Thù Sư Lợi liền như tam muội chánh thọ hiện thân túc, ngay trong khoảng khởi phát ý liền vượt hàng sa cõi Phật phương đông, chẳng hay bỏ xa thế giới Phật kia mấy may bèn vào hội Phật chưa từng có. Nên sau này ngài Lâm Tế có dẫn: "Ngài Văn Thù Sư Lợi vừa khởi Phật kiến Pháp kiến liền bị dời đến ngọn núi Thiết Vi".

Văn Thù là căn bản trí, trí chân thật sẵn có nơi mình, không do làm mà được, vậy khởi thấy Phật, khởi thấy pháp thì sao? Thì có thêm cái bị thấy trong đó rồi. Nên vừa khởi cái thấy Phật, khởi cái thấy pháp, là trái với chỗ căn bản đó ngay, liền bị dời đến núi Thiết Vi.

Mình đây cũng vậy, đang sống trong cái chân thật

hiện tiền mà khởi thấy Phật thì mất hiện tiền, khởi thấy Pháp cũng mất cái hiện tiền. Để thấy rõ, ngay đây phải khéo sống với cái chân thật hiện tiền, cái đó không có tướng mạo gì. Nên Tổ nói vừa khởi cái thấy Phật, Bồ tát liền rơi vào trong địa vị chúng sanh.

**Nếu muôn trực hội, chớ nên chấp tướng liền được.**

Chỗ này nếu khéo thấy liền lãnh hội ý Thiền. Chúng ta tâm thường kẹt nơi tướng, hễ nghe nói thì bám vào tướng nói năng, sanh tưởng, rồi kẹt theo danh. Thí dụ nghe nói "tâm" mình liền nghĩ đến một cái tâm, theo đó cố suy tìm để nhận biết. Vậy từ danh khởi tướng, bám trên tướng quên mất thể thật.

Nếu khéo ngay đây không chấp tất cả tướng, liền đó chân thật rõ ràng thấu suốt.

Có vị Tăng đến Hòa thượng Tây Thiên hỏi:

- Ba thừa mười hai phần giáo con chẳng hỏi, thế nào là ý Tổ sư từ Tây sang?

Ngài Tây Thiên đưa phát tử lên chỉ. Nếu người khéo ngay đó lia tướng thì thấy ngay. Nhưng ông Tăng không nhận được, không lẽ bái.

Sau đó ông đến tham vấn ngài Tuyết Phong.

Tuyết Phong hỏi: - Ông từ đâu đến?

Tăng thưa: - Từ Chiết Trung đến.

Tuyết Phong hỏi: - Mùa hạ ở đâu?

Tăng thưa: - Tây Thiên.

Tuyết Phong hỏi: - Hòa thượng có an ổn chăng?

Tăng thưa: - Khi đi Ngài vẫn bình an.

Tuyết Phong hỏi: - Sao không ở lại đó?

Tăng thừa: - Vì Phật Pháp không sáng.

Tuyết Phong hỏi: - Có việc gì chẳng sáng?

Ông bèn thuật lại câu chuyện trên. Tuyết Phong liền hỏi:

- Tại sao ông không nhận y?

Ông đáp: - Đó cũng là cảnh thôi.

Tuyết Phong hỏi: - Ông có thấy kẻ nam người nữ ở thành Tô Châu chẳng?

Ông đáp: - Thấy.

Lại hỏi: - Ông có thấy ao hồ rừng cây bên đường ông đi qua chẳng?

Đáp: - Thấy.

Tuyết Phong bảo: - Phàm hề xem thấy kẻ nam người nữ, nhà cửa đất đai, rừng ao, tất cả đều là cảnh, ông có nhận chẳng?

Đáp: - Nhận.

Tuyết Phong bảo: - Tại sao đưa phát tử ông không nhận?

Đáp: - Con vì phát ngôn bừa bãi, xin thầy từ bi tha lỗi.

Tuyết Phong mới bảo: - Khắp cả đại địa là con mắt sa môn, ông nhằm chỗ nào mà ngồi xỏm?

Ông ngay đó hết đường, mới chịu lễ bái.

Để thấy vì tâm còn chấp trước, giờ phát tử ông bảo là cảnh, vì chỉ bám trên tướng mà thấy thôi, nếu thấy ngược trở lại là thấy ý Tổ sư rồi. Nên ngài Tuyết Phong bảo: "Khắp cả đại địa là con mắt, ông nhằm chỗ nào ngồi mà ông nói cảnh?" Nếu mình lìa tướng thì chỗ nào cũng

là sáng ngời hết, chỗ nào cũng là chỗ mình trở về, vậy có chỗ nào che mờ được? Còn đây vì quên chính mình, bám trên tướng đó, nên thấy cây phát tử chỉ nhận trên cây phát tử để hiểu thôi, nên bị cây phát tử che. Nếu lìa tướng, thấy cây phát tử nhưng vẫn không rời cái đang hiện tiền đây, phát tử đâu che được, thì thấy cái gì cũng là sáng ngời, chỗ nào cũng là chỗ sáng đạo được. Nên nói "chớ chấp lấy tướng liền được".

**Nên kinh nói: "Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng" đều không thật có. Vì huyền là không có tướng cố định, là pháp vô thường, chỉ đừng chấp lấy tướng là hợp với thánh ý.**

**Kinh nói: "Lìa tất cả tướng tức gọi chư Phật"**

Đơn giản: "Lìa tất cả tướng tức gọi chư Phật", nghĩa là ngay đây mình bật mọi niệm phân biệt theo tướng, chứ không phải nói lìa tướng là mình gạt bỏ tất cả tướng qua bên. Nếu mình tưởng lầm, gạt các tướng qua bên, còn lại cái Không tướng, cũng là tướng. Đây là bật mọi niệm phân biệt theo tướng.

Ngài Lâm Tế nói: "Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ", sạch hết mọi tình chấp. Hiện tiền cũng thấy tất cả mà không là cái gì hết, ngay đó là gì? Còn mình vừa thấy cái gì là cái đó rồi. Thấy cây phát tử, mình là cây phát tử nên kẹt.

Ngay đây thấy nghe tất cả mà không là cái gì hết, bấy nhiêu đó là đủ để sống trở về. Ngay đó tức là chư Phật, liền hợp Thánh ý.



Ngài Kính Huyền hỏi thiền sư Duyên Quán:

- Thế nào là đạo tràng vô tướng?

Ngài Duyên Quán chỉ tượng Quán Âm do ông Ngô Xứ Sĩ vẽ bảo:

- Cái này do ông Ngô Xứ Sĩ vẽ.

Kính Huyền trầm ngâm suy nghĩ, Ngài liền nói:

- Cái này có tướng, cái kia không tướng.

Ngay đó Kính Huyền thấy được liền. Vừa trầm ngâm suy nghĩ tức là sao? Trong đầu liền có tướng, vậy thì cái này có tướng, còn "cái kia" không tướng. Ngay đó mình thấy "ý thật" sát bên không xa. Nên đây dẫn ý kinh nói: "Lià tất cả tướng tức gọi chư Phật".

Đây là đoạn rất quan trọng, nhất là với người nghiên cứu Thiền, tu Thiền không có lầm lẫn khi gặp những cảnh giới đến. Hoặc khi mình tu đến những trạng thái tế nhị, dù cho thấy được tướng thanh tịnh, tướng vắng lặng cũng là tướng bị thấy. Phải nhớ như vậy để không lầm.

### CHÁNH VĂN:

**Hỏi: Nhân đâu chẳng được lễ Phật, Bò sát... ?**

**Đáp: Thiên ma Ba-tuần, A-tu-la thị hiện thân thông cũng đều làm được những tướng mạo Bò sát, biến hóa mọi thứ, đó là ngoại đạo thấy chẳng phải Phật.**

**Phật là tự tâm, chớ làm lễ bái. Phật là tiếng Ấn độ, Trung Hoa gọi là giác tánh.**

***Giác là linh giác: ứng cơ tiếp vật, nhường mày chớp mắt, giờ tay động chân thấy đều là tánh linh giác của chính mình.***

***Tánh tức là tâm. Tâm tức là Phật. Phật tức là đạo. Đạo tức là Thiên. Một chữ Thiên chẳng phải phạm thánh có thể suy lường nổi.***

***Lại nói thấy bản tánh là Thiên, nếu chẳng thấy bản tánh tức chẳng phải Thiên.***

Câu hỏi đặt ra: "nhân gì chẳng được lễ Phật, lễ Bồ tát?" Câu đáp: bởi vì Thiên ma Ba-tuần, A-tu-la cũng có thể biến hóa ra Phật, Bồ tát, thì làm sao mình phân biệt được là Phật thiệt giả? Nếu không phân biệt được mà mình cứ lễ càn cũng là lầm lẫn. Nên ở đây, nếu cho những tướng hiện ra như vậy là Phật, thì Phật thành ra những tướng mạo đó hay sao? Khi những tướng đó mất, sẽ nương vào đâu? Đó là kẹt nơi tướng, gọi là ngoại đạo. Ngoại đạo đây tức là đi bên ngoài, những cái đó đều thuộc về bên ngoài hết, không phải là cái chân thật nơi chính mình nên thấy chẳng phải là Phật thật. Đây Tổ muốn nói, Phật chính là tự tâm thôi, chớ có lầm mà lễ. Nghĩa là chính tự tâm là Phật không có riêng khác, chớ hướng ra bên ngoài mà lễ, dễ bị gạt.

Chuyện Tổ Ưu Ba Cúc Đa độ ma Ba-tuần rồi, muốn đền ơn Ngài, Ngài bảo: "Xưa Phật còn tại thế có ông thấy, giờ ông hiện ra coi". Ma Ba-tuần liền hiện ra, nhưng giao ước với Ngài trước là khi hiện Ngài đừng có

lễ. Khi Ma hiện ra, thấy tướng mạo Phật cùng Thánh chúng Tỳ kheo oai nghi từ trong rừng đi ra, Ngài cảm động, sụp lễ. Khi đó Ma liền hiện trở lại, bảo: "Khi nầy Hoà thượng đã hứa rồi, sao bây giờ còn lễ?" Ngài bảo: "Ta lễ đây không phải lễ ông, nhân tướng đó mà nhớ lại Phật". Cho thấy ma nó hiện tướng y như vậy, mình làm sao phân biệt được? Nên người tu Thiền phải hiểu kỹ để không có lầm lẫn.

Đây Tổ giải thích, Phật là tánh linh giác của chính mình chứ không gì khác.

Mình lại theo danh khởi tướng, nghe nói Phật liền tưởng ba mươi hai tướng tốt, có hào quang, kẹt trên tướng mà quên nghĩa chính Phật là người giác ngộ. Đây Ngài nói giác đó là tánh linh giác, tánh linh giác đó là ở ngay mình chớ không đâu khác. Nhướng mày chớp mắt, giơ tay động chân đều là tánh linh giác của mình. Ai không có? Nếu không có tánh linh giác đó, cái gì hiện ra nhướng mày chớp mắt? Những tác dụng đó từ đâu hiện ra? Tổ muốn nhấn mạnh, ngay những tác dụng đó phải khéo thấy trở lại nguồn tâm của mình, thấy trở lại tánh linh giác. Đó mới là Phật thật. Nhưng không phải nghe nói vậy, rồi nhận trên những tướng giơ tay động chân, cũng là hiểu trên tướng sanh diệt. Giơ tay động chân là cái dụng, mà cái dụng thì khi có khi không, cần phải nương cái dụng đó mà thấy trở lại tánh linh giác, nguồn phát ra mọi động dụng. Đó là khéo thấy. Nếu nhận giơ tay động chân là tánh linh giác, khi thân này hoại rồi,

lấy gì giơ tay động chân? Lúc đó mới chơi với!

**Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là đạo, đạo tức là thiên. Một chữ Thiên này chẳng phải phàm thánh có thể suy lường nổi. Lại nói: thấy bản tánh tức là thiên. Nếu chẳng thấy bản tánh tức chẳng phải thiên.**

Trong phần luận này, Tổ nhắm thẳng đến tánh giác của chính mình, phải ngộ tự tánh, tức là phải thấy tánh chân thật, chứ không phải là hiểu trên danh từ hay giải thích trên chữ nghĩa. Minh nói Thiên là tĩnh lự. Tĩnh là lặng, lự là lo nghĩ, tức lặng mọi lo nghĩ, hoặc là Định Tuệ đồng thời ... cũng là giải thích trên danh từ thôi, chưa đụng gì đến bản thân của Thiên. Nên nói "một chữ Thiên phàm thánh khó suy lường", tức nó không phải là cái bị hiểu, nếu mình hiểu được chưa phải chính là Thiên .

Đây nói tánh tức là tâm, lâu nay nghe nói tâm tánh, không khéo cũng bị lầm. Nói tánh tức là tâm, rồi nhận tâm suy nghĩ phân biệt này là tánh, là đi trong sanh tử.

Tánh tức là tâm này là chỉ cho tự tâm rỗng rạc, không có biến đổi, không có lẫn lộn với bất cứ tướng nào hết, tâm đó mới gọi là tức tánh được. Chứ còn tâm phân biệt mà nhận là tánh thì đó là đi trong luân hồi, phải hiểu cho thật kỹ!

Phải thấu suốt tự tánh mới là Thiên sống, còn chưa thấy như vậy, nói gì cũng là nói ngoài da, chưa phải bản

thân thật của Thiên. Cũng như khởi hiểu về Thiên cũng chẳng phải Thiên thật. Mình khởi hiểu về Thiên đó là Thiên bị hiểu, đó là bóng dáng, là đối tượng chưa phải là bản thân của Thiên.

Để thấy Thiên không phải là nhằm trên chữ nghĩa để giải thích, hoặc là định nghĩa. Mình định nghĩa được Thiên thì đó không phải là thiên thật. Chính chỗ tâm suy nghĩ không tới đó mới chính là nguồn Thiên chân thật. Còn nói ra được, suy nghĩ đến được, là chưa dính dáng. Mà mình hay muốn định nghĩa, giải thích rõ ràng cho người ta hiểu, cũng là đi bên ngoài. Đây Tổ nói là ngoại đạo, chưa dính vào thể thật.

Đúng ra trong nhà Thiên, hỏi thế nào là Thiên, đáp: "Thiên", Thiên là Thiên thôi, thế nào nữa là không phải chân Thiên rồi. Nên Tổ nói không thấy bản tánh không phải là Thiên, dù cho mình giải thích hay thế mấy cũng là trên chữ nghĩa.

### CHÁNH VĂN:

*Giả sử nói được ngàn kinh muôn luận, nếu chẳng thấy tánh chỉ là phạm phu, chẳng phải Phật pháp. Chỉ đạo sâu xa, chẳng thể dùng lời mà lãnh hội. Kinh giáo y cứ vào đâu mà đến được? Chỉ thấy bản tánh, chẳng biết một chữ cũng được.*

*Thấy bản tánh tức là Phật, thánh thể xưa nay vốn thanh tịnh, có nói năng gì đều là thánh nhân*

*từ tâm khởi dụng. Thế của dụng xưa nay là rỗng không. Danh từ nói năng vẫn chẳng đến được, mười hai bộ kinh y cứ vào đâu mà được kịp?*

Dù cho giảng được mười hai bộ kinh hay cách mấy cũng là phạm phu. Để cảnh tỉnh người giảng nói cho hay mà chưa thật tỉnh, cũng chẳng đáng cho mình tự hào. Vì sao? Đó cũng chỉ là **nói lại của Phật**, của Tổ vậy thôi, không phải là cái của mình, nên cũng là phạm phu. Rõ ràng như vậy, nên nói chẳng phải là Phật pháp. Mình thì gọi là giảng Phật pháp, nhưng đây Tổ nói "Chẳng phải Phật Pháp". Tổ muốn đánh mạnh vào chỗ mình chỉ nói mà chưa sống được, vì ý Tổ đây là Phật pháp sống, chứ không phải Phật pháp chết. Mình nói được nhưng chỉ là nói lại cái trên chữ nghĩa, **nói về Phật pháp** vậy thôi, chứ chưa phải là Phật pháp sống thực.

Đây mình phải đặt câu hỏi lại, khám phá cho ra "cái gì là Phật pháp?", chứ không phải là chỗ nói suông. Lâu nay mình nghe nói Phật pháp tưởng là hiểu hết rồi, tưởng là pháp Mười hai nhân duyên, Tứ Đế ... Nhưng đặt câu hỏi lại "cái gì là Phật pháp?", dễ trả lời chưa? Đây chỉ gợi ý để cho mỗi người phải tự đặt câu hỏi lại, khám phá cho ra, cho thật kỹ, chứ không phải chỉ nói suông trên danh từ!

**Chí đạo rất là sâu xa, không thể chỉ lãnh hội trên lời nói.**

Chỉ đạo - chỗ đạo tột cùng, chỗ chân thật rất là sâu xa. Nếu đạo mà mình nói đến được, hiểu được chưa phải là đạo rốt ráo. Nói gì nói, nhưng hiểu được, chưa phải là thể của đạo.

Rõ được chỗ này các huynh đệ mới thấy, khi thành đạo Đức Phật đã ngầm nói lên điều này rồi. Thường chúng ta đọc kinh sơ qua không thấy được thâm ý của Phật. Khi thành đạo rồi, Phật định nhập Niết bàn. Phạm Thiên đến thỉnh hai ba lần, Phật mới nhận đi giáo hoá. Vậy ngay buổi đầu, Phật đã ngầm ý nói, chỗ này không thể dùng lời nói diễn tả được, cũng không phải dùng trí phàm phu mà hiểu được. Có nói ra là phương tiện phải nói, để nhắc mọi người đến với Phật là phải thấy vượt qua lời nói, ngoài chỗ suy nghĩ.

**Kinh giáo y cứ vào đâu mà đến được? Chỉ thấy tánh, chẳng biết một chữ cũng được.**

Nên nhà Thiền nói: "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền", cũng là để chỉ phải vượt ngoài kinh giáo. Chẳng hạn câu chuyện ngài Hoàng Bá gọi Bùi Hư. Bùi Hư: "Đạ" liền thấy cao Tăng. Đây hai người đối diện nhau, "gọi" liền "đạ" là trực tiếp, đâu nằm trên kinh giáo nào. Phải thấy vượt ngoài kinh giáo là như vậy đó. Nên nói "Thấy bản tánh chẳng biết một chữ cũng được".

Nhưng nhiều người cũng hiểu lầm ý Tổ rồi không cần học, giống như Lục Tổ, không biết một chữ cũng ngộ. Đây là kẹt trên ngôn ngữ. Nghe nói như vậy rồi chấp theo đó, là kẹt trên ngôn ngữ. Mà quên mất ý của Tổ:

**Thấy bản tánh**, không biết một chữ cũng được, nhưng bây giờ chưa thấy bản tánh thì sao?

Tổ muốn chỉ là mình thấy tánh không trên chữ nghĩa, vượt ngoài chữ nghĩa, chứ không phải bảo mình đốt, đừng có học. Đó là cái nguy hiểm nếu mình hiểu không đến nơi, sau này ra dạy người còn chết nữa. Thầy không học gì hết, trò cũng không học, chịu đốt thì nguy! Lục Tổ, nghe một câu kinh Kim Cang là sáng được ý, còn mình nghe cả bộ kinh Kim Cang mà sáng được chưa? Mà bắt chước Tổ? "Bắt chước" đó là không phải rồi.

**Thánh thể xưa nay vốn thanh tịnh, có nói ra gì đều là thánh nhân từ tâm khởi dụng, thể của dụng xưa nay là trống không. Danh từ nói năng vẫn chẳng đến được, mười hai bộ kinh y cứ vào đâu mà kịp đến?**

Thánh thể xưa nay không có tạp uế, đừng thêm bớt gì vào đó. Nếu có nói ra điều gì đều là thánh nhân từ tâm khởi dụng. Rõ ràng, có nói ra là thuộc về dụng rồi, nhưng dụng không rời ngoài thể, nghĩa là ngay dụng có mang thể trong đó. Do đó, ngay dụng thấy lại thể, không lầm. Không lầm trên tướng khởi dụng mà đi trong sanh diệt. Đó là cái khó. Vì dụng thì lúc có lúc không, có Nói ra thì có Im, Nói - Im thuộc về sanh diệt, mình phải thấy ngay trên thể khởi dụng đó. Nên đây nói thánh nhân đều từ tâm khởi dụng, thấy được chỗ đó mới tột được nguồn tâm, không kẹt trên ngôn từ. Phải thấy **trước khi mở miệng!** Như vậy ai gạt được mình! Mười hai bộ



kinh, danh ngôn cũng không đến được, đây mới thấy tột ý Thiên.

Ngài Dược Sơn đến Thạch Đầu hỏi :

- Đối với ba thừa mười hai phần giáo con cũng hiểu được, nhưng trong nhà Thiên nói "Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật", con thật mù tịt, xin Hoà thượng chỉ dạy.

Thạch Đầu bảo: - Thế ấy cũng chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thấy chẳng được, ông làm sao?

Đối với kinh giáo phải giải thích hoặc thế này hoặc thế kia mà bây giờ thế ấy cũng chẳng được, cả thế ấy chẳng thế ấy thấy chẳng được, làm sao hiểu?

Dược Sơn không nhận được, lúc ấy ngài Thạch Đầu mới chỉ qua Mã Tổ. Dược Sơn thuật lại câu trên, Mã Tổ nói:

- Ta có khi dạy y nương mảy chớp mắt, có khi dạy y chẳng nương mảy chớp mắt. Có khi nương mảy chớp mắt là phải, có khi nương mảy chớp mắt cũng chẳng phải, ông làm sao?

Vậy bám chỗ nào hiểu? Thiên là phá sạch hết những chỗ bám của mình. Có khi ta dạy nương mảy chớp mắt, thì ông bám vào cái nương mảy chớp mắt để hiểu, ta không dạy nương mảy chớp mắt, vậy ông bám chỗ nào? Không có chỗ nào cho ông bám hết. Vượt ra ngoài "phải, chẳng phải, có không". Thế ấy là "có". Chẳng thế ấy là "không". Thế ấy chẳng thế ấy là "có và

không" cộng lại, cả những cái đó không nhất định cái nào hết, vậy ông bám chỗ nào để hiểu? **Không có chỗ nào để bám** thì thể Thiên mới hiện. Còn có chỗ bám để hiểu là còn có chỗ để duyên, mà còn có chỗ để duyên là còn hướng ra bên ngoài, thuộc về cái bóng rỗi. Bặt hết mọi chỗ duyên, không còn chỗ nào để bám, đó mới là có cơ để Thiên xuất hiện.

**Phải thấy trước khi mở miệng**, mới thấy được chỗ thánh nhân từ tâm khởi dụng.

### CHÁNH VĂN:

*Đạo vốn là viên thành, chẳng cần tu chứng. Đạo chẳng phải là thanh sắc, vi diệu khó thấy. Như người uống nước nóng lạnh tự biết, chẳng thể nói với người. Chỉ có Như Lai là hay biết, còn ngoài ra những hạng Trời, người v...v đều chẳng hay biết. Trí của phàm phu chẳng thể đến kịp, do đó mà có chấp tướng, chẳng rõ tự tâm xưa nay là rỗng lặng. Vọng chấp tướng cùng tất cả pháp tức rơi vào ngoại đạo. Nếu biết các pháp từ tâm sanh chẳng nên có chấp, chấp tức là chẳng biết. Nếu thấy bản tánh, mười hai bộ kinh thấy là văn tự suông. Ngàn kinh muôn luận chỉ là soi sáng lại tâm. Ngay lời nói mà khế hội, giáo sẽ dùng vào đâu?*

Đây Tổ muốn cho mình thấy rõ, cần phải làm sao tiêu được chữ "đạo" đó. Lâu nay nghe nói "đạo" rồi mình cứ giảng, giải thích thế này thế kia cho người hiểu, nhưng **đạo mà còn hiểu được** chưa phải là đạo chân thật. Bây giờ phải làm sao tiêu được chữ đạo đó mới là khéo. Nên đây nói đạo vi diệu khó thấy, khó hiểu. Nó không phải là thanh sắc, không phải nghe biết được, không phải thấy nhận được. Nó vốn là viên thành rồi, không thêm bớt, chớ thêm suy nghĩ, hiểu biết gì trên đó nữa. Suy nghĩ, hiểu biết thêm trên đó là dư rồi, đó là cái trực tiếp thẳng tắt đây thôi. Như tôi nói đây, các huynh đệ nghe đó, trực tiếp "đang nói đang nghe", không cần suy nghĩ gì hết, có nghe không? Vậy tại sao phải thêm suy nghĩ? Cũng như bây giờ bảo mọi người đừng nghe được sao? Bảo đừng nghe mà cũng vẫn nghe, như vậy tại sao còn phải thêm nữa! Nhưng chỗ này làm sao diễn tả đây? Không thể nói với người được. Trí phàm cũng không thể đến được, bởi nó không phải là cái bị biết. Như vậy chỉ có người thâm nhận nơi mình thôi, nên gọi "như người uống nước lạnh nóng tự biết". Nhưng còn có một điều, nghe nói như người uống nước lạnh nóng tự biết, thì chỉ hiểu là như người uống nước lạnh nóng tự biết thôi. Giờ đây đặt câu hỏi lại, thế nào là chỗ tự biết? Đó là chỗ mình phải tự khám phá cho ra, chớ nghe nói uống nước lạnh nóng tự biết tưởng đâu mình đã hiểu rồi, sự thật cũng là hiểu trên chữ nghĩa. Tổ nói chỉ có Như Lai là hay biết, Trời, người... đều chẳng thể biết được. Như

vậy mình cũng mất phần sao? Trong kinh Pháp Hoa nói: "chỉ có Phật cùng Phật mới biết", vậy mình muốn biết thì phải bật niệm phàm phu, mới tự biết chỗ này, thâm hợp với Như Lai. Thâm hợp với Như Lai mới hay biết được chỗ này, còn dùng tâm phàm phu thì không thể biết, nên đây nói hàng Trời người không thể biết được.

**Trí của phàm phu chẳng đến kịp. Do đó mà có chấp tướng, chẳng rõ tự tâm xưa nay rỗng lặng. Vọng chấp tướng cùng tất cả pháp tức rơi vào ngoại đạo.**

*Rơi vào ngoại đạo* không phải là rơi vào đạo này đạo kia. Ngoại đạo đây là rơi vào cái bên ngoài. Có nói năng chấp theo tướng, đi lệch ra bên ngoài gọi là ngoại đạo.

Bao nhiêu kinh luận cũng là soi sáng lại tự tâm. Mình thấy được gốc là bản tâm thì bao nhiêu kinh luận cũng chỉ là lời chú thích lại cái đó thôi.

**Nếu người ngay lời nói, khế hội, giáo sẽ dùng vào đâu?**

Thí dụ Tổ Bá Trượng khi Mã Tổ néo lỗ mũi, Ngài ngộ rồi, hôm sau Mã Tổ vừa lên thượng đường, chưa nói câu nào thì Ngài ra cuốn chiếu. Mã Tổ bèn xuống tòa. Thấy trò đã hiểu nhau. Ngài khế hội rồi thì thấy việc đó đã sẵn nơi mình. Ngài muốn trình khéo trở lại, nên Mã Tổ vừa thượng đường, Ngài cuốn chiếu. Bởi chỗ thấy của Ngài, là chưa nói ra Ngài đã thấy rồi, thấy trước khi nói, đâu cần nói thêm.

**CHÁNH VĂN:**

*Chỗ lý tột cùng là bất lời, giáo là lời lẽ nói năng thật chẳng phải là đạo. Đạo vốn không lời, nói năng là vọng.*

Chỗ đạo tột cùng là bất lời, sao mình có thể dùng suy nghĩ mà hiểu được? Nên người dù cho nói hay cách mấy cũng không thể nói đến chỗ này. Chính chỗ đó mới là chỗ đặc biệt trong nhà Phật, khác với những triết lý thế gian. Bởi nếu triết lý thế gian, người ta biện luận giỏi đến được chỗ đó thì đâu cần phải tu. Nhưng trong nhà Phật không phải như vậy. Lý luận dù hay cách mấy cũng không đến được chỗ này, phải thực hành thể nghiệm thôi. Thiếu thể nghiệm thì không đến chỗ tột đó. Nên những người nghiên cứu, dù giỏi mấy cũng là học giả, chưa phải hành giả, hành giả là phải thể nghiệm.

Vậy kinh giáo nói ra cũng là những ngôn từ, là phương tiện để chỉ lại chỗ chân thật này thôi, chưa phải đạo. **Đạo là vô ngôn**, có nói năng đều là vọng. Bởi có nói có im, là có sanh diệt, chưa phải chỗ thật. Muốn thấy chỗ thật phải vượt qua ngôn ngữ.

**CHÁNH VĂN:**

*Nếu ban đêm mộng thấy những tướng lâu gác, cung điện, voi ngựa, cây cối, lùm rừng ao nhà...*

*những tướng như thế, chẳng được khỏi một niệm ưa đắm, trọn là chỗ thác sanh, rất phải chú ý! Khi lâm chung chẳng được chấp lấy tướng tức sẽ trừ chướng. Tâm nghi dấy lên liền bị ma nhiếp. Pháp thân xưa nay là thanh tịnh không thọ, chỉ vì mê nên chẳng hay chẳng biết, nhân đây nên vọng thọ báo mới có ưa đắm, chẳng được tự tại. Hiện nay nếu ngộ được thân tâm xưa nay tức chẳng nhiễm tập.*

*Nếu từ Thánh vào phàm, thị hiện mọi loài sai khác là tự vì chúng sanh, nên Thánh nhân nghịch thuận đều tự tại, tất cả nghiệp bó buộc các Ngài chẳng được. Thánh thành đã lâu thì có uy đức lớn, tất cả mọi thứ nghiệp bị thánh nhân chuyển. Thiên đường, địa ngục không làm gì được các Ngài. Phàm phu thần thức tối tăm chẳng đồng với thánh nhân, trong ngoài sáng tỏ. Nếu có nghi tức chẳng làm, làm tức là bị trôi dạt trong sanh tử, về sau ăn năn không có chỗ cứu kịp.*

Chỗ này người có công phu phải chú ý!

Trong mộng có thấy tướng này tướng kia: lầu gác, cung điện, cỏ cây, lùm rừng, không nên sanh tâm ưa đắm. Bởi đó là chỗ thác sanh!

Hoặc thấy voi tốt lên đó cười là đi thọ sanh. Hoặc cỏ cây lùm bụi, như đang đi nóng nực, thấy bụi cây tốt tốt vô đó núp bóng mát là vô bụng. Hoặc khi nực nội thấy ao nước mát mẻ nhảy xuống tắm là vô bụng. Đó là

những chỗ thọ sanh nhưng là những cảnh tốt.

Còn có khi thấy cảnh bị rượt bắt, hoặc bị cọp vồ, đang chạy hoảng hốt gặp gì chun càn vô trốn, như gặp bụi cây chun vôi vô trốn, đó là thọ sanh, là những bụi nguy hiểm, mở mắt ra thì mang lông đội sừng rồi!

Hiểu như vậy để biết, ngay trong cuộc sống này phải tập sống bớt dính mắc. Trong mộng có làm chủ phần nào, đến đây mới làm chủ khá khá. Còn trong mộng thấy gì cũng đắm thì biết chưa tự tại, dù cho nói hay cũng chưa tự tại. Nên Tổ bảo rất phải chú ý. Khi lâm chung chẳng được chấp lấy tướng, thấy tướng gì hiện ra chẳng được chấp.

Câu chuyện ngài Pháp Hỷ là người tu thiên, lúc sắp chết nghe tiếng ca nhạc trong rừng vang tới. Đệ tử báo, Ngài nói: Ta thú vui thế gian đã bỏ từ lâu. Ngài lờ qua, không chú ý. Khi những tướng đó tan hết rồi Ngài đi trong tự tại. Còn nghe tiếng ca nhạc, tưởng mình tu có đạo lực khá, nay có ca nhạc tới rước, là bị dẫn đi lạc mà không hay biết.

Nên không được chấp lấy tướng, mới trừ các chướng. Cũng không được có tâm nghi, tâm nghi chột khởi thì bị ma nhiếp. Không được do dự. Tin chắc tự tâm không có tướng mạo gì hết, khi các tướng mạo qua rồi, mình tự đi theo đường của mình.

Đây Tổ nhắc, Pháp thân vốn thanh tịnh không thọ. Có thọ là có thân, có chỗ, khi mất chỗ liền kiếm chỗ khác, là đi thọ thai. Bám bậy còn một nữa! Khi không

làm chủ được, gặp chỗ nào bám chỗ đó là nguy hiểm!

Hòa thượng có kể câu chuyện một người sắp mất, nghe trong người lạnh, kiếm áo khoác vào, chợt nghe tiếng ngựa hí, là vô bụng ngựa rồi.

Đây phải rõ, Pháp thân là thanh tịnh, không có chỗ nào để thọ, không có chỗ nào để bám, còn chỗ bám là nguy.

Vì mê không biết nên mới vọng thọ báo, tức là tìm chỗ bám. Trong vô sanh lại vọng nhận cái có sanh, nên mới vọng thọ báo, đó là đi trong sanh tử.

Câu chuyện Phá Táo Đọa. Ông thần, bám vào mấy cục gạch gọi là ông Táo, bắt người ta phải cúng kiến con này con kia. Tức vọng nhận những cục gạch làm chỗ mình nương bám, là có thọ. Nên khi ai đụng tới những cục đá đó là phạm thánh, hoặc bẻ cổ, vụn họng. Bắt người ta cúng này, cúng kia nhưng rốt cuộc những cục gạch đó cũng trả về đất nước thôi, còn nghiệp đó phải lãnh đi theo mình. Khi Ngài Phá Táo Đọa đến khai thị: "Đây là ngôi gạch hợp thành thì linh từ đâu lại, thánh từ đâu đến mà người đòi chuộc nhiều sinh mạng như vậy?" Nói rồi Ngài gõ vào đó mấy cái, mấy cục gạch ngã đổ, ông thần sinh lên cõi trời. Sau đó đến lễ tạ. Như vậy, bám vào mấy cục gạch lầy đó làm thân mình, khi được khai thị đây là ngôi gạch, cái gì linh trong đó, cái gì thánh trong đó mà người bám vào, ngay đó ông liền tỉnh, buông mấy cục gạch, liền giải thoát.

Đây mình cũng giống mấy cục gạch, thân này cũng da thịt, gân xương ráp lại thôi.



Buông được cái này liền ngộ vô sanh. Bám vào cái này là chấp cái ta, từ đó tạo mọi điều khổ, cống cao ngã mạn, kiêu căng cũng vì bám vào cái này. Ngoài cái này có gì để kiêu căng? Nếu có ai nói động cũng là nói động đến cái ta này, chứ có cái gì khác nữa để mà nói? Nên bám vào cái ta, từ đó mới tạo nghiệp, chịu khổ. Buông cái này liền ngộ vô sanh.

Vì mê, vọng thọ báo, có ưa đắm, lệ thuộc vào chỗ ưa thích đó, không được tự tại. Như mình, giờ mang thân này rồi ưa thích, bám vào đó nên không được tự tại. Ngay đây mà ngộ được thân tâm xưa nay, tức là chẳng có nhiệm tập.

**Nếu từ Thánh vào phàm thị hiện mọi loài sai khác là tự vì chúng sanh, nên Thánh nhân nghịch thuận đều tự tại, tất cả nghiệp chẳng bó buộc được các Ngài. Thánh thành đã lâu thì có uy đức lớn, tất cả mọi thứ nghiệp bị thánh nhân chuyển, Thiên đường, địa ngục không làm gì được các Ngài. Phàm phu thân thức tối tăm chẳng đồng với thánh nhân trong ngoài sáng tỏ. Nếu có nghi tức chẳng làm, làm tức trôi dạt trong sanh tử, về sau ăn năn không có chỗ cứu kịp.**

Thánh nhân ngộ được thân tâm xưa nay, sống được trong đó, nên có hiện ra thân này là vì nguyện mà hiện ra chứ không phải vì nghiệp mà đến. Do nguyện độ sanh, chỗ nào khế hợp thì các Ngài đến. Còn mình là do nghiệp mà đến nên không được tự tại, nghiệp dẫn đi đâu

là phải đi đó. Nghiệp nào nặng dẫn theo chỗ đó. Thánh nhân do nguyện đến, đến xong rồi thì đi tự tại, chứ không bị nhiễm theo tập nghiệp, hoặc là hiện nghịch hoặc là hiện thuận các Ngài đều tự tại. Hoặc hiện trong cảnh giàu sang cũng không có mê mờ trong đó. Gặp những cảnh nghịch như là cảnh nghèo khổ hoặc khó khăn, ở trong đó các Ngài cũng không bị các nghiệp trói, vẫn tỉnh để từ trong đó đánh thức mọi người.

Đây gọi thánh mà thành đã lâu thì có đại oai đức, chuyển được các nghiệp, nên có lúc hiện vào trong địa ngục mà các Ngài vẫn vui vẻ, ở trong địa ngục mà vui như cõi Trời Tam Thiên. Như Ngài Địa Tạng, hiện là giáo chủ cõi U Minh, trong đó mà không bị trói. Còn phàm phu thần thức tối tăm, chẳng đồng với thánh nhân trong ngoài sáng tỏ.

Nếu có nghi thì chẳng làm, là khi hiện ra trong đây, nhưng cái gì có nghi thì chẳng làm, làm là trôi dạt trong sanh tử chứ không nói lý, làm rồi nói lý để biện luận, cũng không khỏi quả báo. Bởi khi có nghi là có tâm rồi. Còn người tự tại làm trong tự tánh ứng dụng ra thì khác.

Giả sử có người mời uống rượu, mình nghĩ là "nên uống hay không nên uống?" rồi nghĩ: "tùy duyên nên uống không sao". Uống, rồi lý luận đây là do tùy duyên bắt buộc dĩ uống, chứ không phải mình muốn. Nhưng lúc đầu mình có khởi nghi là có tâm trong đó rồi, như vậy dù cho mình có lý luận gì đi nữa cũng là có nghiệp. Đừng có vội lý luận cho qua quả báo, không thể qua được! Nên

đây nhắc có nghi chẳng nên làm, làm là trôi trong sanh tử, sau ăn năn cũng chẳng cứu kịp.

### CHÁNH VĂN:

*Phàm phu nghèo cùng khôn khổ đều từ vọng tưởng sanh. Nếu rõ là tâm lìa lượt khích lệ nhau, chỉ "không làm mà làm" liền vào tri kiến Như Lai.*

Sao gọi nghèo cùng khôn khổ đều từ vọng tưởng sanh? Đó là ý nghĩa khiến cho mình xoay trở lại. Bởi có ngã nên luôn luôn mong cầu để cho thỏa mãn cái tôi, đòi cái này; đòi cái nọ theo ý mình, chiều theo cái ngã đó. Nếu bị ngăn lại liền buồn, liền tức, nên luôn luôn thiếu thốn. Đây gọi là "nghèo cùng khôn khổ", vì đòi hoài. Mà cái ngã không thật, chỉ là khái niệm, mình tưởng tượng mà chấp thôi chứ không có thật, thì cầu bao giờ cho thỏa mãn được? Càng cầu càng thấy thiếu hoài, gọi nghèo cùng khôn khổ mãi!

Nếu khéo thấy rõ từ tâm để khuyên nhau tu tiến, căn bản không làm mà làm, ngay đó liền vào tri kiến Như Lai. Không làm mà làm là sao? Đây nghĩa là làm trong vô tâm. Làm tất cả mà không mang tướng ngã, liền hợp tri kiến Như Lai. Làm không có ngã thì đâu có chỗ sanh, không có chỗ để lại dấu vết. Còn mình làm mà có mang cái ngã là có tạo nghiệp, có chỗ để sanh tới, có chỗ mong cầu nên thiếu thốn hoài.

Trong nhà thiền gọi là hằng ngày ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo, cũng như suốt ngày nói năng mà chưa động môi lưỡi. Nghĩa là làm tất cả mà không có sanh tâm, không dính gì hết, thì trong mọi việc làm đều hợp Tri kiến Như Lai. Đó mới là chỗ sống chân thật của nhà thiền.

### CHÁNH VĂN:

*Người mới phát tâm, thân thức thấy chẳng có ổn định, nếu trong mộng thường thấy cảnh lạ cũng chẳng nên nghi ngờ, đều là tự tâm mà hiện khởi. Chẳng từ ngoài đến. Nếu mộng thấy ánh sáng hiện ra, sáng hơn cả mặt trời tức là dư tập chóng dứt, tánh pháp giới sẽ hiện. Nếu có việc này tức là nhân thành đạo, chỉ tự biết thôi, chẳng nên nói với người.*

*Hoặc là ở trong vườn cây vắng lặng, đi đứng ngồi nằm mắt thấy ánh sáng hoặc là lớn hoặc là nhỏ chớ nói với người, chẳng được chấp lấy, cũng là ánh sáng từ tự tâm. Hoặc là trong đêm tối vắng lặng, đi đứng ngồi nằm, mắt thấy ánh sáng không khác với ban ngày, cũng chẳng được lấy làm lạ, đều là tự tâm sắp sáng tỏ.*

Thấy những cảnh lạ mình cũng không lấy làm lạ, không chấp vào những tướng ở trong mộng đó, phải luôn luôn nhớ xoay trở lại, có những tướng gì hiện ra cũng đều là từ tự tâm hiện khởi. Ngoài tâm không có pháp thật,

luôn luôn xoay lại tự tâm là chính. Nếu thấy trong mộng hiện ra những tướng này tướng khác rồi mình bám vào đó, suy nghĩ thế này thế kia là dính vào cảnh mộng.

Nên đây nói, nếu trong mộng thấy ánh sáng hiện ra sáng hơn cả mặt trời, biết đó là hiện tượng tập khí dư thừa sắp hết, tánh pháp giới sẽ hiện. Có những việc như vậy thì biết rằng tâm mình sắp sáng tỏ thôi, đó là nhân sắp thành đạo, chỉ âm thầm tự biết chứ không nên nói với người. Đó là cái phải nhớ. Bởi vì, nếu thấy tướng tốt rồi đi khoe với người khác, tướng đâu mình được cái gì đó, là bệnh. Đó cũng là còn dính vào cảnh. Còn đây mình biết rõ đó là hiện tượng do tâm chuyển biến mà ứng hiện ra, thầm tự biết để tu tiến là tốt.

Hoặc trong rừng cây vắng lặng, không phải là trong mộng mà lúc mở mắt tỉnh, thấy ánh sáng hoặc lớn hoặc nhỏ, cũng là ánh sáng của tự tâm, không phải gì khác, cũng không nên chấp trước, cho mình đắc đạo là mê lầm.

Nếu các huynh đệ có kinh nghiệm, khi tâm mình chuyên chú lâu cũng phát sáng vậy thôi. Có khi ngồi thiền tâm chuyên chú, mắt không động thì thấy phía trước có phát sáng, không có gì lạ, phải bình tĩnh để tu tiến thì tốt, còn nghi ngờ không biết sao, tâm bất an, chao động, không tốt.

Đó là trong lúc mở mắt thấy ánh sáng, còn trong lúc đêm tối vắng lặng, đi đứng ngồi nằm, mắt thấy ánh sáng sáng như ban ngày, chuyện đó cũng không gì lạ,

cũng là tướng tự tâm sắp sáng tỏ thôi, mình biết vậy để tự tu tiến thì sẽ có kết quả tốt. Hoặc trong đêm mộng thấy trăng sao rành rẽ, nghĩa là trong mộng mà thấy trăng sao rành rẽ y như lúc thức, đó cũng là hiện tướng do tâm chuyên biến, những duyên nơi tự tâm sắp dừng, tâm sắp sáng tỏ.

Phải nhớ kỹ, có hiện tướng gì đều là từ tự tâm biến hiện, không riêng thật có gì hết. Điều căn bản là cốt làm sao mình sáng được tâm, thấy được tánh còn những tướng trạng gì hiện, mình cũng không bận lòng. Bởi vì còn tướng hiện ra là những tập khí cũng chưa sạch, nên còn có hiện chứ chưa phải hay gì cho lắm, đừng có thấy vậy rồi tự kiêu căng. Phải hiểu kỹ điều đó!

Đó là nói về những tướng tốt. Còn trong mộng mà thấy mờ mờ mịt mịt là phiền não chướng nặng, cần phải sám hối tu tiến thêm hơn nữa. Những điều này mình tự kiểm nghiệm, để tự tu tiến thêm.

Đây là những điều nói ra để trong khi tu mình hiểu được, không có lấy làm lạ, không có chấp trước.

### CHÁNH VĂN:

*Nếu thấy bản tánh, chẳng cần đọc kinh, học rộng biết nhiều vô ích, thân thức càng mờ tối. Có lập bày giáo chỉ vì để nêu rõ tâm, nếu nhận biết tâm đâu cần xem giáo. Nếu từ phạm vào Thánh phải dừng nghiệp dưỡng thân, tùy phân qua ngày.*

Đây Tô muốn nhắc mình phải có cái thấy vượt qua kinh giáo chữ nghĩa. Kinh giáo chữ nghĩa chỉ là văn từ ghi chép lại thôi, là những nghĩa chết. Nếu chấp theo kinh giáo, học rộng biết nhiều, lấy đó tự cao là bệnh. Kinh giáo dù cho có những nghĩa lý hay trong đó, nhưng mình không soi sáng được, thì những nghĩa lý đó cũng là còn trong chữ nghĩa, kinh giáo đâu có ghi lại được cái **thấy biết đang sáng ngời** của mình đây. Vậy phải có cái thấy vượt qua kinh giáo, để tự sống dậy mới là chính yếu.

Có lập bày giáo pháp chỉ là để nêu rõ tâm, nếu mình bám chấp vào đó, hiểu thế này thế kia, cũng là chạy ra bên ngoài.

Kinh Hoa Nghiêm có câu chuyện - có quyền kinh ghi chép hết tất cả những việc trong tam thiên đại thiên thế giới. Quyền kinh đó được nhét trong hạt bụi. Người có tu khéo biết đập hạt bụi lấy quyền kinh ra, thì rõ hết những việc trong tam thiên đại thiên thế giới. Quyền kinh chép hết những việc trong tam thiên đại thiên thế giới mà nhét trong hạt bụi, sao nhét nổi?

Quyền kinh đó là nằm trong tự tâm của mình chứ không có gì khác. Thấy trở lại tự tâm, từ đó nhìn ra bên ngoài sáng tỏ là mình thấy suốt được hết. Chứ bám chấp theo chữ nghĩa, là lầm chết trên chữ nghĩa.

**Nếu từ phạm vào Thánh, phải dừng nghiệp dưỡng thân, tùy phần qua ngày.**

Muốn chuyển hóa từ phạm vào Thánh phải dừng nghiệp dưỡng thân. Chỗ này mình phải chú ý! Chính

ngài Lâm Tế cũng từng nói: "Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm". Mình phải sống tùy duyên để tiêu những nghiệp cũ mà không tạo thêm nghiệp mới, đó là căn bản. Những nghiệp cũ tiêu hết, những nghiệp mới không tạo thêm, mới thật sạch, mới tự tại được.

Còn nghe nói tùy duyên tiêu nghiệp cũ, rồi cứ tha hồ gặp duyên gì cũng tùy hết, là tiêu luôn sự nghiệp. Tâm mình chưa thể làm chủ, chưa được tự tại mà tha hồ tùy duyên là bị duyên nó cuốn hết. Tùy duyên như vậy không tiêu được nghiệp cũ, trái lại còn tạo thêm nghiệp mới nữa. Nghiệp cũ chưa hết, nghiệp mới thu vào tiếp, rồi ngòitiền cho quên, như vậy có phải là uổng công vô ích không!

Nhưng mình mắc kẹt, tưởng đâu tùy duyên là tự tại, tha hồ tạo nghiệp, rồi bảo nghiệp tánh vốn không. Đó là nói dối, chỉ lừa mình thôi, vô ích. Nên nghĩa tùy duyên hiểu cho thấu không phải là đơn giản. Tùy duyên không phải là đưng việc gì làm việc đó. Tâm mình còn nhiều bệnh, còn nhiều ham thích mà tùy là nguy. Khi còn có thích là còn có nghiệp trong đó, thuận theo cái thích của mình mà nói tùy duyên là che mắt thiên hạ thôi. Phải khéo thấy!

### **CHÁNH VĂN:**

*Nều nhiều nóng giận, khiến cho tánh càng trái với đạo là tự lừa dối mình vô ích. Thánh nhân*



***ở trong sanh tử, tự tại ra vào, ẩn hiện chẳng nhất định. Các nghiệp bó buộc các Ngài chẳng được. Thánh nhân phá tà ma. Chúng sanh chỉ thấy bản tánh thì dư tập chóng dứt, thân thức chẳng mờ. Cần phải ngay đó liền lãnh hội, chỉ ở ngay hiện nay đây thôi.***

Nếu nhiều sân hận thì cùng với tánh trái nhau, chứ đừng biện hộ. Có người nhiều nóng giận rồi biện hộ, phải như vậy mới mạnh mẽ. Sự thật, nếu Bồ Tát thị hiện để đánh thức người thì không có biện hộ, biện hộ không phải là thứ thiệt. Nóng giận nhiều là trái với đạo. Thực ra nóng giận nhiều là cái ngã to thôi, đụng tới nóng giận liền, rõ ràng là quá bám vào cái ngã. Mình phải biết để mà chuyển, mà đừng cứ không có biện hộ.

Đối với các bậc Thánh nhân, các Ngài ở trong sanh tử hoặc ra vào, ẩn hiện không có cố định một hình thức nào, cũng không có báo trước, nên không thể bám chắc vào chỗ nào. Còn có cái khuôn cố định để cho người ta bắt chước là chưa phải. Chỗ Thánh nhân đi là không chỗ, nghĩa là các Ngài hoặc là ẩn hoặc là hiện nhưng không có nhất định, một cái nào, không để cho mình chấp một hình thức nào.

Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: - Thế nào là chỗ đi của Thánh nhân từ trước?

Ngưỡng Sơn đáp: - Hoặc ở trên trời hoặc ở nhân gian.

Chỗ Thánh nhân đi là không có cố định, đi qua mà

không để lại dấu vết, mới thật là chỗ Thánh nhân đi. Mình đi mà còn có chỗ để lại cho thấy đó là còn dấu vết. Hiểu như vậy mới thấy ý nghĩa Thánh nhân hiện ra đời, mình không có bắt chước. Nghe nói Bồ Tát có khi cũng hiện tướng sân, tướng tham rồi bắt chước theo những tướng đó. Đâu biết các Ngài hiện ra là tùy duyên để độ một số người nào đó, qua rồi thôi, hiện cái khác. Còn mình nghe vậy rồi bắt chước là để nuôi dưỡng thêm bệnh của mình, chứ không phải thật.

Nên nói Thánh nhân ứng hiện mà các nghiệp trôi buộc các Ngài không được, Thánh nhân phá tà ma. Chúng sanh chỉ thấy bản tánh, dư tập chóng dứt.

Mình không phải sợ những tập khí thừa, cốt là thấy được bản tánh, thì dư tập tự dứt chứ không phải trừ dẹp. Nếu trừ dẹp, đem cái này dẹp cái kia thì cũng còn có lấy bỏ trong đó. Dư tập là những tập khí còn thừa, là hơi hám vậy thôi, không có thật thể, như huyễn. Sống được cái chân thật, những cái kia tự dứt.

**Cần nhất ngay đó liền lãnh hội, chỉ ở ngay hiện nay đây thôi.**

Đó gọi là thiên sống động, Thiên đốn giáo. Lãnh hội liền ngay đó liền hội, không chần chờ, không nghi ngại.

Đây là chỗ bén nhạy, linh động trong nhà thiền. Nghi ngại là rơi vào khuôn của tình thức. Nên Tổ Lâm Tế khi tỏ ngộ ở chỗ ngài Đại Ngu rồi về trình ngài Hoàng Bá, thuật lại những việc đối đáp với Đại Ngu. Ngài Hoàng Bá bảo: "Lão Đại Ngu nhiều lời, đợi đến đây ta sẽ

cho một trận đau điếng" Lâm Tế nói: "Cần gì đợi đến, ngay đây cho ăn liền". Ngay đó Sư tổng cho ngài Hoàng Bá một đạp.

Ngài Hoàng Bá nói như vậy để gạt lại chỗ thấy của Lâm Tế, xem phải là chân thật, xác đáng chưa. Nên Ngài nói về Đại Ngu mà ý nhằm ngay Lâm Tế. Nếu mình nghe nói, tưởng là nói với ngài Đại Ngu là bị gạt. Ở đây, Lâm Tế có chỗ sống chân thật, rõ ràng, biết như vậy rồi, nên nói: "Cần gì đợi đến, ngay đây cho ăn liền", thẳng đây thôi. Đó là chỗ chân thật xác đáng!

### CHÁNH VĂN:

*Muôn chân thật lãnh hội đạo thì chớ chấp tất cả pháp, dùng nghiệp dưỡng thân, thì những dư tập cũng hết, tự nhiên sáng tỏ, chẳng nhờ dụng công.*

*Ngoại đạo chẳng lãnh hội ý Phật, nên dụng công rất nhiều mà trái với Thánh ý, trọn ngày rong ruổi nhọc nhằn, niệm Phật tụng kinh, mờ tối thân tánh, chẳng khỏi luân hồi.*

*Phật là người nhàn, đâu có cần rong ruổi nhọc nhằn, rộng cầu danh lợi, về sau dùng cái gì? Chỉ người chẳng thấy tánh thì đọc kinh, niệm Phật, học mãi tinh tiến, sáu thời hành đạo, ngồi hoài chẳng nằm, học rộng nghe nhiều, cho đó là Phật Pháp, những chúng sanh này là người chê bai Phật Pháp.*

Muốn lãnh hội đạo thì chớ chấp tất cả pháp. Đây là chỗ mình phải chú ý. Không chấp tất cả pháp là tinh thần vô trụ, nghĩa là đi qua tất cả mà không dừng lại bất cứ cái gì hết. Như vậy liền lãnh hội đạo dễ dàng.

Dùng nghiệp dưỡng thần, dư tập sẽ hết. Túc không phải nhờ dụng công, không có công phu tạo tác. Bởi nếu có công phu tạo tác cũng thuộc sanh diệt. Đây là cốt trở về cái vô vi, tự tánh sẵn, nghĩa là thuận tánh mà khởi dụng, nên không nhờ dụng công, gia công tạo tác.

Tổ dẫn ngoại đạo dụng công nhiều không lãnh hội đạo vì trái với Thánh ý. Ngoại đạo đây, không phải chỉ cho người đạo khác, mà người tu Phật nhưng cứ hướng ra bên ngoài cũng gọi ngoại đạo luôn. Do đó ở đây không có ý chỉ trích người đạo khác, mà muốn cảnh tỉnh mình sống xoay trở lại. Bởi vì mình cứ bám vào công phu đó rồi cho mình tu nhiều, tu hay là sanh bệnh.

Nếu niệm Phật nhiều, tụng kinh lắm, rồi chấp vào những công phu đó sẽ sanh ngã mạn, kiêu căng, mà càng ngã mạn càng thêm bệnh thối. Rồi bảo Phật dạy như vậy. Phật dạy mình như vậy hay sao? Dạy mình thành bệnh sao? Nên đây Tổ bảo đó là chê bai Phật.

**Phật là người nhàn, đâu có cần rong ruổi nhọc nhằn, rộng cầu danh lợi, về sau dùng làm gì? Chỉ người chẳng thấy tánh, thì đọc kinh, niệm Phật, học mãi tinh tiến, sáu thời hành đạo, ngồi hoài chẳng nằm, học rộng nghe nhiều, cho đó là Phật pháp, những chúng sanh này là người chê**

**bai Phạt pháp.**

Đây là chỗ đánh thức mình, mình tu lâu ngày không ai nhắc cũng dễ mắc kẹt. Việc chính không nhớ, rồi kẹt trong danh lợi. Lo đuổi theo danh lợi, quên mất bản hoài xuất gia ban đầu của mình. Những người chẳng thấy tánh lo học rộng hiểu nhiều cho đó là Phạt pháp, nhưng Ngài bảo đó là người chê bai Phạt pháp. Phạt dạy niệm Phật tụng kinh gốc là cái gì? Niệm Phật tụng kinh cũng để cho mình nhiếp tâm thôi, nhiếp tâm vào đó thì đừng những niệm lăng xăng, chạy bậy. Đó mới là bản ý của Phật. Trái lại mình cứ bám chắc vào đó, lấy làm công phu của mình rồi kể công, tính nhiều ít, tranh hơn thua với nhau: tụng nhiều ít, tiếng hay tiếng dở, người tụng tiếng hay thấy người tụng tiếng dở sanh khinh thường, ngã mạn, thành bệnh. Cho đó là Phạt pháp là chê bai Phạt pháp rồi.

**CHÁNH VĂN:**

*Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh, các hạnh là vô thường, nếu chẳng thấy tánh nói càn, nói bướng ta được A Nậu Bồ Đề, đây là người tội lớn. Trong mười người đệ tử lớn của Phật, Ngài A Nan là đa văn bậc nhất, nhưng đối với Phật không nhận biết, chỉ học rộng nghe nhiều.*

*Nhị thừa ngoại đạo đều không nhận biết Phật, chỉ biết máy thử tu chứng, rồi trong nhân*

***qua. Đó là nghiệp báo chúng sanh, chẳng khỏi sanh tử, xa với ý Phật, tức là chúng sanh chệch bại Phật, giết quách đi cũng không tội lỗi.***

Phật trước Phật sau chỉ nói kiến tánh thôi, nên các hạnh là vô thường. Mình thường nghe nói chư hạnh vô thường, nhưng không biết chư hạnh là cái gì. Tức mọi thứ có tạo tác ra đều là pháp hữu vi, đều là vô thường hết. Đây Tổ nhắc mình phải quên những công phu hữu vi, công phu tạo tác đó mới đến chỗ chân thật được.

Tổ Bà Tu Bàn Đầu khi chưa gặp Tổ Xà Dạ Đa thì tu hành rất tinh tiến, ngày ăn một bữa, đệ tử rất là cung kính. Khi Tổ Xà Dạ Đa đến, Ngài gọi đồ chúng của Bàn Đầu bảo:

- Người khổ hạnh tu hành thanh tịnh này có thể được Phật đạo chăng?

Đồ chúng đáp:

- Thượng nhân này tu hành tinh tấn như thế, đâu không được đạo.

Tổ Xà Dạ Đa bảo:

- Người này cùng đạo xa vậy. Dù khổ hạnh trải qua nhiều kiếp, chỉ giúp cho gốc vọng, đâu thể chứng đạo.

Đồ chúng hỏi:

- Ngài chưa đặng được pháp gì mà chê Thầy tôi.

Tổ Xà Dạ Đa bảo:

- Ta chẳng cầu đạo cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lễ Phật cũng chẳng khinh mạn, ta chẳng ngồi mãi cũng chẳng

lười biếng, ta chẳng biết đủ cũng chẳng tham cầu.

Ý chỉ tu không chấp thiện ác, quên cái hai bên, mới đến chỗ chân thật. Tổ Xà Dạ Đa lại hỏi Bà Tu Bàn Đầu:

- Ta chê như vậy ông có buồn không?

Tổ Bà Tu Bàn Đầu bảo:

- Con tu hành khiêm tốn từ lâu. Con nhớ trong thời Phật xa xưa, con tu chứng quả thứ hai, sắp được chứng quả thứ ba. Một hôm đi vào chùa vì sợ ý để cây gậy dựa vào hình tượng trên mặt Phật nên tổn phước, không chứng đạo được. Từ đó đến nay, con đối với các bậc thiện tri thức, một lòng khiêm tốn không dám ngã mạn nữa.

Nên các huynh đệ mới thấy, mình tu nói hình thức không cần, chỉ sao đạt lý thôi, nhưng lắm lúc ngã mạn ngủ ngầm không hay. Đối với Tổ Bà Tu Bàn Đầu để cây gậy dựa vào mặt Phật ở trên tường bị tổn phước thoái thất, đáng lẽ chứng quả thứ ba mà không chứng được. Trong khi đó mình chưa chứng được quả nào, chỉ hiểu được cái lý thôi mà còn ngã mạn, đó là nguy hiểm!

Câu chuyện trong kinh Niết Bàn có ý rất tế nhị. Đức Phật khi còn làm Bồ Tát, Ngài mong cầu nghe được những kinh điển đại thừa, trời Đế Thích hiện xuống làm Dạ xoa, đứng ngoài hang động, nói hai câu kệ:

Chư hạnh vô thường

Các hạnh vô thường.

Thị sanh diệt pháp

Là pháp sanh diệt.

Ngài nghe thấy hay quá mới ra khỏi hang hỏi: "Bài kệ hay quá sao chỉ có hai câu, xin ngài nói luôn hai câu sau cho tôi được học". Dạ xoa nói:

- Tôi bị đói lâu lắm rồi, bụng trống trơn hết còn sức để nói nữa .

- Ngài ăn gì để cho khỏe, tôi xin cúng dường.

- Thức ăn của tôi chỉ là thịt sống, máu tươi.

- Thôi được. Ngài viết hai câu kệ trên tảng đá đi, còn tôi sẽ leo lên cây cao buông mình xuống cho Ngài ăn. Vậy Ngài được món ăn, còn tôi học được hai câu kệ đó.

Dạ xoa đồng ý. Ngài leo trên cao vừa buông mình xuống, Dạ xoa hiện lại trời Đế Thích đỡ Ngài lên và tán thán.

Thường thường người đọc không hiểu được ý sâu, vì sao chỉ có hai câu kệ mà phải làm khó khăn như vậy? Hai câu sau đó là:

Sanh diệt diệt dĩ

Sanh diệt diệt rồi.

Tịch diệt vi lạc

Tịch diệt là vui

Hai câu trên muốn nhắc, mọi cái có tạo tác, có làm ra đều là vô thường, đều là pháp sanh diệt hết. Vậy ông phải dám buông cái sanh diệt này mới nghe được cái tịch diệt kia. Nên đợi ông phải dám buông, hy sinh cái thân, tức là quên cái sanh diệt này, cái ngã này mới nghe thấu cái tịch diệt kia.

Đoạn tiếp, đây dẫn Ngài A Nan đệ tử lớn của Phật, chỉ đa văn mà không nhận biết Phật. Tức không nhận biết Phật thật, nên mới bị nạn Ma đăng già. Còn hàng nhị thừa ngoại đạo cũng không nhận biết Phật thật, chỉ biết mấy bậc tu chứng cũng là rơi trong nhân quả, đó là nghiệp báo chúng sanh. Đó là không thấy được Phật thật, tức pháp thân của chính mình mà kẹt trên những



thứ lớp tu chúng, quả này quả kia. Hoặc là quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, cũng là rơi trong nhân quả, chưa phải chỗ tốt. Bởi vì tự tánh, nó có quả này quả kia, cấp bậc này cấp bậc kia gì đâu. Như khi chúng Tu Đà Hoàn, cũng là ai? Rồi lên Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán cũng là ai? Có người nào khác xen vào trong đó không? Đó chỉ là phương tiện thôi, chứ không phải thật sự có những thứ lớp như vậy. Ở đây, muốn cho mình thấy thấu lại tự tánh để vượt qua những cấp bậc đó, còn kẹt trên cấp bậc là còn kẹt trên những thứ lớp. Nên Tổ nói, đây là trái xa ý Phật, tức chê bai Phật, nói mạnh hơn "giết quách đi cũng không tội lỗi", giết quách là giết quách cái gì? Chỗ này, giảng không khéo làm người dễ lầm.

Giết quách, đây là giết quách luôn cái tâm ham mong cầu thứ lớp đó, thì mới không tội lỗi. Chứ đâu phải bảo mình giết quách sinh mạng người. Nên giảng trên chữ nghĩa dễ làm lầm người khác.

### CHÁNH VĂN:

*Kinh nói: người xiển đề chẳng sanh tín tâm, giết quách đi cũng không tội lỗi, nếu mà có tín tâm, người này là người ở địa vị Phật. Nếu chẳng thấy tánh, tức chẳng nên tùy tiện chê bai điều lương thiện của người, tự dối mình vô ích. Thiện ác rõ ràng, nhân quả rành rẽ, thiên đường địa*

*ngục ở ngay trước mắt. Người ngu chẳng tin, hiện rơi vào trong địa ngục hắc ám, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ vì nghiệp nặng, do đó chẳng tin. Người mù chẳng tin có ánh sáng, dẫu nói với y cũng chẳng tin, chỉ vì mù nên còn biết bằng vào đâu mà biện rõ ánh sáng mặt trời? Người ngu cũng lại như thế, hiện nay rơi vào trong tạp loại chúng sanh, sanh chỗ bần cùng hạ tiện, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng được. Mặc dù chịu khổ, khi hỏi đến cũng nói ta nay là vui sướng chẳng khác thiên đường. Nên biết, tất cả chúng sanh, chỗ sanh là vui, cũng chẳng hay chẳng biết; người ác như trên đây, chỉ vì nghiệp chướng nặng nề do đó chẳng thể phát tín tâm, chẳng phải do từ người khác.*

*Nếu thấy tự tâm là Phật, chẳng ở chỗ cạo bỏ râu tóc. Cư sĩ cũng là Phật.*

*Nếu chẳng thấy tánh thì cạo bỏ râu tóc cũng là ngoại đạo.*

Nếu có tín tâm người này ở địa vị Phật. Thế nào là tín tâm? Người này tin chắc tâm mình là Phật, lìa mọi đối đãi. Tin chắc như vậy, không ai có thể chen vào, chính đó là người ở địa vị Phật. Tức là sao? Tin chắc tâm mình là Phật, đó là nhân địa để thành Phật.

Nên kinh Viên Giác Phật dạy: "Nhân địa ban đầu để thành Phật của các Như Lai là tổ ngộ tánh Viên Giác"

lấy đó làm cái nhân, vậy người tin được điều đó là đang ở địa vị Phật. Nghĩa là ngay trong thân vô thường, tin chắc chắn có cái chân thật bất sanh bất diệt đó, đó là nhân chân thật để thành Phật. Nếu bám vào những pháp hữu vi, tạo tác sanh diệt làm cái nhân thì sẽ được cái quả sanh diệt.

**Nếu người chẳng thấy tánh, tức chẳng nên tùy tiện chê bai điều lương thiện của người, tự dối mình vô ích.**

Nếu người chẳng thấy tánh chớ nên bắt chước chê bai điều lương thiện, như cho rằng công phu thuộc các pháp hữu vi là còn đi trong vòng nhân quả... sự thật ở đây các Ngài đã thấu qua được rồi, còn mình chưa thấy tánh, lại chưa được những công phu như vậy mà chê, là sao? Nên chê khen như vậy là còn tâm đây kia, nhân quả khó tránh khỏi.

**Thiện ác rõ ràng, nhân quả rành rẽ, thiên đường địa ngục ở ngay trước mắt, người ngu chẳng tin, hiện rơi vào trong địa ngục hắc ám cũng chẳng hay biết.**

Bởi vì nghe người ta chê, cũng bắt chước chê theo, nhưng tâm mình còn đây kia, là còn kẹt trong nhân quả, khẩu nghiệp khó qua khỏi. "Nhân quả rõ ràng, thiên đường địa ngục ngay trước mắt". Đừng nói địa ngục không thật, rồi mặc tình chê khen, chính thiên đường địa ngục ngay tự tâm mình chứ không đâu khác. Tâm là nhân đưa đến thiên đường, cũng là nhân đưa đến địa ngục.

Có vị tướng đến hỏi thiên sư:

- Thiên đường địa ngục là có hay không?

Ngài hỏi: - Ông là gì?

- Tôi là hiệp sĩ.

Ngài bảo: - Tướng ông như vậy mà hiệp sĩ gì?

Ông nghe nói vậy nóng mặt, tay rút gươm ra liền,

Ngài cười ngất bảo:

- Đó, chính đó là cửa địa ngục.

Ông xấu hổ chợt tỉnh ngộ liền, cúi đầu sám hối.

Thiên sư cũng cười bảo:

- Đó, chính đó là cửa thiên đường.

Rõ ràng vậy thôi. Tâm mình vừa nóng giận, rút kiếm ra là mở cửa địa ngục, ngay đó tỉnh trở lại là mở cửa thiên đường. Nên thiên đường, địa ngục là ngay tâm, chứ không đâu khác.

Do đó, người tu cần phải thấu suốt lẽ nhân quả một cách rành rẽ, chớ có lơ mờ, rất nguy hiểm.

Nghĩa là mình chưa sáng thì phải chân thật thấp mình, thưa hỏi cho thấu đáo, đừng có kiêu mạn. Nếu nói mình hiểu đạo lý, ngộ đạo mà còn kiêu mạn quá thì phải xét lại. Nhất là phải hiểu sâu lý nhân quả, còn lơ mờ là chưa phải.

Ngài Sơ Sơn là vai chú ngài Ngưỡng Sơn. Hỏi một câu đáp không rành rẽ, Ngưỡng Sơn quả thành bị tiêu ngược ba mươi năm. Nhân quả không phải chuyện đùa, nhất là đối với các vị có đạo đức lớn mình càng phải cẩn thận. Đừng vội nghĩ hiểu chút đạo lý, khinh thường ngã

mạn là điều nguy hiểm.

Người tu Thiền phải cẩn thận điều đó. Hiện nay người tu Thiền dễ mắc bệnh xem thường nhân quả, bởi vì nghe nói gì cũng không. Tội tánh vốn không luôn. Nhưng chỉ nói cái lý thôi, chứ chấp vào lý không đó, rồi khinh mạn người này, khinh mạn người kia, bắt kẻ người trên, xem thường kẻ dưới, coi như chỉ có ta trên hết. Khi phước hết, họa tới trở tay không kịp.

**Người mù chẳng tin có ánh sáng, dẫu nói với y cũng chẳng tin chỉ vì mù. Nên còn biết bằng vào đâu mà biện rõ ánh sáng mặt trời? Người ngu cũng lại như thế, hiện nay rơi vào trong tạp loại chúng sanh, sanh chỗ bần cùng hạ tiện, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng được. Mặc dù chịu khổ, khi hỏi đến cũng nói ta vui sướng chẳng khác thiên đường.**

Nghe nói rơi vào trong tạp loại chúng sanh, sanh chỗ bần cùng hạ tiện, mình cứ tưởng rơi vào trong loài này loài kia. Nhưng sự thật có khi mình cũng đang rơi vào trong tạp loại chúng sanh đó cũng không hay. Nghĩa là trong tâm niệm của mình, có khi tâm niệm thánh thiện như trên trời, có khi cũng rơi vào tâm niệm hạ tiện của súc sanh, đâu có ngờ được. Dù chịu khổ khi hỏi đến cũng nói ta vui sướng, nghĩa là chấp vào cái ngã này, sanh vào đâu là bám vào cái ngã đó không dám bỏ. Đây mới thấy cái mê của chúng sanh, nên các huynh đệ thấy, con cá được nuôi trong hầm phân mà nó cũng vui vẻ,

giành giựt món ăn với nhau. Mình thấy thì tức cười, nhưng sự thật nhìn lại mình thì cũng không khác gì lắm. Các vị Trời nhìn xuống mình cũng thấy như nhóp, vậy mà mình cũng giành giựt nhau, tranh từ tiếng nói, ở trong đây cũng thấy vui sướng.

**Nên biết chúng sanh chỗ sanh là vui, cũng chẳng hay biết.**

Nghĩa là có sanh là vui thôi. Ai cũng thích sanh hết, cho nên luôn luôn tìm cái sanh, mất chỗ này tìm sanh chỗ khác. Do đó luôn luôn đi trong sanh tử, vì có sanh là phải có tử. Nên gọi là mê mờ, chỉ sống trong ảo tưởng mà không hay không biết. Đây gọi là người xấu, người ác như thế đó, chỉ vì nghiệp chướng nặng nề, nên không thể phát tín tâm, chứ không phải do từ ai khác ngăn mình, không cho mình ngộ. Tự mình mê, tự mình có quyền ngộ, chứ không phải ai ngăn. Biết như vậy, để mình xác định niềm tin rõ ràng.

**Nếu thấy tự tâm là Phật chẳng ở cao bỏ râu tóc, cư sĩ tại gia cũng là Phật. Nếu chẳng thấy tánh, cao bỏ râu tóc cũng là ngoại đạo.**

Chỗ này Tổ nói hơi mạnh. Sự thật ở đây muốn nói rằng, Phật này là Phật tự tánh thì đâu có tóc, đâu có cao, có hình thức tại gia, xuất gia, có ngu, có trí gì!

Chẳng thấy chỗ chân thật đó, dù mang hình thức xuất gia cũng là người đang hướng ra bên ngoài tìm cầu, Ngài nói cũng là ngoại đạo.

Ở đây, mình đã mang tiếng xuất gia rồi, nhưng ại tránh khỏi điều đó. Nên Ngài muốn nhấn mạnh lại, để mọi người phải thật thà xét lại chính mình xem, đừng vì

tự ái ngã mạn mà mình lờ qua. Đó là tự dối mình vô ích. Nhất là người xuất gia là người đi tìm chân lý, phải chân thật với chính mình. Không chân thật với chính mình, là còn có chỗ hổ thẹn. Đoạn cuối như cái roi quất mạnh vào những người xuất gia. Người xuất gia mà không phá bỏ được chỗ này thì so với người cư sĩ tại gia có hơn gì?

Đó là chỗ để mọi người phải kiểm lại để tự đánh thức mình vươn lên.

### CHÁNH VĂN:

*Hỏi: Cư sĩ có vợ con, dâm dục chẳng trừ, y cứ vào đâu mà được thành Phật?*

*Đáp: Chỉ nói thấy tánh chẳng nói dâm dục; chỉ vì chẳng thấy tánh, nếu được thấy tánh thì dâm dục xưa nay là rỗng lặng, tự nhiên đoạn trừ cũng chẳng ưa đắm. Dầu có dư tập, chẳng thể tự làm hại. Tại sao? Vì tánh vốn là thanh tịnh, tuy ở trong sắc thân năm uẩn, tánh ấy xưa nay thanh tịnh, nhiễm ô chẳng được. Pháp thân xưa nay là không thọ, không đói khát, nóng lạnh, không bệnh, không có ân ái, không quyền thuộc, không khổ vui, không tốt xấu, không có dài ngắn, không hay dở, không mạnh yếu, xưa nay không có một vật có thể được, chỉ vì chấp có sắc thân này, nhân đó liền có đói khát, nóng lạnh, những thứ độc, bệnh hoạn... những tướng như thế. Nếu chẳng*

***chấp mặc tình làm.***

Tổ nhấn mạnh phải thấy tánh - tức Phật pháp thân, thấy được tánh Phật pháp thân đó, vốn tự nó vượt qua mọi đối đãi. Dù cho tập khí dâm dục chưa sạch hết, nhưng trong đây khéo tu, ngay đây thấy được tánh thì rõ ràng dâm dục nó là không tánh, không có che ngại. nên mới thấy được tánh. Phải thấy tánh, liền rõ dâm dục không có tánh thật, ngay đây mình chuyển được. Không phải bảo cư sĩ có vợ con cũng thành Phật, đây Tổ nói cần thấy tánh, tánh vượt ngoài những đối đãi thì dâm dục đâu có thể che mờ?

Nên "thấy được tánh thì dâm dục xưa nay rộng lặng, tự nhiên đoạn trừ", nhưng chú ý là: "cũng chẳng được ưa đắm". Dẫu có dư tập, cũng không thể bị nó làm hại. Vì sao? Tánh vốn thanh tịnh. Bởi thấy tánh là thấy trước khi động niệm, trước khi có chúng sanh này. Trước khi động niệm, thì dư tập làm sao đến được chỗ đó? Trước khi động niệm, thì có tướng gì? Nên thấy trước khi động niệm thì rõ dư tập là huân tập sau này thôi. Trước khi động niệm dư tập bám vào chỗ nào? Thấy được chỗ đó, sống được chỗ đó là mình chuyển được. Chú không phải nói lý là không cần vào chùa tu, ở nhà cũng tu thành Phật được. Ý Tổ là phải thấy được tánh, sống được chỗ trước khi động niệm, chỗ tột cùng của mọi cái nghiệp, chỗ trước khi sanh khởi tất cả, thì nghiệp không tới được.

Thấy tánh, tức ở ngay trong sắc thân năm uẩn chứ không phải rời sắc thân năm uẩn này mà riêng có.



Nhưng ở trong sắc thân năm uẩn mà không bị các tập nghiệp nhiễm ô được, chính vì vậy mình tu hành khéo khéo hợp liền tỏ ngộ trở lại, nó sẵn có. Nếu tập nghiệp mà nhiễm ô được chỗ này thì mình cũng hết tu hành, vì nhiễm ô thì thành sanh diệt rồi. Vậy mình tu ngộ là ngộ cái gì? Bởi nó sẵn có đó, nhưng mình quên, khi tu mình khéo phá vô minh mê lầm này thì rõ được nó sẵn có từ xưa đến giờ. Như vậy mới có tỏ ngộ, nếu nó bị nhiễm ô thì thành sanh diệt luôn, đồng hóa với sắc thân, còn gì nữa mà ngộ. Ngài Lâm Tế nói: "trong cục thịt đỏ có vô vị chân nhân". Ngài Trần Thái Tông làm bài kệ:

Vô vị chân nhân thịt đỏ au

Hồng hồng trắng trắng chớ lầm nhau.

Ngay trong thân này có vô vị chân nhân, tức vị chân nhân không ngói thứ nhưng nếu mình lầm cho rằng "cục thịt đỏ" này là vô vị chân nhân là chết, là đi trong sanh tử. Nó ngay trong cục thịt đỏ đó, nhưng chớ có lầm với cục thịt đỏ. Chỗ này rất tế nhị, như câu chuyện con ngỗng chúa uống sữa chùa nước. Sữa với nước hòa nhau, nhưng con ngỗng chúa chọn lọc được, uống sữa chùa nước. Cũng vậy, ngay cục thịt đỏ nhưng chớ lầm với cục thịt đỏ đó, mới là người khéo thấy.

Người không nhận được chỗ này, nghe nói liền nghi ngờ, làm gì trong sanh diệt lẫn cái bất sanh bất diệt đó? Giáo lý ban đầu chưa nói đến đây, trong giáo lý ban đầu, chỉ dạy tất cả là vô ngã, chứ không nói thêm. Tu đến quán năm uẩn là vô ngã, chứng niết bàn là xong. Vậy tất cả đã

vô ngã còn có Phật tánh gì trong đó? Đó là ý ban đầu của Phật. Ban đầu Phật chỉ nói vô ngã thôi, vì căn cơ chúng sanh chưa đến. Lại nữa, Ấn Độ lúc đó còn có Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo chủ trương trong thân có "thần ngã" bất sanh bất diệt. Nếu Phật nói trong thân này cũng có "Phật tánh" bất sanh bất diệt, người ta lại lầm chấp với thần ngã của ngoại đạo, nên lúc đó Phật không nói. Phật chỉ nói phải phá hết không có ngã, nhưng khi phá hết không còn chấp ngã, chúng Niết Bàn thì tự mình biết liền, tự chứng nghiệm rồi đâu còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng sau này người ta nghi ngờ vì chưa chứng được niết bàn, không biết phá ngã rồi còn gì nữa không.

Nên giáo lý đại thừa mới nói đến Phật tánh để cho người ta không sợ chúng Niết Bàn, vô ngã rồi là không có gì hết. Đọc qua kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm hay Hoa Nghiêm, trong đó diễn tả những cảnh giới ngoài sức tưởng tượng của mình, mới vào pháp hội tràn ngập ánh sáng, tất cả đều là Thần, Thần Cây, Thần Núi, Thần đêm, Thần ngày... vùng mây ánh sáng đỏ, vùng mây ánh sáng hồng, tất cả đều linh diệu sáng ngời. Người đọc đến đây, tưởng đó là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, không phải cảnh giới của mình. Nhưng chính đó nói lên, không phải chúng Niết Bàn rồi không còn gì nữa, mà chúng Niết Bàn rồi, có đầy đủ diệu dụng bất khả tư nghì, khiến người không còn sợ đến đó thì tất cả đều là hư vô.

Cũng vậy, Phật tánh ở ngay trong sắc thân nhưng không phải sắc thân. Giai đoạn đầu phá hết, không cho

mình chấp ngã, để không làm với sắc thân này, nhưng khi sạch hết, hoàn toàn không còn chấp ngã thì cái gì biết vô ngã? Nhưng nghe nói "cái gì" thì người chưa chứng ngộ lại tưởng tượng có một cái ngã, do vậy ban đầu Phật không nói, để người chứng ngộ thì tự biết.

Hai câu thơ sau của bài kệ vua Trần Thái Tông:

Ai hay mây cuốn trời trong vắt

Ven trời sương biếc núi một màu

Ai có biết đâu, khi mây tan trời trong vắt, sạch hết vô minh thì trời màu xanh, sương cũng màu xanh, núi cũng màu xanh - chỉ một màu, ngay đó chân thật hiện tiền trước mắt. Sạch hết rồi mình mới thấy tâm cảnh nhất như. Như vậy để mình không có lầm nghĩ, khi sạch hết rồi là hoàn toàn hư vô, cũng không có lầm bản tánh với ngũ uẩn sanh diệt.

Pháp thân xưa nay không thọ, tức là không tiếp xúc, bởi vì khi có thọ là có tiếp xúc, có tiếp xúc là thuộc về cái bên ngoài. "Không có bệnh, không có đói khát..." tức không có những tướng đối đãi hai bên.

Như vậy dù cho nó mang thân năm ấm này, ở trong thân năm ấm này, nhưng năm ấm không có che được nó, nên nó không đói khát nóng lạnh gì. Ngay đây mình khéo chuyển lại liền thấu suốt, chứ không phải tìm đâu xa, các nghiệp không che được nó.

Ngài Văn Thù Tư Nghiệp làm nghề giết heo. Một hôm đang xẻ thịt heo bỗng đại ngộ, làm bài kệ:

Hôm qua tâm dạ xoa

Ngày nay mặt Bồ Tát.

Bồ Tát và dạ xoa

Chẳng cách một đường tơ.

Mới đó là đồ tể, ngộ được thì chuyển thành thánh hiền. Sau đó Ngài đi tham vấn gặp ngài Văn Thù Đạo, ngài Văn Thù Đạo hỏi:

- Nghe nói ông đang làm heo mà ngộ phải không? Vậy lúc đó ông ngộ cái gì?

Ngài Văn Thù Tư Nghiệp không nói gì hết, Ngài đứng làm thế xẻ heo. Đó là trả lời. Ngày xưa cũng xẻ heo, nhưng xẻ heo trong cái mê, bây giờ cũng làm thế xẻ heo, nhưng mà sáng ngời!

Nên nói nó ngay trong sắc thân năm uẩn, nhưng không phải bị sắc thân năm uẩn làm nhiễm ô.

Đừng có đồng hóa chính mình chân thật với sắc thân giả hợp này.

**Chỉ vì chấp có sắc thân này, nhân đó mới có lạnh nóng, đói khát... nếu chẳng chấp mặc tình làm.**

Chấp có sắc thân này tức thấy có ta, có ta nên mới có mọi thứ, còn quên ta thì cái gì nóng lạnh? Ngay đó còn lại cái gì, thì biết liền, nên nói chẳng chấp thì mặc tình làm không có vướng mắc. Còn có chấp, vừa làm một chút là có dính mắc rồi, nên với mình nói "vô tác", còn Tổ nói không chấp thì mặc tình tác, làm tất cả mà không dính gì hết.

**CHÁNH VĂN:**

*Nếu trong sanh tử được tự tại, chuyển tất cả pháp thì cùng với thánh nhân thần thông tự tại, không chỗ nào mà chẳng an ổn; nếu tâm có nghi, quyết định thấu chẳng qua được tất cả cảnh giới. Chẳng làm thì tốt nhất, còn làm rồi thì cũng chẳng khỏi luân hồi trong sanh tử. Nếu thấy tánh thì Chiên Đà La cũng được thành Phật.*

Đoạn trước nói chẳng chấp thì mặc tình làm. Đây Tổ nói lại, nếu trong sanh tử được tự tại, chuyển được tất cả pháp thì cùng với thánh nhân thần thông tự tại. Nếu tâm có nghi, không thể thấu qua mọi cảnh giới thì không làm là tốt nhất, chứ mặc tình làm, thì không khỏi sanh tử luân hồi, bởi vì tâm có nghi. Có nghi tức là tâm sanh, tâm sanh là có ngại, có ngại mà cố làm thì thành nghiệp. Ở đây nếu không chấp mới mặc tình làm, không chấp là ở trong sanh tử mới được tự tại, chuyển tất cả pháp.

Chuyển thế nào? Giờ tất cả pháp hiện có mặt ở đây làm sao chuyển, chuyển nó đi đâu? Chuyển tất cả pháp là không dừng ở một cái gì hết, không dừng lại ở cái gì là chuyển tất cả. Chứ không phải dừng ở mọi cái để chuyển nó, dụng tới cái nào là dính cái đó, chuyển như vậy là có tạo tác. Tức thấy nghe đi qua tất cả mà không dừng lại cái gì là chuyển nó rồi, không có gì dính mắc. Không phải nghe nói như vậy rồi mình dụng tâm để chuyển, có dụng

tâm, có lấy bỏ, là cũng nằm trong sanh diệt.

Nếu được đi qua tất cả mà không dính mắc thì cùng với thánh nhân thần thông tự tại. Nghe nói thần thông rồi có người ngồi chờ cho có thần thông là mê. Thần thông ở đây là nghe tiếng, thấy sắc, ngửi mùi mà tự tại, mà suốt qua tất cả, không bị cái gì ngăn chướng, Vì mình chuyển hết rồi, thì thấy nghe đều tự tại, không có gì che ngại, không có gì vướng mắc. Vậy không phải thần thông tự tại hay sao? Vậy mới vô ngại, mới là "không chỗ nào mà chẳng an". Đó cũng gọi là Vô Trụ Xứ Niết Bàn, Niết Bàn mà không trụ chỗ nào, nên chỗ nào cũng là Niết Bàn. Còn mình có chỗ trụ là hết Niết Bàn, có trụ là có sanh.

### **Nếu thấy tánh, Chiên Đà La cũng thành Phật**

Chiên Đà La là đồ tể. Nếu Chiên Đà La thấy tánh thì đâu còn bị tướng Chiên Đà La này che mờ, tức Chiên Đà La đâu còn là Chiên Đà La nữa, đã chuyển cái tên Chiên Đà La rồi.

Vậy người dữ cũng chuyển được. Đó là lý chân thật để cho mọi người đầy đủ niềm tin vươn lên. Nếu Chiên Đà La mãi mãi là Chiên Đà La thì không còn tu hành gì được, người ta đâu có cơ hội tiến lên. Còn nếu thấy tánh là chuyển được, vậy ai cũng có quyền chuyển để tiến lên, thì mới có tu. Đó là một lẽ thật.

**CHÁNH VĂN:**

*Hỏi: Chiên Đà La sát sanh tạo nghiệp thế nào được thành Phật?*

*Đáp: Chỉ nói thấy tánh chứ không nói tạo nghiệp, dù cho tạo nghiệp chẳng đồng, mà tất cả nghiệp bó buộc chẳng được. Từ vô thủy kiếp xa xưa đến nay chỉ vì chẳng thấy tánh, rơi vào địa ngục, do đó tạo nghiệp luân hồi trong sanh tử. Từ ngộ được bản tánh thì trọn chẳng tạo nghiệp, nếu chẳng thấy tánh niệm Phật muốn khỏi quả báo cũng chẳng được. Chẳng luận giết hại sanh mạng. Nếu thấy tánh tâm nghi chónh trừ, giết hại sanh mạng cũng chẳng làm gì được nó.*

Vì trước nói Chiên Đà La thấy tánh cũng được thành Phật. Nên ở đây hỏi lại Chiên Đà La sát sanh thế nào được thành Phật? Mình cứ bám chấp trên cái tạo nghiệp thôi, nhưng Tổ nhấn mạnh là **thấy tánh**. Nếu Chiên Đà La mà thấy được tánh là chuyển rồi. Để thấy rõ, ai ai cũng có đầy đủ Phật tánh, nghiệp không cố định mãi.

**Dù cho tạo nghiệp bất đồng, mà tất cả nghiệp bó buộc chẳng được, từ vô thủy kiếp đến nay chỉ vì chẳng thấy tánh, rơi vào địa ngục, do đó tạo nghiệp luân hồi trong sanh tử.**

Để thấy rõ, vô minh căn bản đó là quên tự tánh của mình, nên mới đi vào trong sanh tử, tạo nghiệp này

ngiệp kia; bây giờ tỏ ngộ tự tánh, tức là sống trở lại nguồn gốc ban đầu thì mình sẽ chuyển được nghiệp.

### **Từ ngộ bản tánh thì trọn chẳng tạo nghiệp**

Ngộ được bản tánh, thấy rõ cái chân thật sẵn có của mình từ bao giờ, thì những cái tạo tác nghiệp này nghiệp kia, so với cái chân thật bất sanh bất diệt cái nào quý hơn?

Cho nên người thấu suốt tự tánh rồi thì đừng tạo nghiệp để sống trở về tự tánh.

Thấy được tánh, thấu suốt được lẽ thật rồi thì tâm nghi ngờ sạch hết, như vậy mình chuyển được nghiệp, sát sanh mạng cũng không làm gì được nó. Ở đây cốt thấy tánh thì có con đường để vượt lên. Bây giờ mình sống ngay chỗ trước khi động niệm, thì nghiệp có đến cũng có bám vào được không? Ngay đó tức là tâm tự tại chứ gì?

Tổ Sư Tử thấy tánh, sống được tự tánh, khi Vua Kế Tân đến hỏi Ngài:

- Ngài có thấy năm uẩn đều không chẳng?

Ngài đáp:

- Thấy năm uẩn đều không.

Vua hỏi:

- Cho cái đầu được không?

Ngài đáp:

- Năm uẩn còn không thì sá gì cái đầu.

Vua chém đầu, nhưng Ngài cũng vẫn không mê. Thấy tánh, nghiệp không đến được là như vậy đó, chứ



không phải thấy rồi gạt bỏ nghiệp qua bên không còn gì hết. Nghiệp có đến nhưng không làm gì được, không bị che mờ. Chỗ chân thật là như vậy.

### CHÁNH VĂN:

*Từ Tây Thiên (Ấn Độ) hai mươi bảy vị Tổ, chỉ là lần lượt truyền tâm ấn, nay Ta đến cõi này chỉ là truyền Đốn Giáo Đại Thừa, tức tâm là Phật, chẳng nói trì giới, tinh tấn, khổ hạnh, cho đến vào nước vào lửa, lên vòng kiếm, ngày ăn một bữa, ngòi hoài chẳng nằm, cũng trọn là pháp hữu vi của ngoại đạo. Nếu biết được tánh linh giác động dụng tạo tác này thì ông chính là tâm Phật. Phật trước, Phật sau chỉ nói truyền tâm chứ trọn không có pháp gì khác. Nếu biết pháp này, phàm phu chẳng biết một chữ cũng là Phật. Còn nếu chẳng biết tánh linh giác chính mình, giả sử thân nát như vi trần mà tìm Phật trọn chẳng được. Phật cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bản tâm. Tâm này không có hình tướng, không nhân quả, không gân xương, giống như hư không lấy chẳng được, chẳng đồng với chất ngại, chẳng đồng với ngoại đạo.*

*Tâm này trừ một mình Như Lai thường hay lãnh hội được. Ngoài ra những chúng sanh mê mờ khác thì không có thấu rõ được. Tâm này chẳng lìa sắc thân bốn đại, nếu lìa tâm này tức không*

*thể cử động. Thân đó là vô tri như cây cỏ ngói gạch, thân là vô tánh, nhân gì mà có cử động?*

Hai mươi bảy vị Tổ, cũng là lần lượt truyền tâm ấn vậy thôi. Tổ Đạt Ma đến chốn này cũng là truyền môn Đốn Giáo "Tức tâm là Phật", nghĩa là nhận ngay Phật chính là tâm của mình, chứ không qua thứ lớp bên ngoài. Nên không nói tu giới, tinh tiến khổ hạnh, đó là những công phu tạo tác. Cho đến ngày ăn một bữa, ngồi hoài chẳng nằm... Ngài nói đó cũng là pháp hữu vi của ngoại đạo.

Đây để xác định rõ ràng Tổ Tổ là chỉ truyền tâm vậy thôi, không có gì khác. Nếu có gì để được, để hiểu là thuộc cái bên ngoài. Nhưng tâm làm sao truyền? Đây muốn nhắc để mình tự sống dậy, tự nhận thôi, chứ không phải tìm cái bên ngoài. Tinh tiến, khổ hạnh cũng là công phu bên ngoài, công phu tạo tác, nếu mình bám vào công phu đó để mà tự mãn, kiêu căng cũng là bệnh hoạn. Nếu có người nào tu ngồi hoài không nằm, ngày ăn một bữa thì thấy công phu mình số một rồi, người khác chưa được vậy, là sanh tâm coi thường. Nên người dù ngộ cao cách mấy mà còn thấy ta được thì phải xét lại.

**Nếu nhận được tánh linh giác ngay trong mọi cử chỉ động dụng thì ông chính là tâm chư Phật.**

Chính ngay mình đây là tâm chư Phật rồi không đâu khác. Mọi cử chỉ, mọi hành động sáng ngời chưa từng mê là gì rồi? Đó là Phật phóng quang rồi. Một hôm,

Ngài Thần Tán kỳ lưng cho thầy bốn sư, nói:

- Điện Phật đẹp mà Phật không thánh.

Trong thân này có Phật trong đó, nên nói "Điện Phật", nhưng "Phật không thánh" tức không có linh, có đó mà không biết.

Ngay đó thầy bốn sư quay đầu ngó lại, vừa ngó lại ngài Thần Tán tiếp:

- Phật không thánh mà thường hay phóng quang.

Ngay khi xoay đầu ngó lại là phóng quang rồi! Ngài nói vậy mà ông bốn sư còn chưa thấy, nếu ngay đó mà sáng tỏ thì trong mọi hành động, cử chỉ sáng ngời. Nên nói tánh linh giác ngay trong mọi cử chỉ, nhận được chỗ đó thì tâm ông chính là tâm chư Phật. Đó là nhân địa ban đầu để thành Phật, là nhân địa chân chính.

Trong kinh Viên Giác, Bồ tát Văn Thù hỏi Phật về nhân địa ban đầu để thành Phật.

Phật đáp: Nhân địa ban đầu để thành Phật là nhận được tánh Viên Giác. Đây cũng vậy, nếu mình nhận được chỗ này thì nhận được nhân địa ban đầu để thành Phật, là cái nhân chân chính. Còn những nhân khác thuộc sanh diệt vô thường, chưa phải thật. Nhấn nhục, tinh tấn, thiền định cũng chỉ là phương tiện để nhận được tánh linh giác này và để sống trở về thôi.

**Phật trước Phật sau chỉ nói truyền tâm chứ không có pháp nào khác. Nếu biết pháp này, phàm phu không biết một chữ cũng là Phật.**

Vậy không cần học gì hết cũng là Phật phải không?

Phải nhớ rõ, Tổ nói "nếu biết pháp này", tức thấy tánh, phàm phu không biết một chữ cũng là Phật. Đó là muốn chỉ rõ Phật không can hệ gì đến chữ nghĩa, mà mình cần thấy rõ Phật pháp sống động, Phật pháp là linh diệu, bất tư nghi. Đó mới là Phật pháp chân thật, chứ còn chữ nghĩa danh từ, lý này lý nọ cũng chưa phải là Phật pháp sống. Dù cho nói là mình thấy được lý cao siêu cách mấy, đó cũng là lý bị thấy, chưa phải Phật pháp thật. Làm sao phải thấy Phật pháp sống, chân thật đó, nên nói "phàm phu không biết một chữ cũng là Phật".

**Nếu không nhận biết tánh linh giác chính mình, giả sử thân nát như vi trần tìm Phật trọn chẳng được.**

Dù mình có đem thân này tìm cầu khổ hạnh, bỏ bao nhiêu thân nát như bụi tìm Phật cũng không thể được, nếu không nhận biết tánh linh giác. Nghĩa là, dù cho mình khổ hạnh cách mấy mà chưa nhận biết tánh linh giác thì cũng là còn đứng ngoài cửa. Rõ ràng như vậy.

Trong thời Phật, đọc sử mình thấy có nhiều ngoại đạo tu khổ hạnh biết mấy, mà không biết được tánh linh giác cũng là mê mờ trong sanh tử, cũng còn nguyên cái ngã. Mình so với các vị đó chưa thấm vào đâu. Có vị ngày ăn ít hạt mè, suốt ngày đứng một chân, nằm trên than. Những ngoại đạo Lôa thể Ni Kiền Tử, ở trần trường còn lấy tro trét đầy người nữa, nhưng không thấy được tánh linh giác là còn cái ngã thôi. Nên dù đem thân nát như vi trần tìm Phật cũng không được.

**Phật cũng gọi là pháp thân, cũng gọi bản tâm. Tâm này không có hình tướng, không nhân quả, không gân xương, giống như hư không, lấy chẳng được chẳng đồng với chất ngại.**

Tỏ muốn chỉ cho mình thấy Phật sống chứ không mắc kẹt, không chết trên danh từ. Phật là pháp thân, Phật này "giống như hư không", lấy chẳng được, chẳng đồng với chất ngại. Đó là chỗ mình phải chú ý. Phật này không đồng với vật chất, chớ có sanh hiểu nó là một vật. Nếu mình nghe nói nó là pháp thân, là Phật tánh rồi tưởng nó thành một vật để hiểu, thành ra chất ngại, nghĩa là chớ có **chen một cái ta** vào trong đó, chen cái ta vào đó để hiểu là không phải liền.

**Tâm này trừ một mình Như Lai thường hay lãnh hội được. Ngoài ra những chúng sanh mê mờ khác thì không có thấu rõ được. Tâm này chẳng lìa sắc thân bốn đại, nếu lìa tâm này tức không thể cử động được. Thân đó là vô tri, như cây cỏ ngói gạch, thân là vô tánh nhân gì có cử động?**

Chỉ có mình phải chứng nghiệm thôi, không thể lấy tâm phàm hiểu được, phải lấy tâm giác mới hiểu được, nên nói chúng sanh mê thì không thể thấu tỏ.

Tâm này chẳng đồng với chất ngại, nhưng cũng không rời sắc thân này, nếu lìa tâm, thân này làm gì có cử động, tức đồng như cây cỏ ngói gạch vô tri. Nó có cử động là có tâm này trong đó, nhưng mình phải khéo làm sao nhận được nguồn tâm chân thật, nguồn phát ra mọi

cử động đó, chú đừng có làm lẫn bám chấp trên mọi cử động là tướng sanh diệt. Sống được với nguồn thể đó, những cử động này có qua đi, nhưng nguồn đó vẫn còn sống động mãi. Nếu bám trên những cử động, khi nó qua đi liền chới với.

### CHÁNH VĂN:

*Nếu tự tâm động, cho đến nói năng, động dụng, thấy nghe hiểu biết đều là tâm động khởi dụng:*

*Động là tâm động  
Động tức là dụng.  
Ngoài dụng không tâm  
Ngoài tâm không động.  
Động chẳng phải tâm  
Tâm chẳng phải động.  
Động vốn không tâm  
Tâm vốn không động.  
Động chẳng là tâm  
Tâm chẳng là động.  
Động không tâm là  
Tâm không động là  
Động là tâm dụng  
Dụng là tâm động  
Động tức tâm dụng  
Dụng tức tâm động*

**Chẳng động chẳng dụng  
Dụng thể vốn không  
Không vốn không động.  
Động dụng đồng tâm  
Tâm vốn không động.**

Nếu rõ tự tâm, thì nói năng, cử chỉ, thấy nghe hiểu biết đều là dụng của tâm, ngay nơi những chỗ này khéo nhận trở lại liền sáng tỏ. Bởi vậy, các vị thiền sư khi các ngài tham thiền mà tâm thuần thực thì ngay một cử chỉ, ngay một hành động các ngài đều tỏ ngộ được, những cái đó đều từ tâm phát ra thôi. Nên động là tâm động, động là dụng của tâm, ngoài động dụng không có tâm, ngoài tâm không có động dụng nào khác. Mình phải khéo ngay động mà bất động đó là hay. Nói như vậy, nhưng mình phải chín chắn mà nhận cho rõ ràng, nói "Ngoài tâm không động, ngoài động không tâm", rồi ngài lại nói thêm "Động chẳng phải tâm, tâm chẳng phải động". Không tâm lấy gì mà động dụng? không tâm lấy gì biết nghe thấy, biết hỏi, biết đáp? Nhưng phải cẩn thận, chớ nên hồ đồ mà nhận càn nhận bướng. Phải thấy ngay trong thể chân thật kia, ngay cái động mà bất động, không có dừng trên tướng động, đó mới là cái thật. "Động chẳng phải tâm, tâm chẳng phải động". Như vậy có mâu thuẫn không? Bởi có "động" thì có "lặng". Có "động" có "lặng" là có sanh diệt rồi, làm sao là bản tâm được? Bản tâm là cái sanh diệt sao? Do đó, phải ngay trên cái động

dụng mà thấy cái thể của động dụng, thì cái đó không động dụng gì hết, đó mới là nguồn chân thật của mọi động dụng kia.

**"Động vốn không tâm, Tâm vốn không động".**

Sao trước nói có tâm mới có động? Để thấy, động mà không có gì khác để động, cũng như tâm mà không có thêm tướng động thứ hai: *Động là toàn tâm động*, nghĩa là ngay cái động đó là toàn tâm động chứ không có cái động thứ hai. Còn mình không phải như vậy, động thì *có tâm có động*, nên cái động ngoài tâm. Ở đây Tổ nói là hoàn toàn tâm động, vậy làm sao phân biệt là tâm là động? Như vậy mới chân thật nhận rõ, ngay động tức là tâm.

Mình chỉ động một chút rồi phân biệt trong đó, nên có động có tâm, giống như có hai cái.

**"Động chẳng thể là tâm, Tâm chẳng thể là động"** hai cái chẳng rời nhau, nhưng không thể làm trên tướng động đó.

"Động không tâm là, Tâm không động là" tức là khi động là toàn tâm động thôi, không có cái động riêng.

**"Động là tâm dụng, dụng là tâm động. Động tức tâm dụng, dụng tức tâm động. Chẳng động chẳng dụng, dụng thể vốn không. Động dụng đồng tâm, Tâm vốn không động".**

Nói giống thần chú. Ở đây mình phải quên cái niệm là động là tâm, không có phân biệt là tâm là động nữa, quên cái thể cái dụng.

Vì mình còn mê, nên tạm nói có tâm có động, có thể



có dụng, để mình thấy rõ ngay cái dụng có thể trong đó. Nhưng đến chỗ chân thật rốt ráo phải quên luôn niệm "thể-dụng, tâm-động". Tâm-động đều quên không còn phân chia", ngay đó chỉ là một thể tâm sáng ngời thôi. Như vậy mới là chỗ chân thật. Chứ còn thấy có tâm, có động là còn thấy có hai. Như còn thấy có thể, có dụng là còn có hai. Còn toàn thể là dụng rồi thì còn gì phân hai nữa. Nên đến chỗ đó mới là chỗ thể nghiệm. Còn đây là trên lý luận để cho hiểu, chúng nghiệm được là phải đến chỗ đó.

### CHÁNH VĂN:

*Nên kinh nói: Động mà không có chỗ động.*

*Trọn ngày đi lại mà chưa từng đi, trọn ngày thấy mà chưa từng thấy, trọn ngày cười mà chưa từng cười, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe, trọn ngày biết mà chưa từng biết, trọn ngày mừng mà chưa từng mừng, trọn ngày đi mà chưa từng đi, trọn ngày đứng mà chưa từng đứng.*

*Cho nên kinh nói: Dứt đường nói năng, bặt chỗ tâm suy nghĩ, thấy nghe hiểu biết vốn tự tròn lặng, cho đến mừng giận đau ngứa đầu khác người gỗ, chỉ vì suy tìm đau ngứa chẳng thể được. Cho nên kinh nói: Nghiệp ác tức quả báo khổ. Nghiệp thiện tức được quả báo lành, chẳng những nóng giận thì rơi địa ngục, mừng vui tức sanh thiên đường. Nếu biết mừng giận tánh nó là không, thì*

*chỉ chẳng chấp tức là được thoát nghiệp.*

*Nếu chẳng thấy tánh, thì giảng kinh quyết không có y cứ.*

*Nói cũng không hết, lược nêu ra tà chánh như thế chẳng kịp đến một hai.*

Đây là dẫn kinh, động mà không có chỗ động, thì ngay đó là chuyển tất cả pháp. Cho nên mới nói rằng, trọn ngày thấy mà chưa từng thấy, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe... Thấy nghe tất cả mà vẫn nguyên vẹn là thấy nghe, như nó là nó. Còn mình thấy nghe cái gì, là có cái bị thấy, bị nghe, nên là động. Thấy nghe tất cả nhưng vẫn nguyên vẹn là thấy nghe, như nó là nó thôi thì còn cái gì che mờ được? Nên nói trọn ngày làm tất cả mà chưa từng làm. Đó là chỗ sống nhiệm mầu trong nhà Thiên, **như thị là như thị**, là Như Lai hiện tiền.

Bà ni Huyền Cơ đến ngài Tuyết Phong, Tuyết Phong hỏi: "Bà tên gì?". Đáp: "Huyền Cơ".

Lại hỏi "Ngày dẹt được bao nhiêu?" là để thử công phu của Bà như thế nào. Đáp: "Tất tợ chẳng dính", tức là trọn ngày làm tất cả mà không dính gì hết. Đó mới làm mà chưa từng làm.

Đây là chỗ sống nhiệm mầu, chỗ bảo nhậm trong nhà Thiên.

**Cho nên kinh nói: Dứt đường nói năng, bật chỗ tâm suy nghĩ, thấy nghe hiểu biết vốn tự tròn lặng, cho đến mừng giận đau ngứa, đâu khác**

**người gỗ, chỉ vì suy tìm đau ngứa chẳng thể được.**

Nói như vậy, nhưng chỗ này phải bật đường nói năng, bật chỗ tâm hành, thì thấy nghe hiểu biết vốn tự tròn lặng. Còn suy nghĩ đến được là còn chỗ để duyên, còn chỗ duyên đến là còn chỗ cho tình thức đi tới, đó là sanh diệt.

Do đó mừng giận đau ngứa đau khác người gỗ, chỉ vì suy tìm đau ngứa chẳng thể được. Nếu ngồi Thiền mà thấy được chỗ này là hết sợ đau. Đau ngứa nhưng cũng đau thể đau ngứa đến chỗ này; nếu thấy được chỗ đó thì trong cái đau ngứa có cái **không đau ngứa**, không có chỗ để đau ngứa đến.

Vậy làm sao có sanh diệt? Vì nếu có đau ngứa, thì có khi đau khi hết đau, còn cái đau ngứa không thể đau ngứa đến chỗ này, thấy được chỗ đó, sống được chỗ đó, thì đau ngứa đau còn chi phối được.

**Cho nên kinh nói: Nghiệp ác tức được quả báo khổ, nghiệp thiện tức được quả báo lành, chẳng những nóng giận rơi địa ngục, mừng vui tức sanh thiên đường. Nếu biết mừng giận tánh nó là không, thì chỉ chẳng chấp là thoát được nghiệp.**

Đó chỉ cho hai bên, còn tạo nghiệp thiện ác tức còn quả báo, nhưng phải thấy rõ **thiện ác tánh nó là không**, tức không có cố định. Vì sao không cố định? Mừng giận nếu cố định thì chắc là mình hoặc vui thì vui cả ngày, hoặc giận thì giận luôn cả ngày. Nhưng mình có khi giận, có khi vui, tức chỉ nó không có tánh cố định,

tuỳ duyên thôi.

Hiểu như vậy, mình thấy rõ trở lại, thấu suốt tự tánh, sống với tự tánh chuyển được hai bên. Cho nên chẳng chấp tức là thoát được nghiệp, còn thấy cố định đây là cái giận của tôi, đó là mê. Thấy rõ mừng giận không thật chỉ tuỳ duyên mà nó hiện ra thôi, khi duyên qua rồi, tìm mừng giận không đâu có.

**Nếu chẳng thấy tánh, thì giảng kinh quyết không có y cứ. Nói cũng không hết, lược nêu ra tà chánh như thế chẳng kịp đến một hai.**

Nếu không thấy tánh, giảng kinh học đâu nói đó, không có bằng cứ. Nói mà còn không tin lời mình nói. Còn có thấy tánh, rõ ràng rồi, lời nói của mình xác quyết, tin chắc, gọi là có y cứ.

Lược nêu ra tà chánh như thế chẳng kịp đến một hai, nói cũng không hết được, chỗ này mình phải chứng nghiệm.

Tóm lại, còn nghiệp thiện, còn nghiệp ác tức còn quả báo. Nhưng phải thấy rõ, quả báo tánh nó là không, mình có thể chuyển. Song còn thấy có nghiệp thiện, còn thấy có nghiệp ác là còn trong đối đãi. Nếu còn niệm thiện, còn niệm ác là còn chỗ bị thấy. Do đó ngài Đạo Ứng mới bị ngài Động Sơn quở. Một tuần lễ không đến ăn cơm, ngài Động Sơn hỏi, Sư bảo có thiên thần dâng cơm. Động Sơn bảo: "Sẽ bảo ông là kẻ còn kiến giải", tức còn chỗ bị thấy, do thiên thần thấy được mới đến dâng cơm. Lại bảo: "Thôi, chiều nay ông hãy đến đây". Chiều,

Đạo Ứng đến, ngài Động Sơn bảo:

- Am chủ Ứng! Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?"

Sư về ngòi yên, ba ngày thiên thần tìm không thấy, hết dâng cơm.

Không còn rơi vào thiện ác nữa, còn bám vào chỗ nào? còn tưởng gì để thấy? nên thiên thần hết chỗ tìm thấy. Còn mình được chút gì linh, cho rằng mình tu có phước, coi chừng bị kẹt.

### CHÁNH VĂN:

*Nói kệ :*

*Tâm, tâm, tâm khó thể tâm  
Khi rộng trùm khắp pháp giới  
Khi hẹp chẳng chứa mũi kim.  
Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật  
Rõ biết tam giới không, không vật.  
Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm  
Chỉ tâm này, tâm này là Phật.  
Ta vốn cầu tâm, tâm tự giữ  
Cầu tâm chẳng được đợi tâm biết.  
Phật tánh chẳng từ ngoài tâm được  
Tâm sanh liền đó tội liền sanh.*

Tâm, tâm, tâm tức tâm ba thời: tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai. Dem tâm ba thời đó mà tìm, thì khó tìm được, "bất khả đắc". Chỗ này ngài Đức Sơn bị bà già gạt. Bà già hỏi: "Thầy là giảng sư, giảng kinh Kim Cang, bây giờ tôi xin hỏi Thầy: Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được, bây giờ thầy điếm tâm nào?"

Đức Sơn lo suy tìm, tức là bị kẹt trong lời nói của bà già. Theo tâm ba thời đó tìm xem lấy tâm nào mà "điếm" đó là kẹt. Dùng tâm ba thời làm sao đến được chỗ này.

Bà già nói tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, hỏi điếm tâm nào là ý muốn nhấn mạnh cái đang hỏi đáp hiện tiền đây mà không biết, lo đi tìm coi tâm nào để trả lời, không phải bỏ mất cái chính đang hiện tiền đây sao!

Nếu ngay đây ngài lạnh lẽo chút, thì bảo lấy bánh ăn là xong.

**Khi rộng trùm pháp giới, khi hẹp chẳng chứa mũi kim.**

"Rộng trùm pháp giới, hẹp chẳng chứa mũi kim" làm sao thấy nó để mà tìm? Đây là mình phải dứt bật niệm lớn nhỏ, rộng hẹp, mới thấy được nó, còn kẹt trong tướng lớn nhỏ, rộng hẹp là còn mê đó thôi. Nên trong nhà Thiên có câu: Nghe nói như vậy suy nghĩ nát đầu làm sao nhét? Đó là mình còn kẹt trong tướng lớn nhỏ. Còn rõ được chỗ này, lớn nhỏ cũng là giả tướng thôi thì

có gì bận lòng.

**Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật, rõ biết tam giới không, không vật:**

Tức ngoài tâm không có gì khác để thấy, để mà cầu. Vậy còn chỗ nào để bám, để sanh?

Nếu thấy rõ được chỗ này, luôn luôn nhớ chỗ này, khi chết khỏi phải sợ. Ngoài tâm không còn gì khác để được để thấy, vậy còn chỗ nào để mình đến?

Nên khi gần chết vua Trần Thánh Tông gõ gõ gối ca Chúng Đạo Ca:

Rành rành thấy không một vật,  
Cũng không người cũng không Phật.  
Cõi cõi đại thiên, bọt nổi trôi,  
Hết thấy thánh hiền như điện chớp.

Khi gần chết thấy được chỗ này là hết chỗ để đi. Cả đại thiên như hòn bọt trong biển cả vậy thôi, có chỗ nào đến! Tất cả thánh hiền như điện chớp, thì còn chỗ nào để mà cầu? Hết chỗ đến đi.

**Nếu muốn cầu Phật, chỉ cầu tâm. Chỉ tâm này tâm này là Phật:**

Tổ xác định rõ tâm này là Phật thôi, không gì khác. Nhưng tâm này là tâm nào? Vừa nghĩ ngợi liền rơi vào trong tâm ba thời, thì không phải tâm này.

**Ta vốn cầu tâm, tâm tự giữ. Cầu tâm chẳng được đợi tâm tri:**

Cầu tâm nhưng không được đợi tâm biết. Đó mới là chỗ đặc biệt. Mình thì cầu là để biết, ở đây Tổ bảo "Cầu

tâm mà không đợi biết". Đợi biết là thành cái bị biết rồi.

**Phật tánh chẳng từ ngoài tâm được. Tâm sanh liền đó tội liền sanh:**

Tại sao tâm sanh tội liền sanh? Tâm sanh tức liền động, mà động là có thiện ác, có tội phước, có đối đãi. Động là có cái bị thấy rồi, trái với bản tâm chân thật, nên tội liền sanh. Tội đầu tiên là gì? Tội quên mình, từ tội đó có đủ các tội khác tiếp theo.

### CHÁNH VĂN:

*Nói kệ :*

*Ta vốn đến chốn này.*

*Truyền pháp cứu tình mê.*

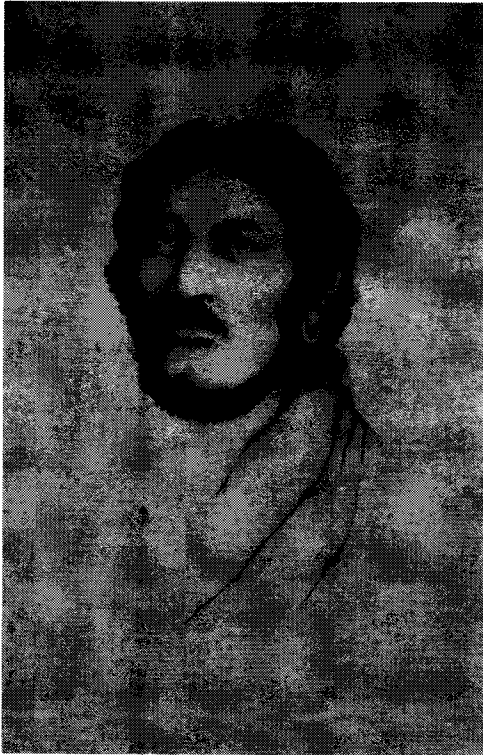
*Một hoa nở năm cánh.*

*Kết trái tự nhiên thành.*

**Tóm lại:** Phật tánh vốn nơi tự tâm không đâu khác, không có trong sách vở, chữ nghĩa, cũng như không có trong những danh từ rỗng, mà chính ngay tự tâm, cái biết sáng ngời đang hiện có đây thôi



Như vậy, cử động qua lại rõ ràng mà chưa từng mê, đó là gì mình biết liền. Ngay đó khéo sống trở lại, đó là huyết mạch.



# QUÊN TRAU GÒN NGƯỜI



Ky Nguen  
nguyen ja  
ja không  
tác hệ  
tác nhân  
gia ja  
sơn nhân

Hồng Tiên  
nhất thặng  
tam không  
can sơn  
ja thảo  
tác song  
mộng gian